

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán TP HCM

1. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
2. Mã chứng khoán : NT2
3. Địa chỉ trụ sở chính: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai
4. Điện thoại : 0251. 2225.893 Fax: 0251. 2225.897
5. Người thực hiện CBTT: Trịnh Quốc Thắng
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - Báo cáo thường niên năm 2017 (đính kèm).
7. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 vào ngày 28/02/2018 tại địa chỉ:
<http://www.pvpnt2.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

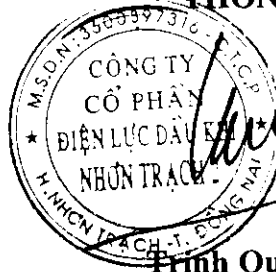
Nơi nhận:

- Như trên;
- CT.HĐQT;
- Phó GD phụ trách;
- Lưu VT; SK&QHCD.

Đính kèm

- Báo cáo thường niên năm 2017.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ
THÔNG TIN**



Trịnh Quốc Thắng
Trịnh Quốc Thắng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	7
TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI	9
1. Tâm nhìn.....	9
2. Sứ mệnh	9
3. Giá trị cốt lõi.....	9
I. TỔNG QUAN CÔNG TY	10
1. Thông tin khái quát	10
2. Quá trình hình thành và phát triển	11
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	12
3.1 Mô hình quản trị	12
3.2 Đại hội đồng cổ đông	12
3.3 Hội đồng quản trị	12
3.4 Ban Kiểm soát	12
3.5 Ban Điều hành.....	13
3.6 Sơ đồ tổ chức.....	14
4. Định hướng phát triển	14
4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty	14
4.3.1 Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững.....	15
4.3.2 Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng	15
5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty	17
5.1 Rủi ro đặc thù	17
5.1.1 Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào.....	17
5.1.2 Rủi ro tỷ giá	18
5.1.3 Rủi ro về cạnh tranh	18
5.2 Rủi ro kinh tế	19
5.3 Rủi ro chính sách, luật pháp.....	20
5.4 Rủi ro về biến động giá cổ phiếu.....	20
5.5 Rủi ro khác	20
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	21



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	21
1.1	Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	21
1.2	Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, cung cấp khí, sự cố bất thường	22
1.3	Công tác quản lý chi phí, công tác tiết kiệm	22
1.4	Công tác thị trường điện	22
1.5	Công tác thương mại hợp đồng	22
1.6	Công tác an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy	23
2.	Tổ chức và nhân sự	23
2.1	Hội đồng quản trị	23
2.1.1	Thành viên Hội đồng quản trị	23
2.1.2	Tóm tắt lý lịch các nhân các thành viên trong Hội đồng quản trị	23
2.2	Ban Điều hành	27
2.2.1	Thành viên Ban Điều hành	27
2.2.2	Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành	27
2.3	Ban Kiểm soát	32
2.3.1	Thành viên Ban kiểm soát	32
2.3.2	Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban kiểm soát	32
2.4	Một số giải thưởng tiêu biểu	34
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn	34
4.	Tình hình tài chính	35
4.1	Tình hình tài chính	35
4.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	35
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	37
5.1	Cổ phiếu	37
5.2	Cơ cấu cổ đông	38
5.2.1	Theo tỷ lệ sở hữu	38
5.2.2	Theo loại hình cổ đông	38
5.3	Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	39
5.4	Giao dịch cổ phiếu quỹ	39
5.5	Các chứng khoán khác	39
III.	BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY	40



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

1.	Quản lý nguồn nguyên liệu	40
2.	Tiêu thụ năng lượng	40
2.1	Nhiên liệu khí	40
2.2	Điện sử dụng	40
2.3	Khí thải	41
3.	Tiêu thụ nước	42
3.1	Nguồn nước cung cấp	42
3.3	Biện pháp tiết kiệm nước	43
3.4	Xử lý nước thải	43
4.	Chất thải	46
4.1	Chất thải rắn sinh hoạt	46
4.2	Chất thải nguy hại	47
5.	Tiếng ồn	48
6.	Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	48
7.	Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	48
8.	Chính sách liên quan đến người lao động	49
8.1	Tóm tắt chính sách đối với người lao động	49
8.2	Số lượng lao động và cơ cấu lao động	49
8.3	Mức lương bình quân	50
8.4	Chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động	51
8.4.1	Mối quan hệ giữa người quản lý lao động và người lao động – Giữ gìn giá trị bền vững	51
8.4.2	Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường	51
8.5	Các chương trình đào tạo và số giờ đào tạo	56
8.5.1	Các chương trình đào tạo	56
8.5.2	Số giờ đào tạo	57
8.6	Các chương trình phát triển kỹ năng người lao động	57
9.	Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	57
IV.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC	59
1.	Tình hình phát triển ngành Điện	59
2.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	60
2.1	Đánh giá chung	60



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

2.2	Kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật năm 2017	60
3.	Tình hình tài chính	62
3.1	Tình hình Tài sản	62
3.2	Tình hình Nguồn vốn	63
4.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	63
4.1	Nâng cao công tác Quan hệ cổ đông	63
4.2	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật	64
4.3	Áp dụng phương pháp 5S vào hoạt động sản xuất kinh doanh	65
5.	Kế hoạch phát triển tương lai	65
5.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018	65
5.1.1	Các chỉ tiêu chính năm 2018	65
5.1.2	Các giải pháp thực hiện hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018	65
5.2	Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng	66
5.3	Công tác đầu tư phát triển	66
6.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty	66
6.1	Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường	66
6.2	Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động	67
6.3	Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương	68
V.	ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	69
1.	Về các mặt hoạt động của Công ty	69
2.	Về hoạt động của Ban Điều hành	69
3.	Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018	69
VI.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	71
1.	Hội đồng quản trị	71
1.1	Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị	71
1.2	Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2017	71
1.3	Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	72
1.4	Hoạt động của Hội đồng quản trị	72
1.5	Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành	74
1.6	Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành	74
2.	Ban Kiểm soát	75



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

2.1	Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát.....	75
2.2	Hoạt động của Ban Kiểm soát.....	75
2.2.1	Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát	75
2.2.2	Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát	75
2.3	Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát.....	75
2.3.1	Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty	75
2.3.2	Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác của Công ty.....	76
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS	76
3.1	Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác.....	76
3.2	Các giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ.....	77
3.3	Hợp đồng hoặc giao dịch lớn với Công ty con.....	77
3.4	Thực hiện các quy định về Quản trị Công ty.....	77
VII.	BÁO CÁO TÀI CHÍNH	79
1.	Ý kiến kiểm toán	79
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán	79
	Phụ lục đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.	79



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính gửi: Quý cổ đông và nhà đầu tư!

Đón chào 2018, năm 2017 khép lại với những thành tích đáng tự hào về nhiều sự kiện đáng nhớ của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2).

Năm 2017 – đánh dấu chặng đường tròn 10 năm hình thành và phát triển, mở ra hành trình mới cho NT2. Ngày 03/10/2017, NT2 đã hoàn thành xuất sắc công tác đại tu lần đầu nhà máy điện tua bin khí chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 sau 32 ngày thực hiện - vượt tiến độ 06 ngày, đảm bảo chất lượng, hiệu quả, an toàn tuyệt đối. Sau đại tu, các tổ máy đảm bảo vận hành tin cậy, liên tục và công suất nhà máy tăng thêm 24 MW so với trước đại tu. Ngày 26/10/2017, NT2 cán mốc sản lượng 30 tỷ kWh phát lên lưới điện Quốc gia sau 6 năm vận hành thương mại Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2017 là một năm không ít khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của NT2 khi tình hình khí hậu, thủy văn phức tạp, lượng mưa lớn, liên tục trên diện rộng, kéo dài sang cả mùa khô dẫn đến sản lượng điện các nhà máy thủy điện được thị trường huy động cao, giá thị trường thấp, tình hình biến động tỉ giá thay đổi bất thường, tỉ giá ngoại tệ, đặc biệt là đồng EUR biến động tăng cao ảnh hưởng đến đến khoản chênh lệch tỉ giá đánh giá lại cuối kỳ và khoản tỷ giá thực hiện của năm. Năm 2017, NT2 thực hiện đại tu bảo dưỡng định kỳ toàn bộ Nhà máy, các tổ máy phải dừng trong vòng 32 ngày. Bên cạnh đó, một số nhà máy nhiệt điện công suất lớn khu vực như Vĩnh Tân, Duyên Hải hoàn thành, phát điện lên lưới, công suất toàn Hệ thống điện tăng lên đáng kể, tăng tính cạnh tranh cao trong thị trường phát điện.

NT2 nhận biết biến khó khăn thành thuận lợi, tính toán chào giá cân đối giữa mục tiêu sản lượng điện phù hợp với tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông/nhà đầu tư. Mặc dù, sản lượng điện năm 2017 là 4,337 tỷ kWh, đạt 97,5% kế hoạch năm nhưng tổng doanh thu là 6.826 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch, lợi nhuận sản xuất kinh doanh chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ là 1.100 tỷ đồng, đạt 152% kế hoạch, lợi nhuận sau thuế 810,4 tỷ đồng, đạt 118% kế hoạch. Đạt được kết quả đáng khích lệ trên nhờ NT2 chủ động lập kế hoạch, kiểm soát chặt chẽ và tiết kiệm chi phí; thực hiện tốt công tác vận hành và tối ưu công tác chào giá.

NT2 luôn tập trung vào hoạt động cốt lõi sản xuất kinh doanh điện năng. Ngoài vận hành thường xuyên, NT2 chú trọng công tác bảo dưỡng sửa chữa để máy móc luôn ở tình trạng tin cậy. Chúng tôi hiểu rằng, nếu gặp sự cố, mỗi ngày dừng máy sẽ gây thiệt hại hàng chục tỷ đồng cho Công ty. Năm 2017, NT2 đã đại tu lần đầu Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 thành công, không những vượt tiến độ, còn tiết kiệm chi phí thực hiện thấp hơn so với dự toán. Sau đại tu, nhà máy điện Nhơn Trạch 2 gần như nhà máy mới, tin cậy, vận hành ổn định, độ khả dụng cao, đóng góp quan trọng trong hệ thống điện Việt Nam, đặc biệt là khu vực miền Đông Nam Bộ. Là đơn vị phát điện độc lập, hạch toán rõ ràng, tiết kiệm chi phí quản lý, chi phí vật tư tiêu hao...chúng tôi luôn khẳng định được thương hiệu NT2 trên thị trường điện và thị trường chứng khoán. NT2 luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính, thực hiện tốt công tác phân loại, thu hồi công nợ tiền điện.

Năm 2017, NT2 đã tất toán trước hạn 02 hợp đồng vay trong nước và thanh toán đúng hạn các khoản vay Quốc tế. Những con số “biết nói” về hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

qua đã cho nhà đầu tư/cổ đông thấy rõ hơn về NT2. Minh chứng cho sự phát triển đó, năm 2017 NT2 vẫn giữ vững vị trí trong chỉ số VNI30, được đánh giá Top 50 Công ty niêm yết tốt nhất do Forbes bình chọn; xếp hạng 123 trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500), tăng 28 bậc so với năm 2016; Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững; Doanh nghiệp vì người lao động...

Năm 2017, NT2 tiếp tục nhận được khoản thanh toán chênh lệch tiền điện hồi tố từ EVN. NT2 kiểm soát tốt các rủi ro tài chính, dòng tiền thuần ổn định, tăng trưởng đều hằng năm. Dư nợ gốc và lãi vay quốc tế tiếp tục giảm 10%. NT2 đã tạm ứng 10% cổ tức bằng tiền cho cổ đông và tiếp tục cân đối dòng tiền đảm bảo thanh toán cổ tức cho cổ đông không thấp hơn kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư!

Năm 2018 – mở ra hành trình mới phát triển; những ngày đầu năm, cổ phiếu NT2 lên ngôi, giá đóng cửa các phiên đầu năm xấp xỉ 35.000 đồng/cổ phiếu. NT2 tiếp tục khẳng định là cổ phiếu dẫn dắt ngành điện.

Sau khi hoàn thành đại tu, nhà máy điện Nhơn Trạch 2 vận hành ổn định, độ khả dụng cao hơn, đảm bảo khả năng cung cấp điện ổn định. Theo dự báo, thủy văn năm 2018 thuận lợi cho điện khí khi mực nước các sông từ Tây Bắc đến Đồng bằng sông Cửu Long xuống thấp từ 10-30%. Kinh tế phát triển, đặc biệt khu vực trọng điểm kinh tế phía Nam, nhu cầu điện năng tiếp tục tăng khoảng 10% trong khi một số dự án nhà máy điện đang bị chậm tiến độ. Đó là những yếu tố thuận lợi cho NT2 phát triển.

NT2 tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực quản lý, đẩy mạnh phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất. NT2 chú trọng công tác thị trường điện đáp ứng phương án vận hành thị trường bán buôn điện cạnh tranh thí điểm năm 2018 theo Quyết định số 4804/QĐ-BCT ngày 26/12/2017 của Bộ Công Thương.

Dựa trên nền tảng ổn định, mở ra một năm mới 2018 phát triển rực rỡ. Chúng ta có quyền tự hào về một NT2 “Thân thiện – Hiệu quả - An toàn”, hoạt động hiệu quả, minh bạch thông tin. Tập thể lãnh đạo và CBCNV NT2 đồng lòng, đoàn kết phát huy thành tích đạt được, xây dựng NT2 phát triển trong thời gian tới, tất cả vì quyền lợi của Công ty và của Quý cổ đông.

Nhân dịp này, NT2 xin cảm ơn và trân trọng gửi lời chúc mừng năm mới 2018 sức khỏe, bình an và an khang, thịnh vượng tới toàn thể Quý cổ đông và nhà đầu tư; tin tưởng quý vị sẽ tiếp tục ủng hộ, đồng hành cùng NT2 trong chặng đường phát triển tiếp theo./.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1. Tầm nhìn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 trở thành công ty phát điện độc lập hàng đầu trong thị trường điện ở Việt Nam, đạt được những bước đi vững chắc và đã từng bước khẳng định được vị thế quan trọng của Công ty trong hệ thống điện Việt Nam.

2. Sứ mệnh

Xây dựng bộ máy chuyên nghiệp, có trình độ và kinh nghiệm, đoàn kết nhất trí; vận hành khai thác tốt đảm bảo cung cấp điện năng thương mại ổn định và tin cậy theo tiêu chí “**Thân thiện – Hiệu quả - An toàn**”, đóng góp đáng kể vào sự phát triển của thị trường điện Việt Nam; đồng thời tạo ra những giá trị gia tăng bền vững cho khách hàng và cổ đông.

3. Giá trị cốt lõi

Trở thành biểu tượng thân thiện, hiệu quả và an toàn:

- **Thân thiện:** Công nghệ thân thiện với môi trường; thân thiện trong hợp tác với các đối tác cũng như với các đồng nghiệp; Tạo dựng và phát triển thương hiệu, bản sắc văn hóa doanh nghiệp, với tinh thần xây dựng công ty trở thành “**mái nhà chung**” cho tập thể CBCNV và địa chỉ đầu tư tin cậy cho các cổ đông.
- **Hiệu quả:** Tập trung vào hoạt động cốt lõi, đảm bảo sản xuất kinh doanh tốt, tìm kiếm cơ hội đầu tư, đem lại hiệu quả thiết thực và bền vững cho Công ty và cổ đông.
- **An toàn:** Đảm bảo nhà máy hoạt động ổn định, hạn chế tối đa sự cố mất an toàn về máy móc thiết bị và con người, nhân sự được trang bị đầy đủ kiến thức an toàn sức khỏe môi trường.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

I. TỔNG QUAN CÔNG TY

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Tên tiếng Anh: PetroVietNam Power Nhon Trach 2 Joint Stock Company
- Giấy CNĐKDN: số 3600897316 đăng ký lần đầu ngày 20/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ XI ngày 05/01/2017
- Vốn điều lệ: 2.878.760.290.000 đồng
- Vốn chủ sở hữu: 4.985.222.070.648 đồng
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Quản lý đầu tư xây dựng và vận hành công trình điện; Nhập khẩu nhiên liệu và xuất khẩu vật tư phụ tùng để sản xuất kinh doanh điện; Thực hiện các dịch vụ kỹ thuật thương mại trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh điện; Đào tạo nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình nhiệt điện.
- Địa chỉ: Trung tâm Điện lực Dầu khí, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (0251) 2225 899
- Số fax: (0251) 2225 897
- Website: www.pvpnt2.vn
- Mã cổ phiếu: NT2

2. Quá trình hình thành và phát triển



2017

- . 24/02: VĐL đạt 2.878 tỷ đ.
- . 15/06: Kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty - **“Một thập kỷ thành công”**
- . 03/10: Hoàn thành công tác đại tu Nhà máy, vượt tiến độ 06 ngày, công suất tăng thêm 24 MW so với trước đại tu.
- . 26/10: Đạt mốc SL điện 30 tỷ kWh.

2007

- . 15/06: Thành lập Công ty.

2008

- . 04/09: Lễ phát động thi đua san lấp mặt bằng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2009

- . 29/04: Ký kết hợp đồng EPC với Liên danh tổng thầu LILAMA và PVC.
- . 27/06: Nguyên Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết bấm nút phát động khởi công xây dựng Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2010

- . 22/01: Cổ phiếu NT2 chính thức giao dịch tại sàn Upcom.
- . 06/04: Ký hợp đồng mua bán khí dài hạn với PV Gas.
- . 15/10: Tổ chức lễ phát động thi đua hoàn thành thi công lắp đặt để phát điện tổ máy số 1.
- . 31/12: Lần đầu phát điện lên lưới điện quốc gia.

2011

- . Đạt 02 giải thưởng quốc tế về thu xếp vốn “Best ECA Backed Facilities” và “Best Emerging Market Solution”.
- . 16/10: Phát điện chu trình hỗn hợp, vận hành thương mại toàn bộ NMD Nhơn Trạch 2, vượt tổng tiến độ 45 ngày.
- . 12/11: Tổ chức lễ Khánh thành NMD Nhơn Trạch 2 và đón nhận Huân chương Lao động hạng Ba.

2016

- . 08/05: VĐL đạt 2.848 tỷ đ.
- . 29/10: SL điện thực hiện 4,45 tỷ kWh, vượt KH trước 63 ngày.
- . Đón nhận Huân chương Lao động hạng Hai.

2015

- . 12/06: Cổ phiếu NT2 chính thức giao dịch tại Hose.
- . 11/10: SL điện đạt mốc 20 tỷ kWh.
- . 15/10: VĐL đạt 2.739 tỷ đ.
- . NT2 đứng thứ hạng 123 trong top VNR 500.

2014

- . 28/05: Ký hợp đồng mua bán điện giá chính thức với EPTC.

2013

- . 28/01: NT2 vinh dự được cấm biên 1 trong 10 công trình thanh niên tiêu biểu toàn quốc giai đoạn 2007-2012.
- . 25/09: Đạt mốc SL điện 10 tỷ kWh.

2012

- . 02/05: Ký Hợp đồng mua bán điện (PPA) giá tạm tính với Công ty mua bán điện (EPTC).
- . 16/10: SL điện 05 tỷ kWh sau 01 năm vận hành thương mại.
- . T10: Đạt “Giải vàng châu Á cho Nhà máy điện được xây dựng nhanh nhất”.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1 Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị: 05 thành viên, trong đó 02 thành viên chuyên trách và 03 thành viên không chuyên trách.
- Ban kiểm soát: 03 thành viên, trong đó 01 kiểm soát viên chuyên trách và 02 kiểm soát viên không chuyên trách.
- Ban Điều hành: 07 thành viên, trong đó 01 Giám đốc, 05 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng.
- Các Phòng chức năng và Phân xưởng Vận hành.

3.2 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của NT2. ĐHĐCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty, thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các quyền khác theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

3.3 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản trị của NT2, có toàn quyền nhân danh NT2 để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của NT2, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của NT2;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của NT2;
- Bổ nhiệm, bãi nhiệm và giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban Điều hành;
- Kiến nghị sửa đổi và bổ sung Điều lệ của NT2;
- Quyết định triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Các nhiệm vụ khác do Điều lệ NT2 quy định.

3.4 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HDQT, BĐH trong việc quản lý và điều hành Công ty chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

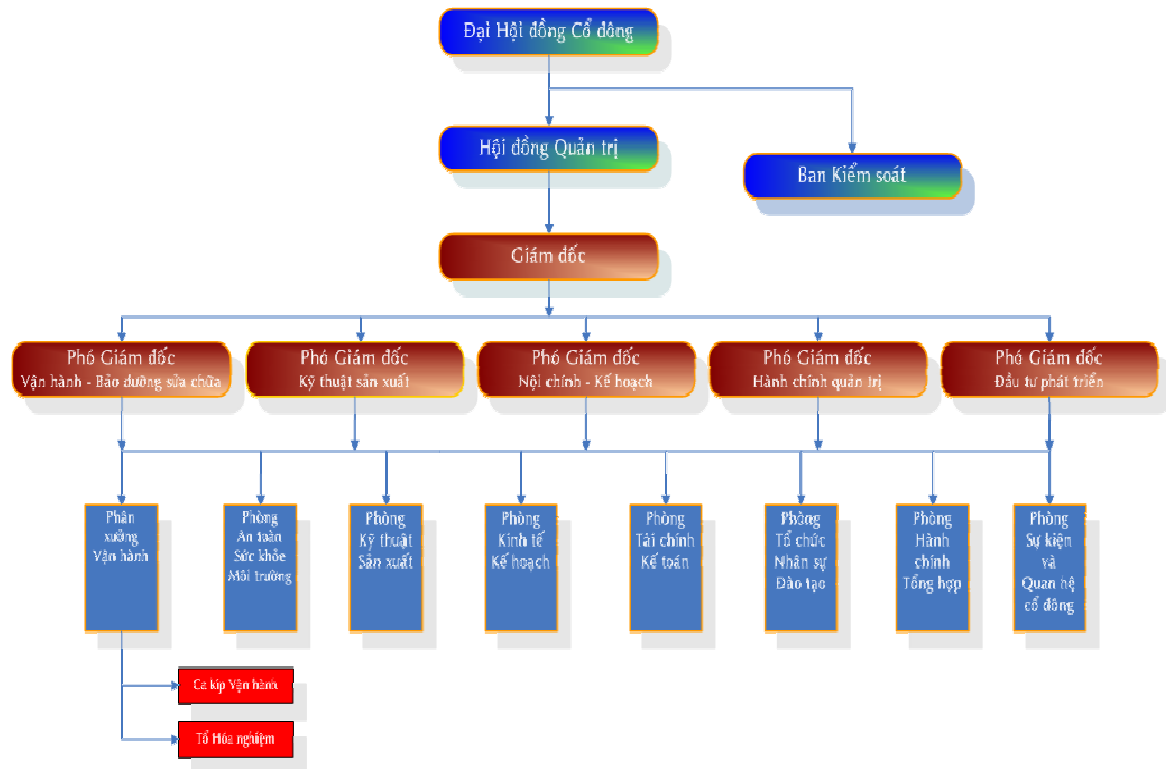
3.5 Ban Điều hành

Ban Điều hành (BDH) của Công ty bao gồm: 01 Giám đốc, 05 Phó Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các Phó Giám đốc và Kế toán trưởng giúp việc cho Giám đốc, cụ thể:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của NT2;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của NT2;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của NT2;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong NT2, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám Đốc.

3.6 Sơ đồ tổ chức

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC PVPOWER NT2



4. Định hướng phát triển

4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Phát triển Công ty trở thành nhà cung cấp, sản xuất điện đáng tin cậy, đáp ứng tối đa nhu cầu điện năng phục vụ phát triển kinh tế xã hội đất nước.
- Phân đầu sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.
- Kiện toàn, nâng cao công tác quản trị tạo sự chuyển biến rõ rệt và nâng cao hình ảnh NT2 trên thị trường điện và thị trường chứng khoán.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo nhân lực theo hướng tập trung, chuyên sâu và nâng cao năng lực phục vụ công tác quản lý. Tăng cường các khóa đào tạo Quản lý kỹ thuật, thị trường phát điện cạnh tranh cho các bên trực tiếp vận hành.
- Đẩy mạnh phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

- Tập trung chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh tiết kiệm, hiệu quả, an toàn trong thị trường phát điện cạnh tranh; phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với EVN/A0/EPTC, PVGas, PVPS và các đơn vị liên quan nhằm đảm bảo công tác vận hành nhà máy liên tục an toàn, hiệu quả.
- Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp. Tích cực thực hiện công tác an sinh xã hội.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tham gia gia thị trường điện bán buôn và bán lẻ cạnh tranh: NT2 thực hiện chiến lược chào giá hợp lý, thường xuyên cập nhật tình hình hệ thống điện và các quy định để sớm tham gia thị trường điện bán buôn cạnh tranh thí điểm năm 2018 theo Quyết định số 4804/QĐ-BCT ngày 26/12/2017.
- Xem xét khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4.3 Phát triển bền vững

4.3.1 Thông điệp Báo cáo phát triển bền vững

- Cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của Ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo thực hiện phát triển năng lượng một cách bền vững.
- Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- Đầu tư vào những công nghệ hiện đại, tiên tiến vừa tiết kiệm năng lượng trong hoạt động sản xuất kinh doanh vừa đảm bảo môi trường chung cho toàn xã hội.
- Xây dựng thương hiệu NT2 theo đúng phương châm “ Thân thiện - Hiệu quả - An toàn”.
- Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng; giảm phát thải nhà kính.
- Minh bạch thông tin.
- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực.
- Đảm bảo an sinh xã hội.

4.3.2 Báo cáo về công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

a. Cơ sở thực hiện công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng

Sản xuất kinh doanh song song với công tác bảo vệ môi trường là trách nhiệm của Công ty trong quá trình phát triển.

Tại Hội nghị Thượng đỉnh liên hiệp quốc về phát triển bền vững tại New York Mỹ vào năm 2015, các thành viên Liên hiệp quốc trong đó có Việt Nam đã thông qua chương trình nghị sự toàn cầu về phát triển bền vững đến năm 2030 với 17 mục tiêu về phát triển bền vững (SDGs) và 169 chỉ tiêu chỉ tiêu nhằm chấm dứt đói nghèo, chống bất bình đẳng và chống biến đổi khí hậu. Trong đó vai trò của doanh nghiệp là quan trọng trong việc định hướng, đổi mới, sáng tạo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Trên cơ sở Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả số 50/2010/QH12 và Nghị định Chính phủ số 21/2011/NĐ-CP ngày 29/03/2011 về quy định chi tiết và biện pháp thi

hành Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, NT2 triển khai các công tác, kế hoạch cho Công ty phát triển bền vững.

Chú trọng phát triển bền vững, NT2 đề cao công tác bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng. Hoạt động bảo vệ môi trường trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh luôn được NT2 duy trì và cải tiến liên tục. Công ty luôn duy trì công tác quản lý môi trường, tuân thủ tuyệt đối các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường, áp dụng công nghệ sản xuất hiện đại, kiểm soát và xử lý phát thải, nâng cao ý thức của tất cả CBCNV trong vấn đề bảo vệ môi trường. Cụ thể, hằng năm, NT2 phối hợp cùng Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình dầu khí (PVMR) tổ chức kiểm tra, và lập báo cáo thực hiện kế hoạch năm về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho Công ty.

b. Sử dụng năng lượng hệ thống chiếu sáng

Hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang.

Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc. Công ty quán triệt đến từng bộ phận, CBCNV về việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Các phòng làm việc văn phòng có tận dụng ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Về chiếu sáng tại khu vực làm việc vào ban đêm được giao cho tổ bảo vệ và nhân viên vận hành của nhà máy để quản lý và bật mở theo nhu cầu.

Công tác chiếu sáng trong khu vực làm việc văn phòng, hành lang, phòng điều khiển trong tòa nhà được bố trí theo từng nhóm, tùy theo nhu cầu sử dụng cần thiết thì công tác vị trí đó được bật

Phòng làm việc thiết kế đều đón được ánh sáng ban ngày nên tiết kiệm được năng lượng.

Đối với khu vực nhà xưởng, gian máy, lối đi nội bộ, đèn chiếu sáng sử dụng chủ yếu là các bóng cao áp Sodium 250W, 400W, đèn pha 200W và các bóng T8 loại thường và loại chống cháy. Đây là khu vực tốn khá nhiều năng lượng. Còn lại, Công ty sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

c. Giải pháp chuyển đổi sang sử dụng đèn Led

Tiết kiệm điện năng tiêu thụ lên đến 50%. Tuổi thọ đèn Led cao trên 45.000 giờ, sẽ giảm chi phí bảo trì thay thế. Bên cạnh đó, đèn Led không chứa các chất độc hại, do vậy không tốn chi phí xử lý rác thải nguy hại.

Hiệu quả hằng năm từ tiết kiệm điện năng tiêu thụ:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Giá trị
1	Lượng điện tiết kiệm/ngày	kWh	1.304
2	Thời gian chiếu sáng hằng năm	Ngày	365
3	Lượng điện tiết kiệm/năm	kWh	475.782
4	Đơn giá điện trung bình	Đồng/kWh	1.400
5	Số tiền tiết kiệm được hàng năm	Đồng	666.095.041

d. Kết quả thực hiện tiết kiệm

Trong năm 2017, NT2 thực hiện nghiêm túc quy định của Nhà nước, chính phủ và của các bên liên quan, triển khai thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí tối đa. NT2 tiết kiệm chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư thiết bị, quản lý, đầu tư xây dựng được 55,45 tỷ đồng, trong đó nhiên liệu khí, năng lượng tiết kiệm được 38,06 tỷ đồng, tiết kiệm chi phí quản lý 4,1 tỷ đồng, tiết giảm từ quản lý đầu tư xây dựng đạt 13,29 tỷ đồng.

NT2 đã chủ động nghiên cứu và thực hiện triệt để thực hành chống lãng phí trong lĩnh vực sử dụng năng lượng, ban hành quy chế quản lý năng lượng và chính sách năng lượng, lập báo cáo sử dụng tiết kiệm năng lượng và lập kế hoạch sử dụng năng lượng cho giai đoạn 2016-2020.

Các vấn đề về môi trường: xác định rủi ro môi trường, mối nguy, xử lý chất thải, khí thải... thực hiện đúng cam kết các quy định. Thông qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, NT2 luôn được đánh giá cao công tác môi trường và không bị xử lý bất cứ vi phạm nào.

Trong vấn đề bảo vệ môi trường, NT2 chủ trương phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành, phòng ban Công ty và mỗi một cá nhân cán bộ công nhân viên.

5. Các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động Công ty

5.1 Rủi ro đặc thù

5.1.1 Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào

Đối với các công ty nhiệt điện, thì giá nguyên liệu đầu vào từ than, khí và dầu là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp điện năng, Nhà máy nhiệt điện Nhơn Trạch 2 với công suất lớn (750 MW) sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chính là khí tự nhiên (GAS) và nguyên liệu dự phòng là dầu DO; chi phí nhiên liệu khí chiếm trên 60% giá thành sản xuất điện. NT2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) dài hạn với giá điện chính thức. Theo hợp đồng mua bán điện đã ký kết, phương pháp tính giá điện cho phép Công ty chuyển những rủi ro của chi phí đầu vào và các chi phí khác vào giá bán bao gồm: giá khí, chi phí lãi vay, khấu hao và chi phí lao động.

Do hợp đồng bán điện mới được ký từ tháng 5/2014 nên giá mới đã được áp dụng từ Quý II/2014. Trong giai đoạn 2011-2013, giá điện là tạm tính, thấp hơn giá chính thức được ký trong hợp đồng, do vậy, NT2 được thu hồi phần doanh thu chưa được trả trong giai đoạn 2011-2013 trị giá hơn 800 tỷ đồng, và được phân bổ trong 4 năm kể từ Quý IV/2014.

Nguồn cung cấp khí đầu vào:

NT2 đã ký Hợp đồng mua bán khí dài hạn với PVGas (Hợp đồng GSA thời hạn 25 năm) với khối lượng khí được cam kết cung cấp hàng năm gần 800 triệu Sm³ và chính sách giá khí theo phê duyệt của Chính phủ. Bên cạnh đó, NT2 và Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã ký kết hợp đồng mua bán điện (PPA) dài hạn với giá điện chính thức được tính toán trên cơ sở bao gồm tất cả các chi phí đầu vào của NT2, đồng thời cho phép Công ty chuyển những rủi ro của chi phí vào giá bán điện bao gồm: giá khí, chi phí lãi vay, khấu hao và chi phí lao động.

Như vậy, khối lượng khí đầu vào của NT2 được PVGas cam kết đảm bảo. PVGas có trách nhiệm tìm kiếm, bổ sung các nguồn khí mới khi các mỏ khí đang khai thác suy giảm. Ngoài các mỏ khí



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

cung cấp cho NT2 hiện nay, trong những năm tới sẽ có thêm các nguồn khí mới từ các mỏ Thiên Ưng, Đại Hùng, Sư tử Trắng, Sao vàng Đại Nguyệt ...

Với nguồn cung cấp khí dồi dào, ổn định và chính giá khí mới không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, do đó yếu tố rủi ro nguyên liệu đầu vào đối với NT2 là không đáng kể.

5.1.2 Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá sẽ phát sinh đối với những doanh nghiệp có khoản vay liên quan đến ngoại tệ. Khoản chênh lệch tỷ giá đối với khoản vay ngoại tệ của Doanh nghiệp trong năm bao gồm khoản chênh lệch thanh toán cho phần ngoại tệ thực hiện trả nợ trong năm (khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện) và khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư nợ khoản vay còn lại (chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện).

Hiện nay, trong thành phần giá điện của NT2 cũng như các công ty nhiệt điện khí khác, chi phí nhiên liệu khí được quy đổi theo giá khí tính bằng đồng USD và tỷ giá ngày xuất hóa đơn định kỳ hàng tháng theo thông báo của Bên bán khí. Như vậy, theo cơ chế giá khí được chuyển ngang vào giá điện nên tỷ giá USD thanh toán theo giá khí hàng tháng không ảnh hưởng đến NT2. Đối với thành phần giá điện tính từ khoản vay ngoại tệ để đầu tư nhà máy, hiện nay tất cả các đơn vị phát điện đều chưa được áp dụng thanh toán từng kỳ theo tỷ giá. Tuy nhiên, theo quy định của Bộ Công thương từ năm 2015 các đơn vị phát điện có khoản vay ngoại tệ sẽ được quyết toán khoản chênh lệch tỷ giá thực hiện hàng năm với EVN.

Năm 2017, tình hình tỷ giá biến động do đồng EUR tăng cao dẫn đến NT2 bị khoản lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện đối với khoản vay ngoại tệ trả nợ trong năm và ghi nhận khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ đối với khoản dư nợ chưa thực hiện. Tuy nhiên, khoản lỗ tỷ giá thực hiện trong năm 2017 sẽ được hoàn trả sau khi EVN tổng hợp tất cả các nhà máy và báo cáo Bộ Công thương.

Năm 2018, dự báo tỷ giá không có biến động lớn, đồng USD mất giá trên thị trường Quốc tế. Chỉ số USD Index đã giảm tới 9,1% so với đầu năm 2017 dù Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) đã tăng lãi suất nhiều lần do tác động từ chính sách chống thâm hụt thương mại của nước này. Chênh lệch giữa lãi suất VNĐ và USD hiện vẫn ở mức lớn khoảng 6%-7%.

Tại thời điểm 31/12/2017, số dư khoản vay ngoại tệ của Công ty bằng USD và EUR gần tương đương nhau, do đó biến động tỷ giá EUR/VND sẽ ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận của NT2 nhưng với diễn biến tỷ giá trái chiều giữa USD/VND và EUR/VND trong những năm vừa qua sẽ giảm thiểu đáng kể yếu tố rủi ro này.

5.1.3 Rủi ro về cạnh tranh

Cùng với xu hướng phát triển của ngành trong thời gian gần đây, thị trường điện bước đầu đã có sự cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp điện. Hiện nay, giá bán điện cho EVN vẫn đang được tính toán trong khung giá của Bộ Công thương, trong đó có quy định rõ mức giá trần và giá sàn cho từng loại hình nhà máy sản xuất điện. Do đó, nếu có rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào thì hoạt động của Công ty vẫn được đảm bảo và duy trì được mức lợi nhuận tối thiểu. Trong dài hạn khi các doanh nghiệp tham gia sản xuất và cung cấp điện ngày càng nhiều thì tính cạnh tranh trong ngành càng cao. Tuy nhiên, các nhà máy nhiệt điện đầu tư sau NT2 đều có giá bán điện cao hơn, mặt khác không phải nhà máy điện nào cũng có tính năng vận hành linh hoạt vượt trội và vị trí

“vàng” trong hệ thống điện như NT2, do đó tính cạnh tranh của NT2 vẫn được đảm bảo trong dài hạn.

Khi thị trường bán buôn điện chính thức vận hành, NT2 có thể ký hợp đồng mua bán điện trực tiếp với nhiều khách hàng khác ngoài EVN. Ngoài các khách hàng là các Tổng Công ty điện lực, còn có các khách hàng tiềm năng mua điện trực tiếp như Khu công nghệ cao, SAMSUNG, HYOSUNG (250MW năm 2020), sân bay quốc tế Long Thành, các Khu Công nghiệp hoặc các nhà máy sản xuất tiêu thụ điện lớn....Khi đó, ngoài bán điện trên thị trường giao ngay thông qua EVN như hiện nay (đơn vị phát điện chào bán và Khách hàng chào mua), NT2 có thể chào Hợp đồng bán điện cho các khách hàng lớn khác trên thị trường bán buôn điện, tương tự như mua bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho NT2.

5.2 Rủi ro kinh tế

Trong năm 2017, nền kinh tế Việt Nam có nhiều biến động, Việt Nam nhận được những tác động tích cực từ sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu và những nỗ lực của Chính phủ nhằm kích thích nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ và tài khóa linh hoạt nên vẫn giữ được những mục tiêu cơ bản như kiềm chế lạm phát, ổn định tỷ giá, do đó đã hỗ trợ rất nhiều cho các doanh nghiệp trong ngành nói chung và NT2 nói riêng.

Tăng trưởng GDP: Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng GDP đã có nhiều khả quan với mức tăng lần lượt là 5,25% năm 2012; 5,42% năm 2013; 5,98% năm 2014, tăng 6,68% năm 2015 (cao nhất trong vòng 5 năm qua), và tăng 6,21% năm 2016, thấp hơn năm 2015. Theo dự báo mới nhất của Ngân hàng thế giới (WB), năm 2017 Việt Nam vẫn tiếp tục ổn định được kinh tế vĩ mô thì tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 6,81%. Dự kiến năm 2018, chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 6,7-6,8%. Điều này sẽ ảnh hưởng tích cực đến hoạt động kinh doanh của NT2.

Lạm phát: Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012, 6,04% năm 2013, 4,10% năm 2014. Năm 2015 mức lạm phát chỉ có 0,6%, đây là mức thấp nhất kể từ năm 2005 trở lại đây. Tuy nhiên, năm 2016 mức độ lạm phát tăng lên 1,83% so với năm 2015. Năm 2017 mức lạm phát 3,53. Dự kiến, mức độ lạm phát năm 2018 là 3,5%. Nếu lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ Công ty trong công tác kiểm soát chi phí mang lại nhiều thuận lợi cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Lãi suất: Năm 2017, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNNVN) tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 - 2011, lãi suất cho vay thời điểm hiện nay đã giảm mạnh xuống ở mức 6 - 9%/năm (ngắn hạn) và 9 - 11%/ năm (trung và dài hạn). Lãi suất các khoản vay quốc tế những năm qua luôn ở mức thấp. Bước sang năm 2018, một số ngân hàng thương mại tiếp tục giảm lãi suất là tín hiệu đáng mừng; tuy nhiên, việc giảm lãi suất mới chỉ thực hiện ở các lĩnh vực ưu tiên của một số ngân hàng chứ không hẳn là dấu hiệu giảm mặt bằng lãi suất. Đầu năm 2018, một số ngân hàng điều chỉnh lãi suất 6%/năm đối với khoản vay ngắn hạn và 7,5%/năm nếu vay trung và dài hạn. Hơn nữa, dư nợ hai khoản vay USD và EUR đã giảm, rủi ro lãi suất ngoại tệ của NT2 không cao.

5.3 Rủi ro chính sách, luật pháp

Là một doanh nghiệp nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, trở thành công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên NT2 chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra dẫn đến ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty.

Rủi ro về luật pháp đối với ngành điện không cao do đây là ngành được Nhà nước khuyến khích đầu tư. Tuy nhiên, do hệ thống luật của Việt Nam thường có sự thay đổi về chính sách ưu đãi đầu tư, thuế..., điều này có thể có ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Là một Công ty cổ phần hoạt động theo luật Doanh nghiệp, bất cứ sự thay đổi nào về pháp luật và môi trường pháp lý đều tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.4 Rủi ro về biến động giá cổ phiếu

Cổ phiếu NT2 đã niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp Công ty quảng bá thương hiệu nhằm nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các cổ đông có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng; tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, áp dụng các chuẩn mực quản trị Công ty hiện đại, tăng tính minh bạch đối với nhà đầu tư.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu NT2 là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu của thị trường. Mỗi quan hệ cung cầu này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: Tình hình hoạt động của Công ty, tình hình chính trị, xã hội, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, cũng như các thay đổi trong luật và những quy định trên thị trường chứng khoán cũng ảnh hưởng đến giá cổ phiếu. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một yếu tố rủi ro mà các nhà đầu tư cần lường trước, tương tự như đối với các mã chứng khoán khác.

5.5 Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây thiệt hại, phá hủy một phần hoặc hoàn toàn công trình (mặc dù thiết kế xây dựng của nhà máy chống được động đất xảy ra). Đây là những rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất đối với Công ty. Công ty đã thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các loại tài sản, hàng hóa, bảo hiểm gián đoạn sản xuất kinh doanh của Công ty và của khách hàng nhằm hạn chế bớt các rủi ro này.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	Đánh giá	
						TH 2017/KH 2017	TH 2017/TH 2016
1	Sản lượng điện	Tr.KWh	5.222	4.450	4.337	97,5%	83,1%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	8.087	6.486	6.826	105%	85%
3	Tổng Chi phí	Tỷ đồng	6.939	5.763	5.972	103%	86%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.086	687	810	118%	75%

Nhận thức được những khó khăn sẽ ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của Công ty trong năm 2017, Ban lãnh đạo Công ty đã có những điều chỉnh kịp thời góp phần cùng toàn thể cán bộ công nhân viên (CBCNV) đảm bảo vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 (Nhà máy) an toàn, hiệu quả và hoàn thành tốt hầu hết các nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

Sản lượng điện sản xuất: 4.337 triệu kWh đạt 97,5% KH: 4.450 triệu kWh, nguyên nhân do thời tiết diễn biến bất ngờ, mưa lũ trên diện rộng cả 03 miền, các hồ thủy điện phải xả lũ liên tục, các nhà máy thủy điện chào giá rất thấp để huy động xả nước. Ngoài ra do ảnh hưởng của cơn bão số 16 nên Nhà máy có thời gian vận hành bằng dầu DO 02 ngày trong tháng 12 khi hệ thống khí Nam Côn Sơn cất khí cũng ảnh hưởng đến sản lượng điện sản xuất. Nhà máy đã đạt mốc sản lượng điện 30 tỷ kWh vào ngày 26/10/2017. Sau 06 năm vận hành thương mại, lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2017 là 30,9 tỷ kWh.

Công ty đảm bảo cân đối dòng tiền trong hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD), thực hiện tất toán trước hạn 02 hợp đồng vay trong nước với số tiền: 281 tỷ đồng; trả nợ vay nước ngoài năm 2017: 25,12 triệu USD và 22,69 triệu EUR tương ứng 1.165 tỷ đồng nhằm giảm chi phí lãi vay; tạm ứng cổ tức với tỷ lệ 10% vào ngày 25/10/2017 tương ứng 287 tỷ đồng.

Kết thúc năm 2017 Tổng Doanh thu đạt 6.826 tỷ đồng bằng 105% KH: 6.486 tỷ đồng, Tổng Chi phí đạt 5.972 tỷ đồng bằng 103% KH: 5.763 tỷ đồng. Năm 2017, tỷ giá ngoại tệ đặc biệt là đồng EUR biến động tăng cao, dẫn đến khoản chênh lệch tỷ giá (CLTG) đánh giá lại cuối kỳ lỗ 234,68 tỷ đồng và khoản tỷ giá thực hiện trong năm lỗ 55,55 tỷ đồng. Sự biến động về tỷ giá đã trực tiếp ảnh hưởng làm giảm lợi nhuận sau thuế cả năm 2017, cụ thể lợi nhuận sau thuế năm 2017 là 810 tỷ đồng (vượt 18% KH 2017) trong khi lợi nhuận sau thuế chưa bao gồm CLTG năm 2017 là 1.098 tỷ đồng (vượt 61% KH 2017).

Ngoài đạt hiệu quả cao trong hoạt động SXKD, Công ty đã hoàn thành vượt mức nghĩa vụ nộp



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

ngân sách nhà nước (NSNN), trong năm 2017 Công ty nộp NSNN khoảng 367 tỷ đồng bằng 141% KH: 259 tỷ đồng.

1.2 Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, cung cấp khí, sự cố bất thường

Công tác vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 luôn đạt được khả dụng rất cao và hiệu quả theo thị trường phát điện cạnh tranh trừ khoảng thời gian xử lý các bất thường thiết bị, thời gian ngừng máy trong dịp Tết nguyên đán, thời gian ngừng dự phòng theo thị trường điện và thời gian thực hiện đại tu Nhà máy 32 ngày.

Công tác sửa chữa bảo dưỡng luôn được NT2 kiểm tra, giám sát đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị không xảy ra sự cố chủ quan nghiêm trọng nào.

Chất lượng vận hành Nhà máy an toàn tuyệt đối, không có tai nạn gây thiệt hại về người và thiết bị, sau đại tu các tổ máy vận hành tin cậy, liên tục và công suất Nhà máy tăng thêm 24 MW so với trước đại tu.

Tình hình cung cấp khí luôn được ổn định, đáp ứng nhu cầu vận hành sản xuất cho Nhà máy trừ 02 ngày (24-25/12/2017) Nhà máy phải chạy bằng nguồn dầu dự phòng DO do nguồn cung cấp khí Nam Côn Sơn bị ngừng do ảnh hưởng của bão số 16.

1.3 Công tác quản lý chi phí, công tác tiết kiệm

Tổng Chi phí chưa bao gồm chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ năm 2017 đạt 99% KH 2017. Tỷ lệ % tổng chi phí (103% KH) thấp hơn so với tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch tổng doanh thu (105% KH) do sự nỗ lực của Công ty áp dụng tối ưu hóa phương pháp chào giá theo thị trường điện, tăng năng suất lao động và chủ động triển khai thực hiện nghiêm túc triệt để trong việc tiết kiệm chống lãng phí nhằm đem lại hiệu quả thiết thực nhất trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả thực hiện công tác tiết kiệm chống lãng phí của Công ty trong năm 2017 là 54,33 tỷ đồng.

1.4 Công tác thị trường điện

Trong năm 2017, thời tiết diễn biến phức tạp như: mưa nhiều trên diện rộng và kéo dài liên tục cả trong mùa khô, các nhà máy thủy điện liên tục được huy động tối đa (Sơn La, Hòa Bình phải mở cửa xả đáy), các nhà máy nhiệt điện cạnh tranh chào giá rất thấp để đảm bảo sản lượng điện kế hoạch. Trước tình hình đó, Công ty đã cân đối chào giá thấp để tăng khả năng huy động nên đã đạt sản lượng điện hợp lý: 4.337 triệu kWh, đạt 97,5% KH năm 2017, đạt 102% Qc năm 2017 (Qc=4.261 triệu kWh), đồng thời đảm bảo được lợi nhuận kế hoạch, bù đắp cho khoản lỗ chênh lệch tỷ giá.

1.5 Công tác thương mại hợp đồng

Hợp đồng mua bán điện, mua bán khí được thực hiện tốt, công tác phối hợp và xử lý với các bên chặt chẽ, đảm bảo kiểm tra và thanh toán đúng thời gian quy định.

Hợp đồng bảo trì sửa chữa dài hạn được thực hiện một cách nghiêm túc đầy đủ, công tác bảo dưỡng duy trì thường xuyên hàng tháng và định kỳ được thực hiện tốt.

Các hợp đồng phục vụ SXKD được thực hiện tốt đáp ứng yêu cầu SXKD. Giá trị thực hiện công tác mua sắm năm 2017: 215,76 tỷ đồng, đạt 81% kế hoạch mua sắm và dịch vụ cả năm 2017.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

1.6 Công tác an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy

Công tác an toàn, sức khỏe, môi trường đến nay luôn đảm bảo và không xảy ra tai nạn lao động và được ghi nhận với số điểm an toàn là 98,5 điểm.

Hoàn thành tốt các công tác kiểm tra, sát hạch, diễn tập, huấn luyện...nhằm đảm bảo tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường (ATSKMT).

Tổ chức thành công Hội thao ATVSLĐ – PCCN lần thứ IX và Hội nghị ATSKMT lần VIII của PV Power.

Định kỳ thứ 3 và thứ 6 hàng tuần thực hiện kiểm tra công tác an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn Công ty; thứ 6 hàng tuần thực hiện công tác kiểm tra định kỳ hệ thống Phòng cháy và Chữa cháy (PCCC) trong Nhà máy điện Nhơn Trạch 2.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

2.1.1 Thành viên Hội đồng quản trị

Tên	Chức vụ
Ông Uông Ngọc Hải	Chủ tịch Hội đồng quản trị (chuyên trách)
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên Hội đồng quản trị (chuyên trách)
Ông Phan Đại Thành	Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị (không chuyên trách)
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên Hội đồng quản trị (không chuyên trách)

2.1.2 Tóm tắt lý lịch các nhân các thành viên trong Hội đồng quản trị

1. Ông Uông Ngọc Hải

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh : 28/10/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí, Kỹ sư cầu đường, Thạc sỹ QTKD

Sở hữu cổ phần : 68.412.850 cổ phần, chiếm 23,765% vốn điều lệ.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power : 68.370.680 cổ phần, chiếm 23,750% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 42.170 cổ phần, chiếm 0,015% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ tháng 05/1993 – 06/1996 : Kỹ sư cơ khí, Phòng Kỹ thuật, Công ty chế biến lượng thực Colusa, Tổng Công ty lương thực Tp.Hồ Chí Minh.
- Từ tháng 06/1996 – 10/2007 : Kỹ sư cơ nhiệt, Phó Trưởng Phòng thiết kế nhiệt điện, Phó Ban Tư vấn Phú Mỹ, Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 2 – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).
- Từ tháng 11/2007 – 08/2008 : Chuyên viên, Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương.
- Từ tháng 08/2008 – 07/2011 : Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ tháng 08/2011 – 11/2015 : Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch
- Từ tháng 11/2015 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Bà Nguyễn Thị Hà

Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách

- Ngày tháng năm sinh : 06/03/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Ngoại thương, Cử nhân Anh văn, Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng
- Sở hữu cổ phần : 28.554.047 cổ phần, chiếm 9.92% vốn điều lệ**
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 28.487.600 cổ phần, chiếm 9.90% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 66.447 cổ phần, chiếm 0.02% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- Từ tháng 03/2001 – 12/2001 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Golden Friends.
- Từ tháng 01/2002 – 08/2002 : Nhân viên XNK Công ty TNHH Ô tô Phương Khanh.
- Từ tháng 09/2002 – 11/2006 : Chuyên viên Lao động tiền lương – Ban Quản lý dự án đường ống dẫn khí Phú Mỹ - TPHCM.
- Từ tháng 12/2006 – 08/2007 : Phó phòng Hành chính – Tổ chức – Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch.
- Từ tháng 09/2007 – 11/2009 : Trưởng phòng Hành chính – Tổ chức – Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.
- Từ tháng 12/2009 – 04/2017 : Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 04/2017 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

3. Ông Phan Đại Thành	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập
Ngày tháng năm sinh	: 01/6/1970
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Kỹ sư Điện
Sở hữu cổ phần	: 45.580.200 cổ phần, chiếm 15.83% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power	: 45.580.200 cổ phần, chiếm 15.83% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
Quá trình công tác	
- Từ 6/1993 - 10/1994	: Chuyên viên phòng kỹ thuật Công ty Công nghệ mới - Viện khoa học Việt Nam.
- Từ 10/1994 - 12/1996	: Phó trưởng phòng Công ty liên doanh thép Việt-Úc Hải Phòng;
- Từ 01/1997 - 8/2002	: Phó trưởng phòng Kế hoạch đầu tư - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng;
- Từ 9/2002 - 6/2003	: Phó trưởng phòng Kế hoạch thống kê - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng;
- Từ 7/2003 - 2/2005	: Giám đốc Công ty dịch vụ kỹ thuật - Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng;
- Từ 03/2005 - 10/2007	: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp máy Điện nước số 3;
- Từ 11/2007 - 10/2015	: Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam;
- Từ 10/2015 đến nay	: Trưởng ban Kỹ thuật Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam;
4. Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ngày tháng năm sinh	: 31/08/1975
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Tài chính – Kế toán, Thạc sĩ QTKD



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Sở hữu cổ phần : 28.500.410 cổ phần, chiếm 10,004% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power : 28.487.600 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 12.810 cổ phần, chiếm 0,004% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- Từ tháng 01/1996 – 07/2007 : Chuyên viên Tài chính Kế toán – Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí.
- Từ tháng 08/2007 – 11/2007 : Chuyên viên Tài chính Kế toán – Công ty cổ phần Đầu tư & Tư vấn Tài chính dầu khí.
- Từ tháng 12/2007 – 03/2008 : Chuyên viên Ban Quản lý vốn – Công ty cổ phần Đầu tư & Tư vấn Tài chính dầu khí.
- Từ tháng 04/2008 – 08/2008 : Kế toán trưởng – Ban Quản lý Dự án Bệnh viện Dầu khí Việt Nam.
- Từ tháng 09/2008 – 08/2009 : Chuyên viên Ban Tài chính kế toán & Kiểm toán – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Từ tháng 09/2009 đến nay : Phó trưởng Ban Tài chính Kế toán & Kiểm toán, Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam
- Từ tháng 06/2014 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

5. Ông Lương Ngọc Anh Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh : 09/02/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Hóa

Sở hữu cổ phần : 23.825.625 cổ phần, chiếm 8,28% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ : 23.796.115 cổ phần, chiếm 8,27% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 29.510 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.

Quá trình công tác

- Từ năm 1982 – 1994 : Cán bộ Viện nghiên cứu khoa học tự nhiên.
- Từ năm 1994 đến nay : Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Phát triển Công nghệ.
- Từ tháng 06/2007 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2.2 Ban Điều hành

2.2.1 Thành viên Ban Điều hành

Tên	Chức vụ
Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc (Nghỉ hưu từ 01/01/2018)
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc Nội chính – Kế hoạch
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc Vận hành – Bảo dưỡng sửa chữa
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc Hành chính quản trị
Ông Trịnh Việt Thắng	Phó Giám đốc Đầu tư phát triển
Ông Lê Việt An	Kế toán trưởng

2.2.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban Điều hành

1..Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc Công ty
Ngày tháng năm sinh	: 22/12/1957
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Tiến sĩ Năng lượng, Cử nhân Kinh tế
Sở hữu cổ phần	: 186.948 cổ phần, chiếm 0.065% vốn điều lệ.
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn của PV Power	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 186.948 cổ phần, chiếm 0.065% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- Từ năm 1982 - 1987	: Giảng viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội.
- Từ năm 1987 - 1991	: Nghiên cứu sinh tại CH Pháp, bảo vệ luận án Thạc sĩ (1988) và Tiến sĩ (1991).
- Từ năm 1992 – 1995	: Giảng dạy đại học và nghiên cứu khoa học tại Pháp.
- Từ năm 1995 – 2001	: Cán bộ thuộc Bộ máy điều hành - Tổng công ty Dầu khí Việt Nam (Nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam).



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Từ năm 2001 – 2004 : Phó Trưởng Ban Quản lý dự án cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau, trực tiếp phụ trách dự án Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Cà Mau
- Từ năm 2004 – 2006 : Phó Trưởng Ban Chuẩn bị đầu tư công trình Đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn.
- Từ năm 2006 – 2007 : Phó Trưởng Ban Khí - Điện - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Từ năm 2007 – 04/2017 : Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ 04/2017 đến 31/12/2017 : Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Ông Ngô Đức Nhân

Phó Giám đốc Nội chính – Kế hoạch

Ngày tháng năm sinh : 05/10/1966

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí, Kỹ sư Kinh tế

Sở hữu cổ phần : 82.124 cổ phần, chiếm 0,029% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 82.124 cổ phần, chiếm 0,029% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 1991 - 1993 : Cán bộ kỹ thuật xí nghiệp thuốc lá Quảng Bình, Phó bí thư Đoàn cơ sở xí nghiệp.
- Từ năm 1993 - 1996 : Phụ trách kỹ thuật xí nghiệp nước khoáng bang Quảng Bình, Bí thư chi đoàn xí nghiệp.
- Từ năm 1996 – 2000 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Quản lý dự án Khí thuộc Tổng công ty Dầu khí Việt Nam - nay là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- Từ năm 2000 - 2001 : Chuyên viên Phòng Kỹ thuật Ban Chuẩn bị đầu tư cụm Khí- Điện - Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2001 - 2004 : Tổ trưởng cơ khí Phòng dự án Đạm, Ban Quản lý dự án Khí điện đạm Cà Mau.
- Từ năm 2004 - 2006 : Phó phòng Chuẩn bị sản xuất - Đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí-Điện-Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2006 - 2007 : Trưởng Phòng Chuẩn bị sản xuất - đào tạo, Ban Quản lý dự án Khí -Điện - Đạm Cà Mau; Bí thư chi bộ Chuẩn bị sản xuất - đào tạo.
- Từ năm 2007 - 2010 : Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Đào tạo, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.
- Từ năm 2010 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

3. Ông Trần Quang Thiên

Phó Giám đốc Vận hành – Bảo dưỡng sửa chữa

Ngày tháng năm sinh : 15/01/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ – Kỹ nghệ công nghệ

Sở hữu cổ phần : 71.404 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 71.404 cổ phần, chiếm 0,025% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 1996 - 1998 : Chuyên viên Ban Quản lý các dự án Nhà máy điện Phú Mỹ - Bà Rịa.
- Từ năm 1998 - 2002 : Trưởng ca vận hành Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ năm 2002 - 2003 : Tham gia Chương trình đào tạo Thạc sĩ tại Viện Công nghệ Châu Á.
- Từ năm 2004 - tháng 07/2007 : Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ.
- Từ tháng 08/2007 - 06/2009 : Quản đốc Phân xưởng vận hành Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Từ tháng 07/2009 – 11/2010 : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau.
- Từ tháng 12/2010 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

4. Ông Trần Quang Mẫn

Phó Giám đốc Kỹ thuật sản xuất

Ngày tháng năm sinh : 06/02/1972

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hệ thống Điện

Sở hữu cổ phần : 79.609 cổ phần, chiếm 0,028% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 79.609 cổ phần, chiếm 0,028% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 1993 - 1998 : Kỹ sư điện Phòng Kỹ thuật - Công ty Khảo sát Thiết kế điện 2 (Nay là Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2 - PECC 2).



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Từ năm 1998 - 1999 : Tổ Trưởng tổ điện, Phòng Thiết kế Nhiệt điện - PECC 2.
- Từ năm 1999 - 2002 : Phó Ban Tư vấn Phú Mỹ - PECC 2.
- Từ năm 2002 - 2007 : Phó Ban Tư vấn Nhiệt Điện 3 - PECC 2.
- Từ năm 2007 - 2011 : Trưởng Phòng Dự án Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ năm 2011 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

5. Ông Nguyễn Ngọc Hải

Phó Giám đốc Hành chính quản trị

Ngày tháng năm sinh : 19/12/1977

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Xây dựng, Thạc sĩ QTKD

Sở hữu cổ phần : 75.374 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 75.374 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 2002 - 2005 : Kỹ sư, chuyên viên Công ty Kinh doanh Công trình giao thông 565.
- Từ năm 2005 - 2006 : Chuyên viên Phòng Dự án – Ban quản lý Dự án Khí - Điện - Đạm Cà Mau.
- Từ năm 2007 – tháng 03/2010 : Phó Phòng Xây dựng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 03/2010 – 11/2011 : Trưởng Phòng Xây dựng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ tháng 11/2011 – 11/2013 : Trưởng Phòng Xây dựng kiêm Trưởng phòng Hành chính Tổng hợp – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2
- Từ tháng 11/2013 đến nay : Phó Giám Đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

6. Ông Trịnh Việt Thắng

Phó Giám đốc Đầu tư phát triển

Ngày tháng năm sinh : 11/05/1975

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính – Tín dụng, Thạc sĩ QLDA Quốc tế

Sở hữu cổ phần : 16.996 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 16.996 cổ phần, chiếm 0,006% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ tháng 02/1998 - 12/1998 : Chuyên viên Thanh tra Bộ Tài chính.
- Từ tháng 12/1998 - 06/2001 : Chuyên viên Công ty Thương Mại Dầu khí.
- Từ năm 2001 - 2003 : Phó Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu.
- Từ năm 2004 – tháng 04/2006 : Chuyên viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu.
- Từ tháng 04/2006 – 06/2006 : Phó Ban Quản lý Dự án Trung tâm thể thao thuộc Công ty Chế biến và Kinh doanh sản phẩm Dầu.
- Từ tháng 06/2006 – 05/2007 : Trưởng Phòng Tổ chức – Hành chính Ban Quản lý Dự án Điện Nhơn Trạch.
- Từ tháng 05/2007 – 08/2007 : Phó Tổng Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 08/2007 – 08/2008 : Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 08/2008 – 09/2009 : Tổng Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 09/2009 – 11/2015 : Phó Giám đốc Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 11/2015 đến nay : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

7. Ông Lê Việt An

Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh : 27/06/1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế; Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng

Sở hữu cổ phần

: 54.550 cổ phần, chiếm 0.019% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 54.550 cổ phần, chiếm 0.019% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ tháng 02/2006 – 07/2007 : Chuyên viên tư vấn ứng dụng tại Công ty Cổ phần phần mềm Quản lý doanh nghiệp FAST.
- Từ tháng 08/2007 - 07/2009 : Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Từ tháng 8/2009 – 27/04/2017 : Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Từ tháng 27/04/2017– 27/12/2017 : Phụ trách Tài chính – Kế toán Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2;
- Từ tháng 27/12/2017 đến nay : Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2.3 Ban Kiểm soát

2.3.1 Thành viên Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Kiểm soát viên không chuyên trách
Ông Trần Quốc Hùng	Kiểm soát viên không chuyên trách

2.3.2 Tóm tắt lý lịch cá nhân các thành viên trong Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng ban kiểm soát
Ngày tháng năm sinh	: 13/07/1971
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Sở hữu cổ phần	: 82.844 cổ phần, chiếm 0,029% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn	: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân	: 82.844 cổ phần, chiếm 0,029% vốn điều lệ
Quá trình công tác	
- Từ tháng 09/1993 – 05/1994	: Nhân viên kế toán Công ty Chế biến Nông sản Xuất khẩu Thanh Hóa.
- Từ tháng 06/1994 – 09/1997	: Kiểm soát viên thuế Cục thuế tỉnh Thanh Hóa.
- Từ tháng 02/1998 – 10/1999	: Kế toán Ban Điều hành dự án Kiến thiết cơ bản mỏ Nhà máy xi măng Nghi Sơn.
- Từ tháng 10/1999 – 01/2001	: Phụ trách kế toán Xí nghiệp Xây dựng kỹ thuật hạ tầng - Công ty Xây dựng và Sản xuất Vật liệu Xây dựng.
- Từ tháng 01/2001 – 04/2001	: Nhân viên kế toán Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng - CC1.
- Từ tháng 05/2001 – 10/2007	: Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Xây dựng & Sản xuất vật liệu xây dựng - CC1.
- Từ tháng 10/2007 – 11/2007	: Nhân viên Kế toán Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch
- Từ tháng 12/2007 – 01/2008	: Phó Phòng Tài chính Kế toán Ban Quản lý dự án Điện Nhơn Trạch.
- Từ tháng 01/2008 – 04/2009	: Phó Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.
- Từ tháng 04/2009 – 06/2010	: Kế toán trưởng - Công ty Tư vấn Quản lý dự án Điện lực Dầu khí 2.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Từ tháng 07/2010 – 27/04/2017 : Kế toán trưởng – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.
- Từ tháng 27/04/2017 đến nay : Trưởng ban kiểm soát – Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2. Ông Nguyễn Văn Kỳ

Kiểm soát viên

- Ngày tháng năm sinh : 05/10/1981
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán

Sở hữu cổ phần : 9.560 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ.

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 9.560 cổ phần, chiếm 0,003% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ năm 2003 đến nay : Công ty TNHH Phát triển Công nghệ.
- Từ tháng 04/2015 đến nay : Kiểm soát viên Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

3. Ông Trần Quốc Hùng

Kiểm soát viên

- Ngày tháng năm sinh : 16/06/1975
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật

Sở hữu cổ phần : 4.980 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

- Số lượng cổ phần đại diện phần vốn : 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 4.980 cổ phần, chiếm 0,002% vốn điều lệ

Quá trình công tác

- Từ tháng 10/1997 – 12/1997 : Chuyên viên Kế toán chuyên quản công ty địa phương - Chi nhánh Bảo hiểm Nhân thọ Thành phố Hồ Chí Minh thuộc Công ty Bảo hiểm Nhân thọ (Bảo Việt).
- Từ tháng 01/1998 – 08/2001 : Chuyên viên Kế toán Tổng hợp, Kế toán chuyên quản - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 09/2001 – 09/2003 : Chuyên viên Phát triển và Quản lý đại lý – Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Từ tháng 10/2003 – 02/2004 : Phó Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 15 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 03/2004 – 06/2005 : Phụ trách Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 19 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 07/2005 – 01/2010 : Trưởng Phòng Phục vụ Khách hàng Khu vực số 07 - Công ty Bảo Việt Nhân Thọ Sài Gòn.
- Từ tháng 02/2010- 12/2010 : Chuyên viên Kế toán Tổng hợp, Kế toán quản trị, Kế toán hồ sơ thanh toán điện, khí - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 01/2011 đến nay : Phó Trưởng Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch.
- Từ tháng 04/2015 đến nay : Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

2.4 Một số giải thưởng tiêu biểu

Với hiệu quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm vừa qua, hiện nay Công ty đã đạt được nhiều giải thưởng tiêu biểu như:

- Huân chương Lao động hạng Nhì.
- Giải thưởng Quốc gia.
- Thương hiệu mạnh.
- Doanh nghiệp vì người lao động (04 năm liên tiếp).
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam.
- Top 100 Doanh nghiệp Phát triển bền vững năm 2017.
- Đặc biệt, trong năm 2017 vừa qua, Công ty dành được giải thưởng tiêu biểu năm thứ 2 liên tiếp đạt Top 50 DN niêm yết tốt nhất do FORBES lựa chọn, đứng thứ 123 trong Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, tăng 28 hạng so với năm 2016. NT2 tiếp tục khẳng định vị thế là đơn vị phát điện rất quan trọng trong hệ thống điện và là đơn vị hiệu quả hàng đầu trong ngành Điện.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án lớn

Xác định một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất trong năm 2017 là phải hoàn thành công tác đại tu Nhà máy được an toàn, hiệu quả, Ban lãnh đạo Công ty đã quan tâm sát sao, chủ động trong quá trình sửa chữa lớn từ nhân sự, vật tư cho đến những công việc phát sinh ngoài kế hoạch. Do vậy, công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ đại tu Nhà máy đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối, tiến độ thực hiện vượt KH 6 ngày (sau 32 ngày thực hiện), không có tai nạn gây thiệt hại về con người và thiết bị. Sau kỳ đại tu các tổ máy vận hành tin cậy, liên tục và công suất Nhà máy tăng thêm 24MW so với trước đại tu. Đặc biệt, không có phát sinh lớn trong đại tu, chi phí thực hiện công tác đại tu Nhà máy thấp hơn so với dự toán là 41%.

Công ty luôn xác định hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật là hoạt động then chốt trong thời gian tới, nhằm tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao công suất hoạt

động Nhà máy trong thời gian tìm kiếm các giải pháp mới để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hơn.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

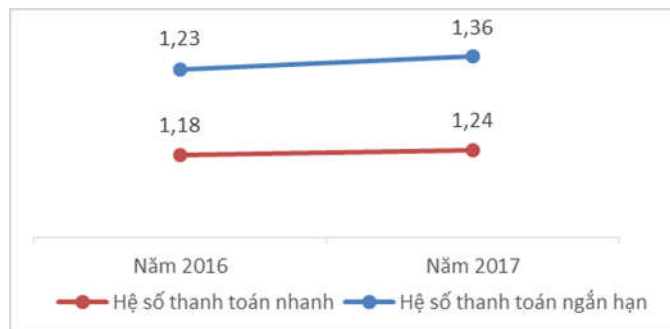
Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	TH năm 2017	% so với năm trước
1	Tổng giá trị Tài sản	Tỷ đồng	12.980	9.964	76,8%
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	8.087	6.826	84,4%
3	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	7.983	6.761	84,7%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	1.149	852	74,2%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.148	853	74,4%
6	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1.086	810	74,7%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/ giảm
I	Khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,23	1,36	0,12
2	Hệ số thanh toán nhanh	lần	1,18	1,24	0,07
II	Cơ cấu nguồn vốn				
1	Hệ số Nợ/Tổng Tài sản	%	62,2	50	(12,2)
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	164,4	99,9	(64,5)
III	Năng lực hoạt động				
1	Vòng quay Hàng tồn kho	vòng	25,2	21,6	(3,6)
2	Vòng quay Tổng Tài sản	vòng	0,65	0,59	(0,06)
IV	Khả năng sinh lời				

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/ giảm
1	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13,60	12	(1,6)
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	22,4	16,4	(6)
3	Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài sản	%	8,8	7,1	(1,7)
4	Lợi nhuận từ hđkd/Doanh thu thuần	%	14,4	12,60	(1,8)

❖ **Khả năng thanh toán:**



Kể từ khi Nhà máy đi vào hoạt động vận hành thương mại, khả năng thanh toán của Công ty qua nhiều năm được kiểm soát rất chặt chẽ và đều duy trì ở mức tốt trên 1 lần. Năm 2017 chỉ số này tiếp tục được duy trì tốt: (i) hệ số thanh toán ngắn hạn đạt 1,36 lần, (ii) hệ số thanh toán nhanh đạt 1,24 lần, tăng nhẹ lần lượt 0,12 và 0,07 lần so với năm 2016, chủ yếu do Công ty giảm mạnh khoản phải trả cho Tổng Công ty khí Việt Nam – CTCP (PV Gas) tương ứng giảm khoản phải thu từ Công ty Mua bán Điện (EPTC) do thu hồi được từ EPTC khoản cước phí vận chuyển đường ống dẫn khí Phú Mỹ - Hồ Chí Minh cho giai đoạn 01/01/2012-31/10/2016, đồng thời thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước với thuế GTGT giảm 178 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2016. Các chỉ tiêu này vượt xa mức an toàn quy định trong Quy chế tài chính và các yêu cầu của thông lệ quốc tế. Có được điều này nhờ Công ty quản lý vốn lưu động hiệu quả thông qua việc kiểm soát công nợ và quản lý khoản phải thu/phải trả chặt chẽ, giúp Công ty có được dòng tiền tốt, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

❖ **Hệ số Nợ/Tổng Tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu:**

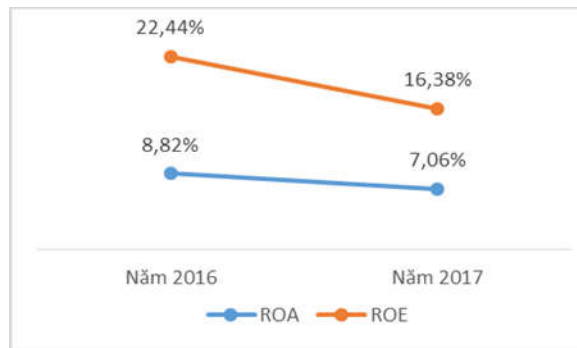
Đồng hành với việc kiểm soát chặt chẽ khả năng thanh toán, Công ty luôn quan tâm đến hệ số sử dụng đòn bẩy tài chính và tiếp tục được kiểm soát ở mức rất an toàn. Hệ số Nợ/Tổng Tài sản năm 2017 giảm 12,2%, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm mạnh 64,5% so với năm 2016, nguyên nhân chủ yếu Công ty đã thanh toán khoản phải trả cho PVGas giảm 1.784 tỷ đồng, khoản phải nộp NSNN giảm 185 tỷ đồng, các khoản nợ vay ngân hàng giảm dần theo lịch trả nợ do đó giảm chi phí lãi vay và dự phòng các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá, ngoài ra trong năm 2017 Công ty đã thanh toán nợ vay trước hạn khoản 281 tỷ đồng.

❖ **Năng lực hoạt động:**

Vòng quay hàng tồn kho năm 2017 đạt 21,6 vòng giảm 3,6 vòng so với năm 2016 là 25,2 vòng, nguyên nhân chủ yếu trong năm 2017 Công ty thực hiện công tác đại tu Nhà máy trong khoảng 32 ngày làm giảm giá vốn hàng bán trong khi biến động hàng tồn kho trong năm là không đáng kể.

Vòng quay tổng tài sản năm 2017 đạt 0,59 vòng giảm nhẹ 0,06 vòng so với năm 2016 là 0,65 vòng chủ yếu do Doanh thu kinh doanh điện năm 2017 giảm 15,3% trong khi Tổng Tài sản bình quân chỉ giảm 6,8%.

❖ **Khả năng sinh lời:**



Năm 2017, chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) đạt 16,4% giảm 6% so với ROE năm 2016 là 22,4%. Chủ yếu do một số nguyên nhân sau: (i) sản lượng điện thương mại của Công ty đạt thấp do trong năm 2017 nhà máy thực hiện công tác đại tu mất 32 ngày; thời tiết diễn biến bất lợi, mưa lũ trên diện rộng cả 03 miền ảnh hưởng và kéo dài liên tục cả trong mùa khô, các nhà máy Thủy điện liên tục được huy động tối đa để xả lũ (Sơn La, Hòa Bình phải mở cửa xả đáy), các nhà máy nhiệt điện cạnh tranh chào giá rất thấp để đảm bảo sản lượng điện kế hoạch; (ii) chênh lệch tỷ giá đối với khoản vay ngoại tệ dẫn đến lỗ CLTG khoảng 290 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận sau thuế chưa bao gồm CLTG năm 2017 là 1.098 tỷ đồng (vượt 61% KH 2017). Sự biến động về tỷ giá này đã trực tiếp ảnh hưởng và làm giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty. Cụ thể LNST năm 2017 đạt 810 tỷ đồng vượt 18% so với kế hoạch năm 2017 là 687 tỷ đồng, nhưng so với năm 2016 LNST của Công ty giảm 275 tỷ đồng (LNST năm 2016 là 1.086 tỷ đồng), ảnh hưởng đến chỉ tiêu ROE.

Do vậy để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong năm 2018, Công ty sẽ triển khai đồng bộ các giải pháp sau: (i) nâng cao sự chuyên nghiệp và nhạy bén trong công tác quản lý vận hành và công tác thị trường điện, thực hiện chiến lược chào giá hợp lý, (ii) tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý chi phí, thực hiện tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phiếu

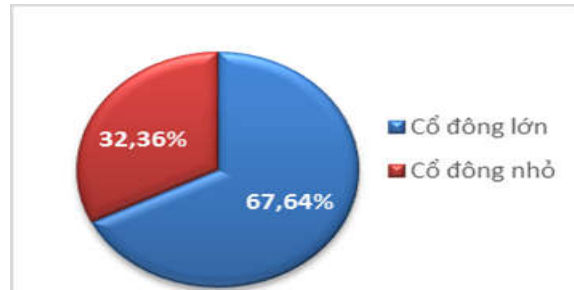
- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 287.876.029 cp.
- Loại cổ phiếu phát hành: cổ phiếu phổ thông.
- Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 284.876.029 cp.

- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: 3.000.000 cp.

5.2 Cơ cấu cổ đông

5.2.1 Theo tỷ lệ sở hữu

Cơ cấu cổ đông lớn, cổ đông nhỏ



Nguồn: DSCĐ tại ngày 24/11/2017

Cổ đông	SL cổ đông	SLCP	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	2	194.722.195	67,64%
Cổ đông nhỏ	2.778	93.153.834	32,36%
Tổng cộng	2.780	287.876.029	100,00%

5.2.2 Theo loại hình cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo loại hình



Nguồn: DSCĐ tại ngày 24/11/2017

Cổ đông	SL cổ đông	SLCP	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	2.603	225.889.758	78,47%
Tổ chức	51	209.515.615	72,78%
Cá nhân	2.552	16.374.143	5,69%
Cổ đông nước ngoài	177	61.986.271	21,53%
Tổ chức	85	61.365.710	21,32%
Cá nhân	92	620.561	0,22%
Tổng cộng	2.780	287.876.029	100,00%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thời điểm tăng vốn	Số lượng cổ phiếu phát hành (CP)	Vốn Điều lệ sau phát hành (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
Tháng 02/2017	3.000.000	2.878.760.290.000	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty (ESOP)	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không phát sinh.

5.5 Các chứng khoán khác

Không phát sinh.

III. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý nguồn nguyên liệu

NT2 là chủ sở hữu quản lý vận hành và khai thác Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình Hỗn hợp Nhơn Trạch 2. NT2 sử dụng nguồn nguyên liệu chính là khí thiên nhiên được khai thác từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn. Ngoài ra, NT2 sử dụng thêm nguồn nguyên liệu dự phòng dầu DO.

NT2 được đánh giá là nhà máy “thân thiện”, với công nghệ Tuabin khí Chu trình hỗn hợp không gây nhiều tiếng ồn, sử dụng khí thiên nhiên đảm bảo sạch hơn so với các nhiên liệu khác. Với đặc thù ngành điện, nếu thủy điện tàn phá rừng, môi trường sinh thái, sử dụng sức nước để sản xuất gây ảnh hưởng môi trường nghiêm trọng. Điện than gây ô nhiễm môi trường, cần lượng lớn người lao động, môi trường độc hại, ảnh hưởng sức khỏe thì theo xu thế hiện nay, nhằm bảo vệ môi trường, hạn chế phát thải nhà kính, các nước ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo và điện khí, hạn chế điện than. Theo đánh giá, nếu năm 2012 sử dụng điện than chiếm 40% thì xu thế đến năm 2040 sẽ giảm xuống 29%, trong khi đó, điện năng lượng tái tạo tăng từ 22% đến 29%, điện khí như NT2 sẽ tăng từ 22% lên 28% (nguồn: www.eia.gov).

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 chỉ sử dụng dầu DO là nhiên liệu dự phòng, nhiên liệu chính là khí tự nhiên là nhiên liệu sạch. Bên cạnh đó, sản phẩm điện đặc thù được phát lên lưới điện quốc gia, không tồn kho nên không tồn nguyên vật liệu để lưu trữ như các ngành tiêu dùng, dược phẩm...góp phần bảo vệ môi trường chung.

2. Tiêu thụ năng lượng

2.1 Nhiên liệu khí

Để sản xuất điện năng, thủy điện làm tàn phá tài nguyên rừng, điện than ô nhiễm môi trường thì điện khí và điện từ năng lượng tái tạo: điện mặt trời...là một xu thế cho phát triển bền vững. Nguyên liệu chính Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng là khí thiên nhiên được khai thác từ bể Cửu Long và Nam Côn Sơn.

Năm 2017, sản lượng khí NT2 sử dụng: 847 triệu m³, giảm 141,3 triệu m³ so với năm 2016: 945 triệu m³. Lượng dầu DO dự phòng sử dụng khi nguồn khí dừng cung cấp: 3.111 m³.

2.2 Điện sử dụng

NT2 thuộc Top 100 doanh nghiệp phát triển bền vững, luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.

NT2 sử dụng điện chiếu sáng cho các khu vực: Nhà bảo vệ, khu vực hành chính, căn tin, phòng điều khiển trung tâm, các gian máy GT5, GT6, ST4, lò thu hồi nhiệt, trạm bơm dầu, nhà kho, đèn chiếu an ninh, đường nội bộ, nhà xe bảo vệ.

Hệ thống chiếu sáng đèn khu vực lò thu hồi nhiệt, hệ thống đèn đường của nhà máy được điều chỉnh theo Timer và cảm biến quang. Nhà máy cài đặt relay này phù hợp với từng mùa nhằm tiết kiệm điện năng nhưng vẫn đủ ánh sáng cho công việc. Văn phòng phòng làm việc tận dụng ánh sáng tự nhiên vào ban ngày để giảm năng lượng sử dụng. Về chiếu sáng tại khu vực làm việc vào



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

ban đêm được giao cho tổ bảo vệ và nhân viên vận hành của nhà máy để quản lý và bật mở theo nhu cầu.

Đối với khu vực nhà xưởng, gian máy, lối đi nội bộ, đèn chiếu sáng sử dụng chủ yếu là các bóng cao áp Sodium 250W, 400W, đèn pha 200W và các bóng T8 loại thường và loại chống cháy. Chủ yếu Công ty sử dụng bóng đèn compact và bóng T5 và một số đèn Led tiết kiệm năng lượng, đồng thời bố trí xen kẽ cho việc đóng ngắt nhằm giảm lượng điện tiêu hao khi khu vực không có nhu cầu sử dụng.

Để bảo vệ môi trường, tiết kiệm điện năng, công ty đang xem xét giải pháp thay thế nhiều đèn Led bởi hệ thống đèn Led giúp tiết kiệm điện năng lên đến 50%.

Do đặc thù sản xuất và kinh doanh điện năng, vì thế ngoài nguồn điện mua ngoài, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 đã tận dụng nguồn điện do Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sản xuất được, NT2 sử dụng để vận hành một số thiết bị của Nhà máy và điện sinh hoạt cho Công ty, tiết kiệm được nguồn năng lượng, bảo vệ môi trường. Đồng thời, điện sinh hoạt của NT2 hướng tới sử dụng thiết bị đèn led thay thế đèn huỳnh quang, tiết kiệm điện năng. Các tổ máy vận hành nhiên liệu khí được tối ưu hóa khi sử dụng điện:

Điện tự dùng tiết kiệm của NT2 như sau: năm 2016: 3.055.917 kWh, năm 2017: 1.229.645 kWh.

Như vậy, năm 2017 lượng điện tự dùng của NT2 tiết kiệm được 1.826.272 kWh góp phần giảm chi phí cho Công ty, đồng thời tiết kiệm năng lượng, nâng cao công tác bảo vệ môi trường, hướng tới phát triển bền vững.

2.3 Khí thải

❖ Tác động:

Nhà máy hoạt động với 2 tua bin khí hoạt động theo chu trình hỗn hợp, phát sinh một lượng khí thải chủ yếu là NOx, CO, bụi và một lượng nhỏ SOx, do nhiên liệu chính là khí thiên nhiên được xem là nguyên liệu đốt thân thiện với môi trường. Dầu DO là nguồn nhiên liệu dự phòng trong trường hợp nguồn cung cấp khí bị gián đoạn, dầu DO được dự trữ trong bồn chứa 8.000 m³. Tuy nhiên trường hợp này rất ít khi xảy ra, các khí phát sinh từ hoạt động đốt dầu DO chủ yếu là NOx, SOx, CO và bụi.

❖ Biện pháp:

Hoạt động của các tua bin khí thải thường xuyên ra môi trường một lượng NOx, CO₂ và CO qua các ống khói. Các biện pháp giảm thiểu khí thải từ các tua bin khí được áp dụng như sau:

- Sử dụng các tua bin khí có công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả và làm giảm lượng khí thải tính trên mức khí tiêu thụ.
- Xử lý khí nhằm giảm lượng SOx thải ra môi trường trong trường hợp đốt dầu DO.
- Thường xuyên giám sát quá trình vận hành để đảm bảo các tua bin hoạt động đúng theo thiết kế; tuân thủ nghiêm ngặt lịch bảo trì theo quy định của nhà sản xuất.
- Lắp đặt ống khói chính có chiều cao khoảng 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh khoảng là 35m, đường kính khoảng 6,8m để các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhánh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NOx và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

19:2009/BTNMT và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung quanh thấp hơn QCVN 05:2013/BTNMT.

- Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói chính.

❖ Tổng lượng khí thải:

Tổng lượng khí thải năm 2017 là 51.054.922.620 m³, hệ thống được giám sát chặt chẽ. Công ty đã lắp đặt tại buồng đốt bao gồm 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Hàm lượng khí phát thải như NOx, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009.

Đồng thời, trong năm qua NT2 đã thuê giám sát online và đơn vị kiểm tra định kỳ 4 lần trong năm 2017.

3. Tiêu thụ nước

3.1 Nguồn nước cung cấp

Theo thống kê, Việt Nam chủ yếu trước năm 2015 là thủy điện, tiếp đến là điện than, tiêu thụ rất nhiều nước. Hầu hết tất cả các hoạt động sản xuất, phân phối, tiêu thụ và tiêu hủy sau vòng đời của các nhà máy điện đều có liên quan đến việc sử dụng nguồn nước hoặc gây ô nhiễm nguồn nước.

Nếu như mỗi giai đoạn trong vòng đời của than từ khai thác – xử lý – vận chuyển – đốt than sản xuất điện ở nhà máy điện than và cả thải loại đều có tác động tiêu cực tới nguồn nước thì ngược lại điện khí như nhà máy điện Nhơn Trạch 2 lại có những ưu điểm nổi bật trong việc bảo vệ môi trường nước.

NT2 được Bộ tài nguyên môi trường cấp giấy phép số 2564/GP-BTNMT ngày 14/11/2014 về việc cục thẩm định đã thẩm định hồ sơ xin cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước mặt. Công ty đã xử lý nước thải đạt chuẩn theo quy định pháp luật. Định kỳ hàng quý, NT2 đóng đầy đủ phí xả nước thải vào nguồn nước.

Tuân thủ nguyên tắc bảo vệ môi trường và giảm thiểu tác động môi trường, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc nước thải sinh hoạt, nước làm mát và nước thải công nghiệp... Việc quan trắc được tiến hành thường xuyên, tần suất và vị trí quan trắc tuân thủ theo đúng yêu cầu đã được phê duyệt.

Nguồn nước chính được cung cấp từ sông Đồng Tranh nằm bên cạnh NT2, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 sử dụng nước nguồn nước này làm mát và vận hành nhà máy. Tổng lượng nước mặt phục vụ sản xuất, vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 năm 2017 là 329.854.500 m³; tổng công suất hệ thống xử lý 1.416.960 m³/ngày.đêm.

Nước sinh hoạt được sử dụng là nguồn nước sạch của Công ty cấp nước Đồng Nai cung cấp để sử dụng làm nước sinh hoạt và để tạo nước khử khoáng phục vụ cho sản xuất điện bằng tuabin hơi. Lượng nước sinh hoạt tiêu thụ năm 2017 của NT2 là 78.110 m³ nước, tương ứng 214m³/ngày.đêm.

3.2 Lượng nước tái chế và sử dụng

Do đặc thù sản xuất điện, NT2 không tái chế và tái sử dụng nước dùng cho sinh hoạt và sản xuất.

3.3 Biện pháp tiết kiệm nước

Nếu mọi người hay suy nghĩ 2/3 diện tích trên Trái đất này là nước nên sẽ không có chuyện thiếu nước sạch thì thật sai lầm. Nguồn nước sạch ngày càng bị thu hẹp do ô nhiễm, xả thải... Nước còn đang bị lãng phí. Nhận thức được điều đó, NT2 đưa biện pháp tiết kiệm nước không chỉ trong sản xuất công nghiệp mà cả sinh hoạt hằng ngày. NT2 áp dụng hệ thống quản lý chất lượng OHSAS 18000 và ISO 14000 trong kiểm soát môi trường, trong đó chú trọng kiểm soát nguồn nước.

Để tiết kiệm và tránh lãng phí nước, NT2 kiểm tra đường ống thường xuyên tránh thất thoát nước, lắp đặt đồng hồ nước có kiểm định, theo dõi thống kê hàng tháng, tuyên truyền sử dụng tiết kiệm nước.

NT2 thường xuyên kiểm tra các đường ống xem có bị rò rỉ hay không, tiến hành kiểm tra số nước trên công tơ trước và sau 2 giờ không sử dụng nước. Nếu phát hiện bị rò rỉ sẽ sửa chữa ngay để tránh thất thoát nước.

Ngoài ra, NT2 hằng năm lập kế hoạch, định mức nước sử dụng cho nhà máy và nước sinh hoạt.

3.4 Xử lý nước thải

Tất cả nước thải từ nhà máy được xử lý theo tiêu chuẩn TCVN trước khi thải ra môi trường. Nguồn nước thải trong khu vực nhà máy bao gồm: nước thải nhiễm nhiệt, nước thải nhiễm dầu, hóa chất, nước thải sinh hoạt... Hệ thống xử lý nước thải thu gom nước đã xử lý từ các trạm xử lý nước thải để xử lý đạt chuẩn thải công nghiệp trước khi thải ra môi trường.

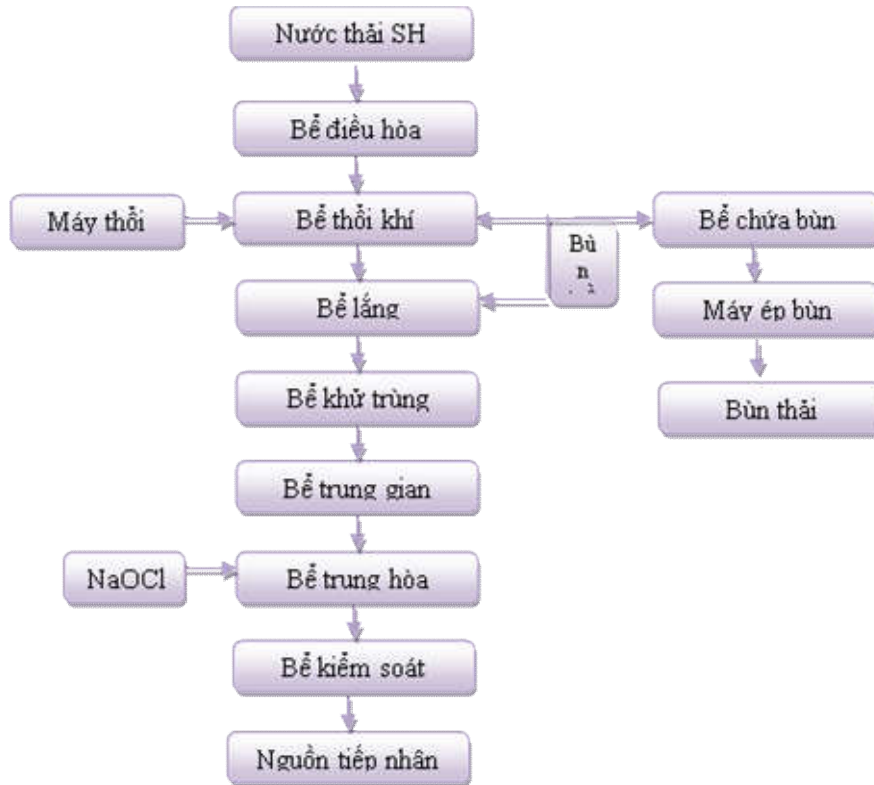
a) Nước thải sinh hoạt:

Tác động:

- Lượng nước sinh hoạt được tính như sau: định mức sử dụng cho 1 ca làm việc 8h x hệ số điều hòa x số người.
- Số nhân viên trong Công ty là 186 người thì lượng nước cấp cho sinh hoạt được tính như sau: $(45 \text{ lít/người} \times 2,5 \times 186) = 20,925 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (định mức sử dụng được tính theo TCXDVN 33:2006 - Mục 3.7 – Bảng 3.4: Tiêu chuẩn cấp nước dùng cho cơ sở sản xuất công nghiệp).
- Như vậy lượng nước thải sinh hoạt trung bình khoảng $16,74 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ (80% lượng nước sử dụng). Sự có mặt với hàm lượng chất hữu cơ cao và lượng vi sinh vật trong nước thải dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hòa tan trong nước gây ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh và đến khả năng tự làm sạch của sông.

Biện pháp:

Để giảm thiểu các tác động do nước thải sinh hoạt, Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 đã áp dụng quy trình xử lý nước thải sinh hoạt như sau:



b) Nước thải sản xuất:

❖ Nước thải làm mát

🚧 Tác động:

Nước làm mát được lấy từ sông Đồng Tranh qua hệ thống bơm nước làm mát chính lấy nước với công suất lớn nhất là 16 m³/s. Nước làm mát không tham gia vào quá trình công nghệ mà chỉ được dùng với mục đích trao đổi nhiệt, do đó nước làm mát được xếp loại là nước thải sạch, không cần phải xử lý trước khi thải ra môi trường. Tuy nhiên, nhiệt độ của nước sẽ tăng cao do quá trình trao đổi nhiệt trong quá trình làm mát.

Nhu cầu sử dụng nước làm mát trung bình khoảng: 985.408 m³/ngày.đêm

🚧 Biện pháp:

Vị trí lấy nước và thải nước làm mát cách nhau tối thiểu 01 km, mương thải tạo sóng để làm tăng khả năng phát tán nhiệt và tránh hiện tượng quá nhiệt nước thải nóng.

Điều tiết lưu lượng thải hợp lý nhằm làm tăng khả năng thải nhiệt cũng như tăng khả năng trao đổi nhiệt với môi trường tiếp nhận, tránh ô nhiễm nhiệt nước sông.

Theo dõi và giám sát thường xuyên nhiệt độ lấy nước vào và thải nước ra tại điểm xả của nhà máy và môi trường nước bên ngoài để đảm bảo chênh lệch nhiệt độ không vượt quá 50°C và có thể xử lý kịp thời trong các trường hợp xấu nhằm đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Việc Clo hóa nước được thực hiện để ngăn ngừa việc bám rong rêu trong hệ thống nước làm mát. Clo được bơm vào với một tỉ lệ mà khi thải ra mức còn lại của chúng thấp hơn 0,02 ppm tại ống xả. Với hàm lượng này Clo không gây tác động đáng kể nào tại điểm thải. Riêng hàm lượng TSS có thể tăng lên khoảng 15-20% so với ban đầu nhưng vẫn luôn luôn nhỏ hơn hoặc bằng với hàm lượng TSS của sông Lòng Tàu (do có quá trình sơ lắng các chất lơ lửng trong hệ thống kênh dẫn và hố bơm). Trong trường hợp pH của sông Đồng Tranh bị phèn hóa (vào mùa mưa), nước làm mát được phun một lượng vừa đủ NaOH để đảm bảo nước làm mát có pH luôn lớn hơn hoặc bằng 5,5. Do vậy dù nước thải làm mát có pH, TSS và nhiệt độ khác nhau với môi trường nhưng vẫn không gây ảnh hưởng đáng kể nào đến chất lượng nước sông Lòng Tàu.

❖ Nước thải từ hệ thống khử khoáng

Trong quá trình khử khoáng, tái sinh các hạt nhựa trao đổi ion, cần thiết phải sử dụng các dung dịch axit hoặc bazơ tương ứng. Nước thải liên tục của nhà máy tại hệ thống khử khoáng khoảng 33,625 m³/ngày.đêm. Trong đó:

- Nước từ hệ thống RO là 28,6 m³/ngày.đêm
- Lượng nước thải nhiễm hóa chất với lưu lượng thải khoảng 5,025 m³/ngày.đêm (Trong đó: nước từ hoạt động rửa màng MMF là 3,625 m³/ngày.đêm và nước thải từ khu vực bồn chứa là 1,400 m³/ngày.đêm).

Loại nước thải này nếu không được xử lý sẽ gây ảnh hưởng đến đời sống môi trường xung quanh.

❖ Nước thải nhiễm dầu

Nước thải nhiễm dầu phát sinh từ khu vực bồn chứa dầu và gian máy tại nhà máy khoảng 70,576 m³/ngày.đêm.

Lượng nước thải này nếu không được xử lý sẽ gây ảnh hưởng lớn đến môi trường nguồn tiếp nhận. Dầu và mỡ là nguồn ô nhiễm môi trường nước, nếu không xử lý sẽ tạo nên màng trên bề mặt nước làm giảm sự trao đổi oxy giữa nước và không khí. Mặt khác, dầu có khối lượng phân tử lớn bám dính vào các hạt lơ lửng trong cột nước và lắng đọng xuống đáy sông, rạch làm ảnh hưởng tới sinh vật sống trong vùng đáy.

Riêng đối với nước thải nhiễm dầu sẽ được tách dầu trước khi vào bể tiếp nhận nước thải chung để đảm bảo cho hệ thống hoạt động tốt. Quy trình tách dầu thực hiện như sau: Nước thải nhiễm dầu được thu gom vào bể chứa riêng, sau đó được bơm lên hệ thống tách dầu sơ bộ theo kiểu vách ngăn. Dầu sau khi tách được thu gom, bể này còn có tác dụng lắng các hạt chất rắn và cát bị cuốn theo dòng nước. Nước thải tiếp tục được qua bể xử lý hiếu khí dưới dạng mẻ và sau đó qua cột lọc để làm sạch hết những phần tử dầu li ti còn lẫn trong nước. Phần nước thải sau khi được tách dầu tiếp tục đưa đến bồn chứa nước thải chung của hệ thống xử lý. Phần dầu tách được thu gom vào bể thu gom dầu thải.

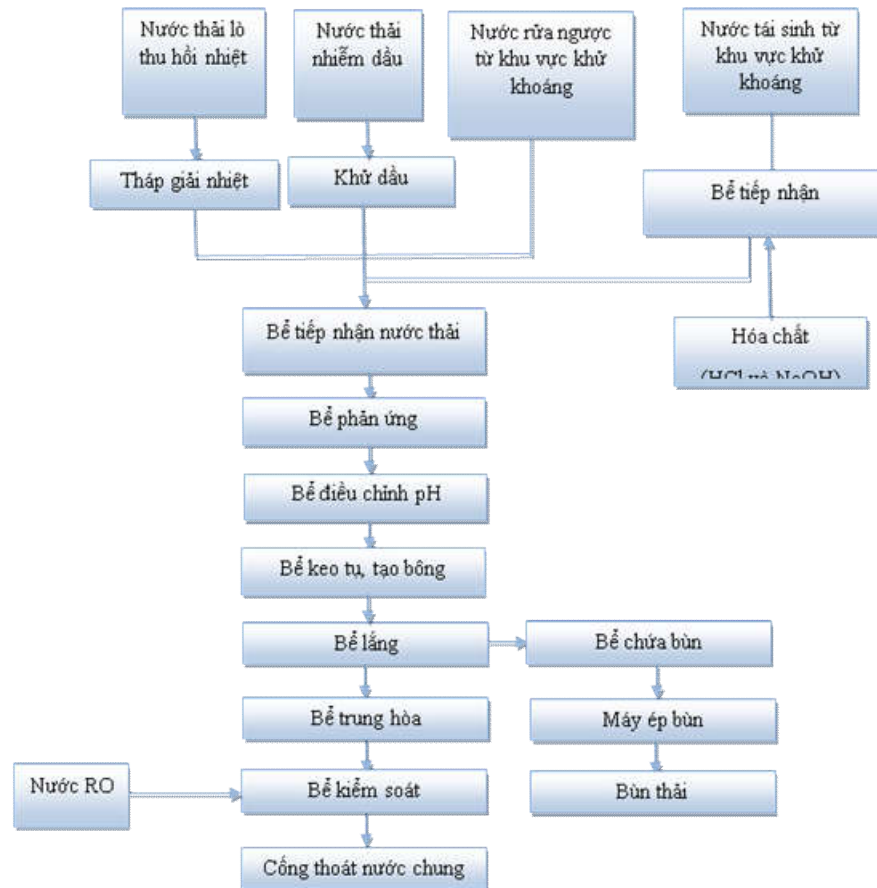
❖ Nước thải từ lò thu hồi nhiệt

Phát sinh thường xuyên với lưu lượng 5 m³/ngày.đêm.

Nước thải từ lò thu hồi nhiệt: nước cung cấp cho lò thu hồi nhiệt là nước khử khoáng, thành phần nước của lò thu hồi nhiệt tương đối sạch và nước thải từ lò thu hồi nhiệt chỉ thải ra ngoài khi nước không đạt các yêu cầu về độ dẫn, pH.... Vì thế nước thải từ lò thu hồi nhiệt sau khi thải ra sẽ được

thu gom vào bể chứa nước thải Blowdown, sau đó bơm sang bể chứa nước thải và sau đó được đưa qua các công đoạn xử lý cho đạt chuẩn trước khi thải ra nguồn tiếp nhận là sông Đồng Tranh.

Toàn bộ nước thải từ lò thu hồi nhiệt, nước thải nhiễm dầu, nước thải từ hệ thống khử khoáng đều được xử lý sơ bộ trước khi đưa vào hệ thống xử lý nước thải chung. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sản xuất được thể hiện như hình sau:



❖ **Tổng lượng nước thải**

Năm 2017, tổng lượng nước thải NT2 đã thải ra 36.762m³; tổng công suất hệ thống xử lý 922m³/ngày; tỉ lệ nước thải được xử lý 100%. Trong đó, số đợt giám sát nước thải 04 lần, tổng số chỉ tiêu phân tích là 05.

Tất cả lượng nước thải và quá trình xử lý đều đạt theo tiêu chuẩn TCVN 40:2011.

4. Chất thải

4.1 Chất thải rắn sinh hoạt

🚧 Tác động:

Thành phần chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực nhà máy bao gồm:



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Chất hữu cơ: thực phẩm dư thừa, rau quả...
- Các sản phẩm có nguồn gốc từ giấy: giấy, bìa carton, báo...
- Chất vô cơ: chất dẻo, PVC, thủy tinh...
- Kim loại: thùng, hộp kim loại...

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng tháng khoảng 6.250 kg/tháng

Biện pháp:

Để không chế ô nhiễm do chất thải rắn sinh hoạt, nhà máy đã thực hiện các biện pháp sau:

- Chọn vật liệu thích hợp, ít phát sinh rác hoặc có thể tái sử dụng nếu có thể;
- Phân loại chất thải rắn ngay tại nguồn thải để có biện pháp thu xử lý và thải thích hợp;
- Bố trí các thùng thu gom chất thải rắn tại những vị trí thích hợp kèm theo bảng hướng dẫn nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các công tác thu gom và tránh rơi vãi chất thải trong Nhà máy;
- Hợp đồng với Doanh nghiệp Tư nhân Lê Hoàng Nam thu gom và xử lý theo quy định.

Tổng lượng chất thải rắn thông thường

Năm 2017, tổng khối lượng chất thải rắn thông thường 104,607 tấn và đã được xử lý 100%. NT2 đã thuê nhà thầu Hợp tác xã Dịch vụ Môi trường Long Thọ xử lý chất thải nêu trên.

4.2 Chất thải nguy hại

Tác động:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của Nhà máy bao gồm: Vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh, nhựa, gỗ nhiễm thành phần nguy hại; bao bì cứng bằng kim loại; Bao bì cứng bằng nhựa nhiễm thành phần nguy hại thải. Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quý 4 khoảng 1.440 kg. Lượng chất thải này đang được lưu trữ tại kho chất thải nguy hại của Công ty để chờ chuyển giao cho Công ty TNHH Hà Lộc đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Biện pháp:

Công ty đã lập sổ đăng ký sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 358/SĐK- CCBVMT do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Nai cấp lần 3 ngày 05/12/2013 và hợp đồng với Công ty TNHH Hà Lộc thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 Quy định về quản lý chất thải nguy hại và Quy định an toàn về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý và tiêu hủy chất thải nguy hại trên địa bàn Tỉnh.

Chất thải nguy hại trước khi được thu gom bởi các đơn vị có chức năng, được phân loại theo từng chủng loại trong các bao bì thích hợp, lưu trữ tại khu vực riêng biệt, có mái che, có biển báo chất thải nguy hại, đáp ứng các yêu cầu về an toàn kỹ thuật, ký hiệu rõ ràng theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Kiểm tra, xác nhận chất thải nguy hại trong quá trình thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý, tiêu hủy có đến đúng địa điểm, cơ sở theo quy định của hợp đồng.

Tổng lượng chất thải nguy hại:



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Năm 2017, tổng khối lượng chất thải rắn nguy hại là 24.289 kg và đã được xử lý 100%. NT2 đã thuê nhà thầu Công ty TNHH Hà Lộc, mã số QLCTNH:1-2-4-5-6-7-8.019.VX xử lý chất thải nguy hại cho Công ty.

5. Tiếng ồn

Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 được thiết kế tiêu chuẩn làm giảm tối đa tiếng ồn đảm bảo cho CBCNV làm việc tại NT2 và dân cư xung quanh.

Trong điều kiện vận hành bình thường tiếng ồn giới hạn dưới 85 dB(A) ở khoảng cách 1m cách xa thiết bị gây ồn và cao 1,5m trên mức bề mặt thiết bị gây ồn.

NT2 sử dụng các biện pháp nhằm giới hạn tiếng ồn đảm bảo điều kiện lao động và đạt chuẩn đối với môi trường sống xung quanh:

- Các tuabin khí được cách âm trong vỏ bọc cách ly.
- Ống dẫn không khí của Tuabin khí được lắp cách âm.

Những bộ phận máy móc nhỏ được thiết kế chống ồn và được bọc vỏ cách âm phụ. Ngoài ra, dầu bôi trơn, dầu điều khiển các bộ phận được đặt trong buồng tách lọc. Những bức tường của gian tuabin khí và tuabin hơi được thiết kế cách âm và gia công làm tăng khả năng hấp thụ.

6. Các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Sáng kiến thứ nhất là “Giải pháp lắp đặt thêm nguồn điều khiển cho van ESV trạm Gas Lot 3 Nhà máy điện Nhơn Trạch 2”. Giải pháp từ sáng kiến này với giá trị làm lợi tương ứng với giá trị thiệt hại khi nhà máy xảy ra sự cố, cụ thể: Tăng 380 EOH/2 tổ máy, tương ứng với khoản chi phí khoảng 228.000€; Sản lượng thiếu hụt trong khoảng 2 giờ khắc phục sự cố là 1.500MWh, giảm lợi nhuận khoảng 130 triệu; Chi phí khởi động cho mỗi tổ máy tương đương 1 tỷ đồng.

Sáng kiến thứ hai là “Giải pháp chống nhiễu các kênh đo độ rung tuyệt đối các gối trục của Tuabin khí Tuabin hơi Nhà máy điện Nhơn Trạch 2” đã thực hiện và làm lợi hơn 2 tỷ đồng.

NT2 khẳng định tiêu chí “thân thiện” trong phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trong thời gian hoạt động sản xuất, Công ty luôn quan tâm đến hoạt động khoa học công nghệ và sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Đặc biệt, Công ty chú trọng triển khai mạnh mẽ các thành tựu mới của Công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành nhằm tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả, bảo vệ môi trường.

Để khuyến khích phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, NT2 đã thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ, ban hành các quy chế, quy định để khuyến khích, động viên CBCNV thi đua sáng tạo, góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty.

7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường theo Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành, đánh giá tác động môi trường, quản lý chất thải, phế liệu, bảo vệ môi trường với chất thải rắn, khí thải...Đồng thời, hoạt động về môi trường NT2 cần đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chuẩn Việt Nam.

Nhằm bảo vệ môi trường hướng tới phát triển bền vững, NT2 phối hợp cùng đơn vị tư vấn lập báo cáo tác động môi trường của dự án Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 số 132/QĐ0BTNMT do Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp ngày 22/01/2008; đồng thời phối hợp với đơn vị tư vấn tiến hành khảo sát, quan trắc môi trường không khí, khí thải, nước thải, trầm tích và thực hiện lập Báo cáo kết quả quan trắc môi trường hàng quý.

Thông qua các đợt đánh giá của các đoàn kiểm tra, NT2 luôn tuân thủ các quy định, công tác môi trường được đánh giá cao. Trong thời gian qua, NT2 chưa bị phạt vi phạm môi trường bởi các cơ quan chức năng. Bên cạnh tuân thủ pháp luật, NT2 còn tuyên truyền và ban hành các quy định sử dụng năng lượng tiết kiệm, bảo vệ môi trường như: tắt các thiết bị điện/nước không cần thiết; giảm ít nhất 50% số lượng đèn chiếu sáng chung ở hành lang, khu vực sảnh; khuyến khích sử dụng bóng đèn LED tại các vị trí thích hợp; tận dụng tối đa ánh sáng trời và thông thoáng tự nhiên; tổ chức khóa học sử dụng năng lượng tiết kiệm cho tất cả CBCNV Công ty.

8. Chính sách liên quan đến người lao động

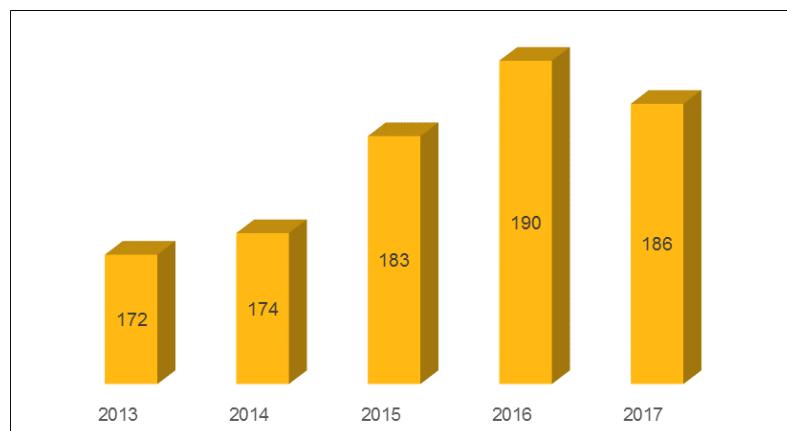
8.1 Tóm tắt chính sách đối với người lao động

Trải qua chặng đường 10 năm, NT2 đã trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong ngành sản xuất Điện khí Việt Nam. Với NT2 con người chính là yếu tố quyết định sự thành công và phát triển của Công ty. Các thể hệ lãnh đạo của NT2 với sự quản lý sáng suốt, bản lĩnh và nhạy bén cùng đội ngũ CBCNV với năng lực, chuyên môn cao, nhiệt huyết, sáng tạo, luôn tận tâm vì sự phát triển của NT2, đã vượt qua mọi thách thức phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch được giao.

Số lượng nhân sự của NT2 ổn định và được chú trọng đầu tư phát triển qua các năm. Công tác đổi mới phát triển nguồn nhân lực luôn được Ban lãnh đạo đánh giá là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của tất cả các cán bộ quản lý các cấp trong Công ty. NT2 với bộ máy nhân sự tinh gọn, hoạt động hiệu quả là nhờ sự nỗ lực học hỏi, không ngừng tìm tòi, nghiên cứu và áp dụng các phương pháp, công nghệ quản lý tiên tiến trên thế giới vào thực tế sản xuất kinh doanh của Công ty, với sự đồng lòng và quyết tâm CBCNV NT2 từng bước đưa Công ty chiếm lĩnh vị thế hàng đầu trong ngành sản xuất và cung cấp điện năng.

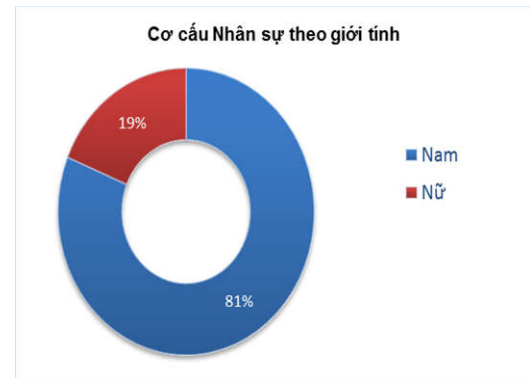
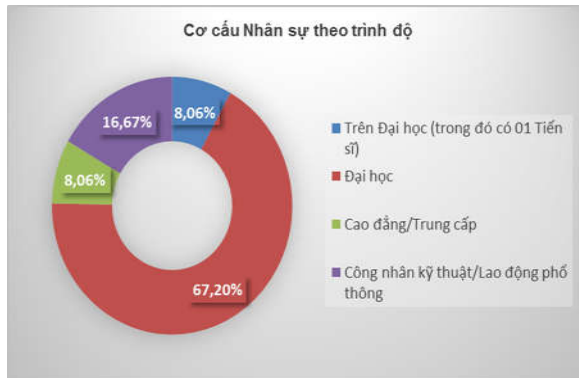
8.2 Số lượng lao động và cơ cấu lao động

❖ Số lượng lao động:



Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Số lượng (người)	172	174	183	190	186

❖ **Cơ cấu lao động:**



Tiêu chí	Số lượng	Tỷ trọng
I.Phân theo trình độ	186	100%
1.Trên Đại học (trong đó có 01 Tiến sĩ)	15	8,06%
2.Đại học	125	67,20%
3.Cao đẳng/Trung cấp	15	8,06%
4.Công nhân Kỹ thuật/Lao động phổ thông	31	16,60%
II.Phân theo giới tính	186	100%
1.Nam	151	81,20%
2.Nữ	35	18,80%

8.3 Mức lương bình quân

Triệu đồng/người/tháng

Năm	2015	2016	2017
Thu nhập bình quân của người lao động	27,12	27,12	24,8



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

8.4 Chính sách đối với người lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

8.4.1 Mối quan hệ giữa người quản lý lao động và người lao động – Gìn giữ giá trị bền vững

Đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực

Xác định nguồn nhân lực là nguồn tài sản quý giá, quyết định sự phát triển bền vững của Công ty, NT2 chú trọng xây dựng một đội ngũ nhân sự: “Chuyên nghiệp – trách nhiệm – hiệu quả - tận tâm” đây được coi là một trong những chiến lược dài hạn của Công ty.

Để làm được điều đó, hàng năm Người quản lý lao động và Chủ tịch công đoàn Công ty thực hiện ký kết thỏa ước lao động trong Hội nghị người lao động của Công ty, nhằm đảm bảo các chế độ phúc lợi, lương thưởng cho người lao động như đã ký kết trong thỏa ước lao động tập thể, đồng thời tạo điều kiện để người lao động phát triển năng lực, duy trì và phát triển đội ngũ kế thừa được thực hiện một cách linh hoạt, hiệu quả và phù hợp với từng nhân lực.

Tối ưu hóa nguồn lực nội bộ: NT2 luôn đưa ra các giải pháp tối ưu hóa nguồn nhân lực như: luân chuyển nội bộ, thay thế cho tuyển dụng mới, NT2 mong muốn tạo thêm và duy trì ở mức cao nhất cơ hội việc làm cho người lao động, những người lao động đã gắn bó và tạo nên giá trị cốt lõi cho sự phát triển của NT2.

NT2 ban hành bộ quy tắc ứng xử nhằm góp phần xây dựng và nâng cao giá trị văn hóa của Công ty. Thực hiện tốt quy chế dân chủ với mục đích thiết lập mối quan hệ hài hòa, ổn định giữa Người quản lý lao động với Người lao động để:

- Tạo điều kiện cho Người lao động được biết, được tham gia ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động.
- Nâng cao trách nhiệm, nghĩa vụ của Người quản lý lao động với Người lao động, tạo điều kiện để các tổ chức chính trị - xã hội (Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội cựu chiến binh) của Công ty hoạt động theo quy định của Pháp luật trong việc thực hiện quyền dân chủ cho người lao động, tổ chức đối thoại với người lao động tại Công ty.

Vượt qua không ít khó khăn và thách thức trong suốt 10 năm qua, NT2 đã và đang đạt được những kết quả đáng khích lệ trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng được các mục tiêu, chiến lược của Công ty. NT2 đánh giá con người là yếu tố then chốt để tiếp tục thúc đẩy và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đảm bảo tài sản vô giá, nhân tố quyết định sự thành công và phát triển bền vững của NT2.

8.4.2 Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường

NT2 với ngành nghề kinh doanh đặc thù sản xuất và cung cấp điện năng, nên ngay từ những ngày đầu thành lập NT2 luôn đặt công tác An toàn – Sức khỏe – Môi trường lên hàng đầu, vì đây là một trong những yêu cầu đầu tiên ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín và thương hiệu của NT2. Các chỉ số về An toàn – Sức khỏe – Môi trường tốt sẽ là lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh hợp tác quốc tế hiện nay. Một hệ thống quản lý An toàn- Sức khỏe – Môi trường vững mạnh là hệ thống xuyên suốt và đồng nhất giữa các phòng ban, phân xưởng vận hành trong Công ty. Do đó trong hoạt động sản xuất và kinh doanh, NT2 luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác An



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

toàn, Sức khỏe và Bảo vệ môi trường, chủ động ngăn ngừa các thiệt hại về con người, tài sản và môi trường. Cụ thể hàng năm NT2 luôn có chính sách chăm sóc sức khỏe cho CBCNV, trang bị đầy đủ các biện pháp an toàn trong sản xuất và hướng tới một môi trường thân thiện trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ luật pháp của Việt Nam và quốc tế.

a) Công tác bảo vệ môi trường

NT2 luôn xem công tác An toàn sức khỏe môi trường (ATSKMT) là công tác trọng tâm xuyên suốt trong quá trình vận hành an toàn nhà máy điện Nhơn Trạch 2, do đó Công ty đã chủ động thực hiện và luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:

- Ban hành chính sách An toàn – Sức khỏe – Môi trường với mục đích đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất và bảo vệ môi trường được ưu tiên hàng đầu, sản xuất kinh doanh luôn song hành với trách nhiệm cộng đồng, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong sản xuất và kinh doanh.
- Điều kiện làm việc và an toàn lao động là một trong những vấn đề quan trọng mà Lãnh đạo công ty đặc biệt chú ý quan tâm vì nó ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đảm bảo điều kiện làm việc và an toàn lao động là hai vấn đề có mối quan hệ khăng khít. Một trong những nhân tố liên quan đến an toàn lao động là do điều kiện làm việc chưa được đảm bảo và sự thiếu hiểu biết của mỗi cán bộ công nhân viên. Định kỳ hàng năm NT2 thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường xung quanh theo quy định của Pháp luật và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (ĐTM)
- Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn môi trường số 207/TCMT-TĐ, ngày 01/03/2012. Bộ tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 132/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2008.

Trong năm 2017, Lãnh đạo NT2 tiếp tục duy trì phương pháp 5S vào tất cả các phòng ban của NT2 với mục đích nâng cao chất lượng môi trường làm việc một cách khoa học, gọn gàng, sạch đẹp, tiện nghi và an toàn sức khỏe cho CBCNV Công ty. Đồng thời NT2 tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường và hưởng ứng chương trình “Giờ trái đất” tại khu nhà công vụ Công ty.

Hàng năm NT2 đều trang bị và bổ sung đầy đủ cơ sở vật chất, các trang thiết bị để phục vụ cho sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động. Lắp đặt máy điều hòa nhiệt độ, hệ thống quạt hút và thông gió, đảm bảo hệ thống ánh sáng, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo môi trường làm việc tốt cho CBCNV. Việc trang bị BHLĐ được thực hiện đầy đủ theo quy định của luật lao động. Đồng thời tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ Môi trường, chấp hành các quy định về thu gom, xử lý chất thải độc hại.

Với những nỗ lực đã đạt được trong công tác ATSKMT, NT2 đã được tổ chức BSI cấp lại giấy chứng nhận ISO 14001 và hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001 ngày 20/10/2017.

b) Công tác đảm bảo an toàn, phòng cháy chữa cháy và ứng cứu khẩn cấp

Với tiêu chí “An toàn để sản xuất – Sản xuất phải an toàn”, NT2 luôn nâng cao ý thức và trách nhiệm trong vấn đề đảm bảo an toàn, PCCC trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Trong suốt những năm qua, NT2 luôn chú trọng trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị lao động, thường



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

xuyên tổ chức các lớp đào tạo huấn luyện về công tác ATVSLĐ, PCCC và cứu nạn cứu hộ cho 100% CBCNV Công ty giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn.

Công ty đã phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc địa bàn huyện Nhơn Trạch tổ chức diễn tập PCCC và CNCH cho CBCNV theo kế hoạch ứng cứu khẩn cấp của Công ty đã được chấp thuận tại quyết định số 133/QĐ-ATMT ngày 06/10/2011 của Bộ Công thương.

Hàng năm, NT2 phối hợp với cảnh sát PCCC huyện Nhơn Trạch tổ chức diễn tập chữa cháy và cứu nạn cứu hộ có phối hợp nhiều lực lượng. NT2 diễn tập Phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) tại Công ty nhằm chủ động phòng ngừa và nâng cao khả năng sẵn sàng ứng cứu khi có tình huống khẩn cấp, kịp thời xử lý các vụ cháy, nổ xảy ra, hạn chế đến mức thấp nhất về người và tài sản do cháy gây ra.

Công ty trang bị đầy đủ các trang thiết bị phương tiện PCCC như hệ thống chữa cháy bằng nước tự động, hệ thống chữa cháy tự động CO2, hệ thống chữa cháy tự động bằng Foam, tổ chức kiểm tra định kỳ thứ 6 hàng tuần đảm bảo các phương tiện PCCC trong tình trạng sẵn sàng tin cậy, thường xuyên kiểm tra đánh giá các trang thiết bị, phương tiện cứu nạn cứu hộ của Công ty nhằm đáp ứng sự đầy đủ và tính khả dụng trong an toàn lao động.

Trong năm 2017, NT2 thực hiện công tác đại tu nhà máy theo kế hoạch, Công tác đảm bảo an toàn luôn được chú trọng, trong suốt quá trình đại tu nhà máy không có sự cố nào ảnh hưởng đến công tác an toàn sửa chữa bảo dưỡng. Năm 2017, NT2 không xảy ra sự cố nào ảnh hưởng đến công tác vận hành nhà máy.

c) Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động

Nhằm đảm bảo sức khỏe và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng quy định của OHSAS 18001-2007&ISO 14001-2010, NT2 luôn nghiêm túc thực hiện và duy trì các hoạt động sau:

- ❖ Trang bị phòng y tế và tủ thuốc sơ cấp cứu trong Công ty.
- ❖ Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp tại các bệnh viện uy tín cho 100% CBCNV của Công ty.

Đầu tư hệ thống trồng rau sạch trong Công ty do công đoàn và đoàn thanh niên thực hiện nhằm đảm bảo nguồn cung cấp rau cho bữa ăn hàng ngày của CBCNV tại Công ty. Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc, thực phẩm sử dụng phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp bởi các đơn vị có uy tín về chất lượng sản phẩm.

d) Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân

Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân là biện pháp cần thiết để giúp người lao động giảm thiểu tối đa những tác hại do điều kiện và môi trường làm việc mang lại như: nóng, ồn, bụi, và các điều kiện nguy hiểm, độc hại khác,...

Phương tiện vệ cá nhân đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về: tiêu chuẩn chất lượng, mục đích sử dụng, thẩm mỹ và tiện ích.

Người lao động được trang bị phương tiện Bảo hộ lao động bắt buộc phải sử dụng đúng quy định

khi làm việc.

e) Tổ chức làm việc an toàn

Tổ chức lao động, sắp xếp, bố trí máy móc, thiết bị phù hợp với người lao động.

Thực hiện thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý.

f) Trang bị Bảo hộ lao động

Hàng năm Công ty đều trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân bảo hộ lao động theo kế hoạch được phê duyệt. Duy trì thường xuyên hoạt động và theo đúng định kỳ hàng tháng của mạng lưới an toàn vệ sinh viên. Kiểm tra an toàn vệ sinh lao động cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ. Theo dõi việc ghi chép sổ sách và các biểu mẫu theo quy định. Hàng tháng tổ chức kiểm tra chéo giữa các phòng ban, họp rút kinh nghiệm và nâng cao năng lực an toàn vệ sinh viên và có báo cáo đến Ban Giám đốc.

Một số hoạt động về An toàn lao động đã thực hiện trong năm 2017:

- Hưởng ứng tham gia tuần lễ Quốc gia An toàn vệ sinh lao động phong trào xanh – sạch – đẹp.
- Thực hiện đo đạc các thông số môi trường để đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.
- Huấn luyện an toàn lao động cho 186 lao động theo định kỳ
- Huấn luyện 38 nhân viên vận hành xe cầu và thiết bị nâng; 26 nhân viên an toàn hóa chất ; 83 nhân viên an toàn điện; 13 nhân viên nghiệp vụ bảo vệ nội bộ.
- Kiểm tra định kỳ an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và thoát hiểm, thoát nạn.
- Thực hiện tái kiểm tra để cấp thẻ An toàn lao động đối với khối Vận hành sản xuất và khối hành chính văn phòng.
- Thực hiện kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại Công ty 11 lượt/năm.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 186 người lao động.
- Tổ chức và tham gia các phong trào An toàn vệ sinh viên do Tập đoàn và Tổng Công ty tổ chức.

8.4.3 Các chính sách chăm sóc cho người lao động

a) Chính sách đào tạo

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tác phong chuyên nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Công ty đã chú trọng, quan tâm và xây dựng cơ chế, chính sách, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Xác định việc đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tác phong chuyên nghiệp cho CBCNV đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh. Công ty đã chú trọng, quan tâm và xây dựng cơ chế, chính sách, quy định đào tạo để khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Chất lượng đào tạo được nâng cao, đào tạo đúng nhiệm vụ chức năng công việc đảm nhận, đẩy mạnh tập trung đào tạo kỹ năng quản lý và chuyên môn nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật. Kết hợp tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước, nước ngoài, đào tạo ngắn hạn và đào tạo dài hạn. Thường xuyên cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận chính trị, quản lý. Kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động của Công ty tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy...

- Đối với đội ngũ kỹ thuật: bộ phận kỹ thuật sắp xếp thời gian hợp lý bố trí tổ chức đào tạo nội bộ trước khi thực hiện kế hoạch tiểu tu, trung tu và đại tu nhà máy. Các cán bộ kỹ thuật lên chương trình đào tạo và hướng dẫn cụ thể cho nhân viên cấp dưới, thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm cũng cố thêm kiến thức thực chuyên sâu về nhà máy.
- Đối với đội ngũ trực tiếp sản xuất (PXVH): công tác phát triển đội ngũ kế thừa được chú trọng, bồi dưỡng tay nghề một cách liên tục, bài bản. Trước mỗi lần thực hiện công tác tiểu tu, trung tu và đại tu, đội ngũ vận hành sẽ được đào tạo tiếp cận với từng danh mục công việc, nghiên cứu và tham khảo thêm từ các đơn vị cùng ngành đi trước. Thường xuyên tổ chức và tham gia các cuộc thi nâng cao tay nghề đảm bảo công tác vận hành nhà máy luôn ổn định, an toàn và đạt hiệu quả kinh tế.
- Đối với đội ngũ văn phòng: các chương trình bồi dưỡng đào tạo năng lực cho từng cá nhân đang từng bước triển khai thay thế dần cho các khóa đào tạo theo kiểu truyền thống. Điều này giúp cho mỗi nhân lực tự định hướng được năng lực của mình và chủ động trong việc tự học, tự đào tạo phát triển, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của bản thân.

Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều đã đáp ứng tốt các yêu cầu công việc đặc biệt là đội ngũ vận hành, kỹ thuật của Công ty, nhờ vậy toàn bộ CBCNV đã trưởng thành và có trình độ cao vận hành nhà máy điện Nhơn Trạch 2 an toàn, hiệu quả, kinh tế và tiết kiệm nhất.

b) Chính sách tiền lương, thưởng

Công ty ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng được áp dụng cho toàn thể cán bộ công nhân viên và hàng năm đều có sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế theo quy định của Pháp luật. Công ty trả lương cho CBCNV tùy thuộc vào năng lực và hiệu quả công việc, hàng năm đều tiến hành họp Hội đồng lương để xét tăng lương cho người lao động, khuyến khích người lao động làm việc tích cực, hoàn thành tốt, nâng cao hiệu quả công việc. Mỗi năm người lao động được hưởng tối thiểu 13 tháng lương.

Ngoài ra, người lao động còn được hưởng lương, thưởng theo năng suất và hiệu quả công việc dựa trên kết quả bình xét thi đua hàng Quý. Chế độ thưởng cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, lao động tiên tiến, có sáng kiến trong lao động... được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty. Đồng thời, khuyến khích và thưởng cho người lao động nhân các ngày lễ lớn: Quốc Khánh, Quốc tế Lao động, ngày thành lập Công ty, khen thưởng cho các con em của người lao động có thành tích học tập tốt, nhân dịp Quốc tế thiếu nhi,... cũng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty.

Chính sách tiền lương của Công ty được xây dựng trên cơ sở tiền lương được phân phối theo



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian và theo năng suất lao động.

Công ty luôn thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động về tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm, bảo hiểm xã hội, chế độ hưu trí, các công tác xã hội, từ thiện và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

c) Chính sách tuyển dụng

Công tác tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của Công ty nhằm tuyển chọn nhân sự theo đúng yêu cầu đưa ra, đảm bảo lực lượng lao động ổn định, có chất lượng và đáp ứng được yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, đặc biệt ưu tiên tuyển dụng những cá nhân có năng lực và nhân sự giỏi có kinh nghiệm. Hiện nay, Công ty đã có được một đội ngũ CBCNV có đạo đức với trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt góp phần hoàn thành xuất sắc các mục tiêu sản xuất, kinh doanh của Công ty.

d) Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ Luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, hàng năm Công ty đều mua bảo hiểm y tế và bảo hiểm tai nạn cho 100% CBCNV Công ty; Bảo hiểm nhân thọ và tài trợ một phần lớn Bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho CBCNV nhằm gắn kết sự gắn bó, trung thành và cống hiến của người lao động. Công ty cũng đã thành lập Hội đồng bảo hộ lao động, chú trọng đến công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, công tác phòng cháy chữa cháy.

NT2 đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng khu nhà ở Công vụ dành cho CBCNV, đồng thời cho thành lập trường Mầm non Ánh Dương nhằm ổn định cuộc sống cho CBCNV Công ty, để người lao động yên tâm công tác đồng thời nghiên cứu và xây dựng nhiều chính sách phù hợp để giữ chân CBCNV và thu hút thêm nguồn lao động chất lượng cao trong tương lai.

Để gắn kết các cá nhân cũng như tạo tinh thần đoàn kết giữa các CBCNV trong Công ty hàng năm Công ty tổ chức các kỳ nghỉ, các chuyến du lịch trong và ngoài nước, các phong trào thể dục thể thao, văn thể mỹ, chương trình hoạt động từ thiện ngày hội gia đình truyền thống...để các CBCNV có dịp được gặp gỡ, trao đổi, chuyện trò và thể hiện sự quan tâm gắn bó với nhau.

8.5 Các chương trình đào tạo và số giờ đào tạo

8.5.1 Các chương trình đào tạo

NT2 luôn quan tâm, chú trọng và phát triển nguồn nhân lực. Hàng năm, Công ty đều xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch đào tạo cho đội ngũ nhân viên bao gồm các khóa đào tạo trong và ngoài nước, ngắn và dài hạn, tổ chức mở các lớp tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, cử cán bộ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, lý luận về chính trị, quản lý,...

Công tác đào tạo nhằm đảm bảo yêu cầu nâng cao nghiệp vụ cho CBCNV nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động SXKD của Công ty.

Phong trào phát huy sáng kiến cải tiến trong công việc được CBCNV tích cực hưởng ứng tham gia.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Mặt khác, Công ty cũng kết hợp với các trung tâm, cơ quan chức năng tại địa bàn hoạt động để tổ chức các lớp tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy,... Công ty đã phối hợp với trường Cao đẳng nghề Dầu khí đào tạo cán bộ, kỹ sư, công nhân để phục vụ vận hành nhà máy điện.

8.5.2 Số giờ đào tạo

Công tác đào tạo năm 2017 của Công ty thực hiện 411 lượt người với giá trị 1,9 tỷ đồng.

8.6 Các chương trình phát triển kỹ năng người lao động

Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và cán bộ thuộc diện quy hoạch Công ty; cập nhật các nghị định, thông tư, hướng dẫn về công tác báo cáo tài chính, các loại thuế, chính sách, lao động tiền lương, BHYT, BHXH, Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Hải quan, thuế xuất nhập khẩu; Luật doanh nghiệp, Thông tư, Nghị định: Xây dựng cơ bản; nghiệp vụ hành chính văn phòng.... Tổ chức các lớp bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ: chuyên đề về quản lý vận hành bảo trì bảo dưỡng, chuyên đề về quản lý bảo trì nâng cao, chuyên đề về bảo vệ Role trong hệ thống điện...

Tổ chức và tham gia các hội thi như hội thi tay nghề, giao lưu với các đơn vị bạn để học hỏi kinh nghiệm, đồng thời tổ chức và tham gia các hội thi tay nghề, hội thảo, hội nghị liên quan đến lĩnh vực Nhà máy điện.

Tổ chức tham quan, học tập và giao lưu với các Nhà máy điện trong ngành, ngoài ngành Dầu khí để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, thảo luận để tìm và nghiên cứu các giải pháp sáng tạo phục vụ tốt hơn trong công tác vận hành.

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển của mình, NT2 không những làm tốt vai trò là cò đầu của ngành điện khí về quy mô, thương hiệu, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh về doanh thu, lợi nhuận, trích nộp ngân sách nhà nước, làm tròn nghĩa vụ thuế với địa phương, mà NT2 còn là đơn vị đi đầu trong công tác an sinh xã hội. NT2 luôn ý thức việc thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng đối với doanh nghiệp được Đảng và Nhà nước giao phó, các hoạt động và chương trình ASXH luôn được CBCNV Công ty hưởng ứng nhiệt tình. Cụ thể:

Năm 2017: NT2 tài trợ hơn 400 triệu đồng cho các địa phương Bến Tre, Nghệ An, Trường Đại học Dầu khí để xây nhà tình nghĩa, trường mẫu giáo, trao học bổng cho các đối tượng chính sách, sinh viên nghèo vượt khó tại địa phương...

Công ty thực hiện tài trợ gần 200 triệu đồng góp phần giúp đỡ các hộ nghèo khắc phục đời sống khó khăn và tài trợ thiết bị y tế, cơ sở vật chất, học bổng phát triển giáo dục cho các địa phương tại Nhơn Trạch – Đồng Nai và các địa phương khác trên cả nước, hỗ trợ cho nhóm trẻ Ánh Dương tại nhà công vụ Công ty.

Năm 2017, CBCNV Công ty đã tự nguyện ủng hộ 03 ngày lương thực lĩnh cho Quỹ phòng chống thiên tai tỉnh Đồng Nai; ủng hộ đồng bào miền núi phía Bắc bị thiên tai lũ lụt với tổng số tiền hơn 100 triệu đồng .

Đảng ủy, lãnh đạo Công ty luôn quan tâm chăm lo mọi mặt đời sống vật chất tinh thần của tập thể CBCNV, tạo điều kiện thuận lợi để CBCNV ổn định cuộc sống. Đảng ủy đã chỉ đạo Công ty xây dựng khu nhà ở công vụ khang trang, với đầy đủ cơ sở vật chất và sân bãi thể thao, là nơi an cư



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

của đa số CBCNV cùng gia đình tại Nhơn Trạch; tạo mọi điều kiện thuận lợi thành lập nhóm trẻ với đầy đủ phòng học và trang bị cần thiết để nuôi dạy các cháu con em CBCNV của Công ty và các đơn vị bạn.

Có thể nói những nỗ lực của NT2 suốt những năm qua trong công tác tác an sinh xã hội là nét đẹp văn hóa đầy tính nhân văn cao cả và cũng là truyền thống của thể hệ lãnh đạo cùng gần 200 CBCNV Công ty. An sinh xã hội đã góp phần mang lại những thành công nhất định trong việc hỗ trợ công tác xóa đói giảm nghèo và đền ơn đáp nghĩa, nhiều xã thuộc địa phương sau khi có sự hỗ trợ của NT2 đã thay đổi diện mạo, đời sống vật chất, văn hóa tinh thần của các hộ nghèo được cải thiện và nâng cao rõ rệt...

IV. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Tình hình phát triển ngành Điện

Ngành điện Thế giới đã trải qua hơn 150 năm phát triển với nhiều xu hướng đầu tư, từ thủy điện, nhiệt điện nhiên liệu hóa thạch, nhiệt điện khí, năng lượng hạt nhân và năng lượng tái tạo. Quy mô hệ thống điện Việt Nam hiện đứng thứ 2 khu vực Đông Nam Á và thứ 30 trên thế giới, với đa dạng loại hình nguồn điện như: thủy điện, nhiệt điện đốt than, nhiệt điện đốt dầu FO, tua bin khí chu trình hỗn hợp đốt khí, tua bin khí chu trình đơn đốt dầu DO, diesel.

Để phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội, Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, chú trọng phát triển ngành điện với nhiệm vụ quan trọng là cung cấp năng lượng điện cho mọi hoạt động, phản ánh thông qua vốn đầu tư cho ngành điện tăng mạnh qua các năm. Cụ thể, theo quy hoạch phát triển hệ thống điện Việt Nam giai đoạn 2011-2020, đầu tư thuần trong ngành Điện giai đoạn 2011 – 2015 là 244.390 tỷ đồng, trong đó tổng nhu cầu đầu tư của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) là 192.826 tỷ đồng, đầu tư ngoài EVN là 51.565 tỷ đồng. Dự kiến, tổng số vốn đầu tư thuần trong giai đoạn 2016 – 2020 là 305.331 tỷ đồng, trong đó riêng EVN có số vốn đầu tư là 255.822 tỷ đồng; đầu tư ngoài EVN là 49.809 tỷ đồng. Nhờ có số vốn đầu tư này mà tổng điện năng sản xuất thời gian qua đã có bước tăng trưởng vượt bậc, trung bình tốc độ tăng đạt trên 10-14%/năm.

Xu hướng phát triển ngành điện chuyển dần sang thị trường cạnh tranh, xóa bỏ độc quyền một người mua. Các nhà máy điện có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh, do đó tất cả các công trình này Nhà nước đều giao cho Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) đầu tư, quản lý và vận hành khai thác. Điều này đã dẫn tới Nhà nước độc quyền trong hoạt động truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và xây dựng, vận hành các nhà máy lớn. Cho đến năm 2010 thị trường Điện tại Việt nam vẫn ở dạng độc quyền với Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), một công ty nhà nước, nắm giữ hơn 71% tổng lượng điện sản xuất, nắm toàn bộ khâu truyền tải, vận hành hệ thống điện, phân phối và kinh doanh bán lẻ điện. Tuy nhiên, từ khi ban hành Luật Năng lượng năm 2005, Chính phủ đã thể hiện cam kết mạnh mẽ trong việc xây dựng một thị trường điện cạnh tranh, minh bạch và mở rộng cơ cấu sở hữu trong ngành điện. EVN đã chuyển thành một tập đoàn hoạt động tổng hợp theo ngành dọc, hoạt động trong cả lĩnh vực phát điện, truyền tải, phân phối và bán lẻ điện.

Ngoài Tập Đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam đã có nhiều đóng góp trong sản xuất và kinh doanh điện năng; đây được xem là 01 trong 05 lĩnh vực mũi nhọn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Đến hết năm 2015, EVN sở hữu và tham gia sở hữu các nhà máy phát điện lớn với công suất lên đến 23.580MW, trong khi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) là 4.435MW và Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam (TKV) là 1.785MW. Các nhà máy BOT, BTT với các chủ đầu tư nước ngoài cũng đã tham gia vào thị trường điện Việt Nam.

Về cơ cấu phụ tải điện, điện cấp cho công nghiệp, xây dựng tăng trưởng 11,8%, tiêu dùng dân cư chỉ tăng 3,73%, thương mại nhà hàng khách sạn tăng trưởng 9%, điện cấp cho nông nghiệp tăng trưởng 15,2% và các hoạt động khác chỉ tăng 1,6%.

Về giá điện: Giá phát điện (giá mua điện của EVN) được xây dựng trên cơ sở Thông tư 56/2014/TT-BCT được tính theo 02 mức giá dựa trên chi phí cố định và chi phí biến đổi. Đối với thị trường phát điện cạnh tranh, giá mua điện còn được chào công khai trên thị trường. Mức giá bán lẻ



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

điện bình quân 1622,01 đồng/kWh (chưa bao gồm thuế GTGT), EVN có thể tự quyết định tăng giá điện bán lẻ bình quân tới 5% mỗi lần, thời gian điều chỉnh giá điện bình quân tối thiểu là 06 tháng kể từ lần điều chỉnh giá trước.

Để có thể huy động vốn đầu tư phát triển ngành điện và nâng cao việc sử dụng hiệu quả nguồn cung điện, Chính phủ Việt Nam đã đặt ra mục tiêu phát triển thị trường điện cạnh tranh. Theo chiến lược phát triển thị trường Điện cạnh tranh, ngành điện sẽ phát triển qua ba giai đoạn:

- Giai đoạn 2005-2014 : Thị trường phát điện cạnh tranh, trong đó các công ty sản xuất định có thể chào bán điện cho người mua duy nhất.
- Giai đoạn 2015-2022 : Thị trường bán buôn điện, trong đó các công ty bán buôn điện có thể cạnh tranh để mua điện trước khi bán cho công ty phân phối điện.
- Giai đoạn sau năm 2022 : Thị trường bán lẻ điện cạnh tranh, trong đó người mua điện có thể lựa chọn cho mình nhà cung cấp.

Về quy hoạch nguồn điện, nhiệt điện than và khó sẽ đóng vai trò chủ đạo trong tổng nguồn. Năng lượng tái tạo (thủy điện nhỏ, điện gió, mặt trời) được khuyến khích đầu tư cùng với khoa học công nghệ làm giảm chi phí đầu tư, vận hành. Theo quy hoạch, đến năm 2020, sản lượng điện từ nguồn nhiệt điện khí là 8.940MW, năm 2025 là 15.054MW và 2030 là 19.037MW, chiếm 15% tổng công suất điện sản xuất.

Về nhu cầu tiêu thụ điện hàng năm đạt mức 09-11% mỗi năm, tăng gần 2 lần so với tăng trưởng kinh tế. Riêng kế hoạch sản xuất và điện mua ngoài năm 2017 là 197,2 tỉ kWh, tăng 11,4%. Theo dự báo của WB, nhu cầu điện của Việt Nam đến năm 2020 là 250 tỷ kWh và theo dự báo của BMI là 186,9 tỷ kWh.

Kết thúc năm 2017, tổng công suất toàn hệ thống đạt 45.600 MW tăng thêm 3.600 MW từ các nguồn điện mới, trong năm 2016 tổng công suất đạt 42.000MW. Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), tổng sản lượng điện thương phẩm ở Việt Nam có tốc độ tăng trưởng hàng năm là 10,84% trong giai đoạn từ 2011-2016.

Nguồn PSI, EVN, NT2 tổng hợp

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

2.1 Đánh giá chung

Con đường 10 năm hình thành và phát triển mà NT2 đã đi qua, là thành quả của một NT2 lớn mạnh như ngày hôm nay. Với những thành quả mà NT2 đã đạt được trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, năm 2017 NT2 trên đà thắng lợi tiếp tục kế thừa và phát huy kinh nghiệm cùng những thay đổi về nhân sự cấp cao, phương thức quản lý và điều hành đã đạt được hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể: Hoàn thành các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh, từng bước nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường chứng khoán, tạo môi trường làm việc, sự gắn bó lâu dài của CBCNV trong công ty, khẳng định được định hướng đúng đắn, phù hợp trong chiến lược kinh doanh tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của NT2 trong giai đoạn tiếp theo.

2.2 Kết quả sản xuất kinh doanh nổi bật năm 2017

❖ Hoạt động sản xuất kinh doanh



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

NT2 Đạt mốc sản lượng điện 30 tỷ kWh vào ngày 26/10/2017 sau gần 06 năm vận hành thương mại. Lũy kế sản lượng điện từ khi vận hành đến hết ngày 31/12/2017 là 30,9 tỷ kWh.

Tổng doanh thu 6.826 tỷ đồng đạt 105% so với kế hoạch năm 2017.

Lợi nhuận sau thuế đạt 810,4 tỷ đồng đạt 118% so với kế hoạch năm 2017.

Thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước đầy đủ và đúng quy định. Nộp ngân sách nhà nước vượt 41% KH năm 2017.

❖ Hoạt động bảo dưỡng sửa chữa

Tích lũy kinh nghiệm từ các đợt bảo dưỡng sửa chữa định kỳ. Năm 2017, NT2 tiến hành công tác đại tu nhà máy, đội ngũ cán bộ kỹ thuật và kỹ sư vận hành đã chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh, Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ đại tu đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối vượt 06 ngày (sau 32 ngày thực hiện), tiết kiệm chi phí. Không có bất kỳ tai nạn gây thiệt hại về người và thiết bị. Sau đại tu, các tổ máy vận hành tin cậy, liên tục công suất nhà máy tăng thêm 24MW so với trước đại tu. Đặc biệt chi phí đại tu đề nghị quyết toán là 187.544.148.925 đồng (không có phát sinh lớn trong đại tu, chi phí thực hiện thấp hơn so với dự toán là 41%).

❖ Hoạt động tài chính

NT2 luôn chủ động trong công tác đảm bảo tài chính, cân đối dòng tiền đáp ứng cụ thể: Năm 2017 NT2 tất toán trước hạn 2 hợp đồng vay trong nước với 287.797.033.267 VND, trả nợ vay nước ngoài : 25.127.737,19 USD, 22.689.733,91 EUR, tương ứng 1.165.791.556.410 VNĐ. ngày 25/10/2017 thực hiện tạm ứng cổ tức 10% (tương ứng 287 tỷ đồng).

❖ Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Công tác vận hành, công tác tham gia thị trường điện và các công tác khác được thực hiện tốt, linh hoạt theo thị trường đã mang lại hiệu quả kinh tế cho NT2.

Năm 2017, giá cổ phiếu của NT2 tăng cao trên thị trường chứng khoán và được rất nhiều nhà đầu tư quan tâm; thương hiệu của NT2 ngày càng lớn mạnh dần trở thành đơn vị hàng đầu trong ngành điện Việt Nam trên thị trường chứng khoán. Năm 2017, NT2 tổ chức gặp gỡ các quỹ đầu tư, các tổ chức chứng khoán thông qua các buổi “Analyst Meeting” do công ty cổ chức tại Tp.HCM và trong hội thảo “Vietnam Access day 2017” do Công ty chứng khoán Bản việt tổ chức cùng với hàng chục lượt gặp gỡ trực tiếp các quỹ đầu tư, cổ đông, các tổ chức chứng khoán tại văn phòng Công ty. Hiện nay, giá trị vốn hóa trên thị trường của NT2 tăng khoảng 3,3 lần do giá cổ phiếu NT2 tăng từ 10.000 đồng/cp hiện nay giá cổ phiếu NT2 đang dao động ở 33.500 đồng/cp.

❖ Công tác thi đua khen thưởng

Đặc biệt năm 2017, NT2 vinh dự nhận (i) vinh dự đứng thứ hạng 123 trong bảng xếp hạng 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500), (ii) Doanh nghiệp vì người lao động năm 2017, (iii) vinh danh Doanh nghiệp phát triển bền vững tiêu biểu năm 2017, (iv) Năm thứ 2 liên tiếp đạt Giải thưởng Chất lượng quốc gia, Giải vàng chất lượng Đồng Nai, đạt danh hiệu Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất do Forbes bình chọn,

❖ Công tác tổ chức nhân sự

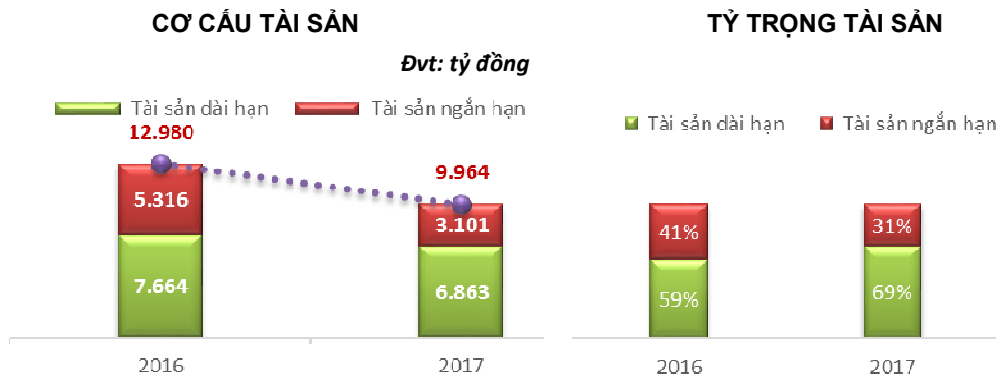
Năm 2017, chính sách tiền lương được áp dụng linh hoạt đồng thời tuân thủ theo quy định của

pháp luật đã tạo động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc, giải pháp đã mang lại hiệu quả giúp Công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao. Giúp người lao động yên tâm công tác gắn bó lâu dài cùng sự phát triển bền vững của Công ty.

3. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	5.316	3.101	(2.215)	(42%)
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	7.664	6.863	(801)	(10%)
Tổng Tài sản	Tỷ đồng	12.980	9.964	(3.016)	(23%)
Nợ phải trả	Tỷ đồng	8.071	4.979	(3.093)	(38%)
<i>Nợ ngắn hạn</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>4.310</i>	<i>2.284</i>	<i>(2.026)</i>	<i>(47%)</i>
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>3.762</i>	<i>2.695</i>	<i>(1.067)</i>	<i>(28%)</i>
Nguồn vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	4.908	4.985	77	2%
Tổng Nguồn vốn	Tỷ đồng	12.980	9.964	(3.016)	(23%)

3.1 Tình hình Tài sản



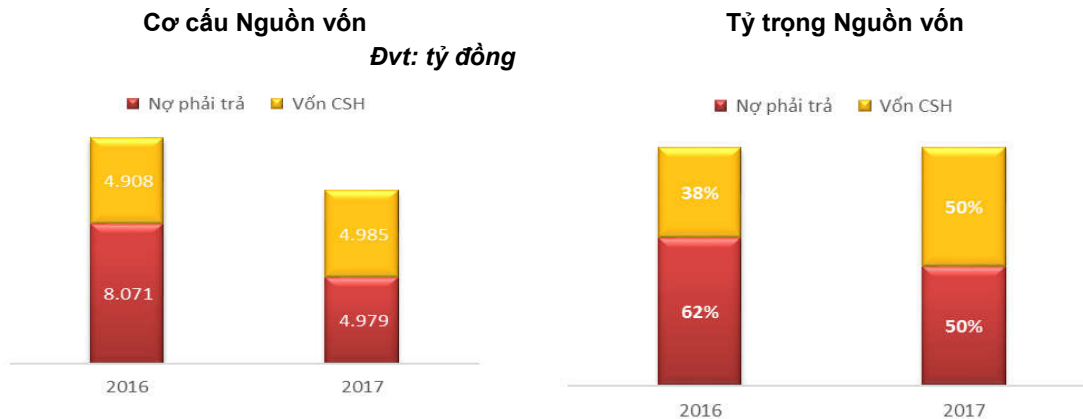
Tổng Tài sản tại thời điểm 31/12/2017 của Công ty đạt: 9.964 tỷ đồng giảm 3.016 tỷ đồng so với cùng thời điểm năm 2016 tương ứng với tỷ lệ giảm 23%, trong đó Tài sản ngắn hạn giảm 2.215 tỷ đồng, Tài sản dài hạn giảm 801 tỷ đồng.

Tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 3.101 tỷ đồng giảm 42% so với năm 2016: 5.316 tỷ đồng, chiếm 31% Tổng giá trị Tài sản, nguyên nhân giảm chủ yếu trong năm Công ty đã tất toán trước hạn 02

hợp đồng vay trong nước với số tiền khoảng 280 tỷ đồng, khoản phải thu từ Công ty Mua Bán Điện (EPTC) giảm khoảng 1.765 tỷ đồng.

Tại thời điểm 31/12/2017, Tài sản dài hạn của Công ty đạt 6.863 tỷ đồng tương ứng tỷ lệ giảm 10% so với năm 2016: 7.664 tỷ đồng và chiếm 69% Tổng giá trị Tài sản, do khoản phải thu dài hạn từ EPTC giảm 164 tỷ đồng, chi phí khấu hao Nhà máy khoảng 691 tỷ đồng trong khi trong năm Công ty không phát sinh các khoản đầu tư nào đáng kể.

3.2 Tình hình Nguồn vốn



❖ Nợ phải trả:

Tại thời điểm 31/12/2017, Nợ phải trả của Công ty đạt 4.979 tỷ đồng giảm 3.093 tỷ đồng so với năm 2016: 8.071 tỷ đồng và chiếm 50% Tổng giá trị Nguồn vốn, trong đó Nợ ngắn hạn giảm 2.026 tỷ đồng và Nợ dài hạn giảm 1.067 tỷ đồng do kết chuyển từ khoản vay dài hạn sang ngắn hạn.

Trong năm 2017, Nợ ngắn hạn Công ty đạt 2.284 đồng giảm 2.026 tỷ đồng so với năm 2016: 4.310 tỷ đồng, nguyên nhân do Công ty đã giảm khoản thanh toán nguồn khí đầu vào cho Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas): 1.784 tỷ đồng tương ứng với số tiền thu được từ hoạt động kinh doanh điện từ EPTC, giảm các khoản phải nộp NSNN khoảng 185 tỷ đồng, đồng thời giảm khoản phải thanh toán cổ tức cho cổ đông khoảng 141 tỷ đồng.

❖ Nguồn vốn chủ sở hữu:

Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 đạt 4.985 tỷ đồng tăng nhẹ 77 tỷ đồng so với năm 2016 mặc dù lợi nhuận sau thuế năm 2017 tạo ra khoảng 810 tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu trong năm 2017 Công ty đã chi trả cổ tức cho cổ đông với tổng số tiền khoảng 748 tỷ đồng, trong đó đã chi trả cổ tức còn lại của năm 2016 với tỷ lệ 16% tương ứng số tiền 460 tỷ đồng, tạm ứng cổ tức của năm 2017 với tỷ lệ 10% tương ứng số tiền 287 tỷ đồng.

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

4.1 Nâng cao công tác Quan hệ cổ đông

Là Công ty đại chúng quy mô lớn niêm yết tại sàn giao dịch HoSE, NT2 nhận thức được tầm quan trọng của nhà đầu tư và các cổ đông đối với sự phát triển của doanh nghiệp. NT2 cam kết xây dựng mối quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư dựa trên quan điểm trung thực công bằng và đảm bảo lợi ích hài hòa nhất Các thành viên của NT2 cam kết không cung cấp, tiết lộ, sử dụng thông tin



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

nội bộ để tư vấn hoặc mua bán chứng khoán cho cá nhân hoặc cho người khác, không thực hiện hành vi giao dịch giả...

Năm 2017, được đánh giá là năm thành công trong công tác Quan hệ cổ đông (IR). Kể từ khi niêm yết, NT2 luôn thực hiện tốt các công tác liên quan đến hoạt động IR, xây dựng thương hiệu NT2 thành thương hiệu mạnh trên thị trường chứng khoán, đảm bảo quyền lợi cao nhất cho cổ đông và nhà đầu tư; tổ chức thành công các sự kiện lớn của Công ty như: Đại hội cổ đông thường niên, Lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Công ty, gặp gỡ nhà đầu tư...;

Công bố thông tin minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ, rõ ràng và kịp thời không chỉ là trách nhiệm của Công ty đối với các cổ đông – Nhà đầu tư, mà là trách nhiệm của Công ty đối với sự phát triển bền vững của mỗi con người trong NT2.

Việc trao đổi, tiết lộ thông tin minh bạch, công khai phải công bằng đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng nhau cho tất cả các nhà đầu tư.

Duy trì và đầu tư kênh thông tin hiệu quả cho các cổ đông và nhà đầu tư như: Website Công ty, Báo cáo thường niên, Thông báo gửi cổ đông, các buổi gặp gỡ Nhà đầu tư trực tiếp tại văn Công ty, trả lời qua email, điện thoại, tổ chức Roadshow gặp gỡ cổ đông – Nhà đầu tư để cập nhật thông tin đến với cổ đông...

Nhìn chung hoạt động IR trong năm 2017 của NT2 là sự kết hợp đồng bộ mang tính chiến lược giữa công tác tài chính, truyền thông và marketing trên cơ sở tuân thủ các quy định của Pháp luật tạo nên mối quan hệ hai chiều hiệu quả giữa Công ty, cộng đồng tài chính và các bên có quyền lợi liên quan. Qua đó nâng cao truyền tải giá trị Công ty đến với các nhà đầu tư hiện tại và tiềm năng; hỗ trợ công tác phát hành cổ phiếu, huy động vốn thành công, giảm chi phí sử dụng vốn. Hiện nay, các tổ chức đầu tư trong và ngoài nước rất quan tâm đến việc trở thành cổ đông chiến lược, góp vốn đầu tư dài hạn vào những dự án trong tương lai của NT2.

4.2 Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ - kỹ thuật

❖ Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành

Năm 2017, NT2 tiếp tục vận hành Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 hiệu quả, an toàn, có chiến lược chào giá tốt để đem lại hiệu quả sản xuất kinh doanh. NT2 chú trọng vào phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo chuyên sâu; triển khai các thành tựu mới nhất của công nghệ thông tin vào quản lý, vận hành để giảm chi phí sản xuất, kinh doanh; nâng cao chất lượng và hiệu quả. Đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, áp dụng vào thực tiễn. Ngày 1/9/2017 NT2 tiến hành công tác bảo dưỡng sửa chữa lớn nhất từ khi chính thức vận hành nhà máy. Sau 32 ngày thực hiện NT2 đã xuất sắc hoàn thành công tác đại tu nhà máy, đảm bảo an toàn, tiết kiệm 41% chi phí so với kế hoạch và vượt tiến độ 06 ngày. Hiện tại nhà máy đang vận hành thương mại ổn định với tổng công suất của các tổ máy tăng thêm khoảng 24MW so với trước khi đại tu. NT2 luôn chú trọng đến các hoạt động nghiên cứu các sáng kiến cải tiến kỹ thuật áp dụng thực tiễn vào nhà máy nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh.

❖ Tiếp tục công tác nghiên cứu đầu tư phát triển

NT2 luôn nỗ lực học hỏi, nghiên cứu và áp dụng vào thực tế sản xuất. Năm 2018, NT2 xem xét nghiên cứu khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4.3 Áp dụng phương pháp 5S vào hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2017, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) tiếp tục duy trì thực hiện và áp dụng phương pháp 5S cho toàn thể CBCNV. 5S là một phương pháp quản lý sắp xếp một cách khoa học nơi làm việc (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ - Săn sóc – Sẵn sàng). CBCNV tham gia lớp học đào tạo đã áp dụng tốt 5S trong toàn Công ty. Vai trò của 5S như một công cụ quản lý nhằm điều tiết tạo ra môi trường làm việc khoa học, sạch sẽ, ngăn nắp và sáng tạo từ đó tạo cho CBCNV có được một thói quen, một tinh thần trách nhiệm tự giác, tự quản cao.

5. Kế hoạch phát triển tương lai

5.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

5.1.1 Các chỉ tiêu chính năm 2018

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.Kwh	4.600
2	Khối lượng khí tiêu thụ	Tr.Sm3	847
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	6.971
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	6.182
6	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	789
7	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	749
8	Nộp NSNN	Tỷ đồng	259
9	Tỷ lệ % chia cổ tức	%	25

5.1.2 Các giải pháp thực hiện hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vận hành; thực hiện tốt công tác tiêu tu 02 tổ máy tuabin khí đạt đúng tiến độ đã đề ra.

Chủ động chiến lược chào giá hợp lý trong thị trường điện, đảm bảo tối ưu công tác vận hành để đạt hiệu quả cao nhất.

Phối hợp chặt chẽ, tăng cường quan hệ với các đối tác EVN/A0/EPTC, PV Gas và các đơn vị liên quan, tối ưu hóa thời gian phát điện.

Tăng cường công tác quản lý; cập nhật và hoàn thiện các quy chế, quy định phục vụ tốt công tác quản lý điều hành.

Tăng cường công tác an toàn vệ sinh lao động và PCCC; công tác đào tạo và phát triển nguồn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

nhân lực.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

5.2 Kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng

Tiến hành kế hoạch tiểu tu 02 tổ máy Tuabin khí (GT11, GT12) trong năm 2018.

5.3 Công tác đầu tư phát triển

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, xem xét nghiên cứu khả năng nâng công suất nhà máy nhằm tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường xã hội của Công ty

6.1 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Lấy tiêu chí “Thân thiện - Hiệu quả - An toàn” là cho hoạt động sản xuất kinh doanh của NT2, Công ty cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (NT2) luôn chú trọng phát triển bền vững, nỗ lực trong công tác nguồn nhân lực, an toàn sức khỏe môi trường và đóng góp an sinh xã hội. Bên cạnh thành tích hoạt động kinh doanh hiệu quả, các chỉ tiêu tài chính lành mạnh, trách nhiệm môi trường xã hội của Công ty luôn được quan tâm, nâng cao hàng năm.

Nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 với công nghệ tiên tiến chu trình hỗn hợp thế hệ F. Ngay từ khâu lựa chọn công nghệ ban đầu, Công ty đã lắp đặt loại buồng đốt bao gồm 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được ngay từ khâu lựa chọn công nghệ ban đầu, Công ty đã lắp đặt loại buồng đốt bao gồm 24 vòi đốt đặt theo hình vành khuyên. Kiểu vòi đốt hybrid loại HR3 có thể đốt được cả hai loại nhiên liệu là khí tự nhiên và dầu DO. Loại vòi đốt này được Siemens phát triển từ năm 1995 để nhằm mục đích giảm độ phát thải NOx và tối thiểu sự phát thải CO bằng chế độ đốt hòa trộn trước.

Hàm lượng khí phát thải như NOx, CO và bụi không vượt quá QCVN 22:2009/BTNMT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp nhiệt điện); Ngoài ra, Công ty còn lắp đặt ống khói chính có chiều cao tối thiểu 60m và chiều cao ống khói rẽ nhánh tối thiểu là 35m, đường kính khoảng 6,8m để các chất ô nhiễm trong khí thải được phân tán nhanh và đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm NOx và CO tại đỉnh ống khói luôn thấp hơn QCVN 22:2009/BTNMT và hàm lượng các chất ô nhiễm không khí xung quanh thấp hơn QCVN 05:2013/BTNMT; Lắp đặt thiết bị giám sát khói thải tự động tại đỉnh ống khói.

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải luôn hoạt động trong quá trình vận hành nhà máy, đảm bảo nước thải đầu ra hệ thống đạt QCVN 40:2011/BTNMT (quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp) ứng với cột B. Định kỳ mỗi quý Công ty tiến hành thuê đơn vị có chức năng tiến hành phân tích chất lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý nước thải, các số liệu được lưu tại phòng ATSKMT.

Tiếng ồn, độ rung: phát sinh từ quá trình hoạt động của các thiết bị đặt trong khuôn viên nhà máy. Trong quá trình xây dựng, các khu vực trên đã được thiết kế giảm thiểu độ ồn, độ rung sao cho đảm bảo QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Công ty lập và thực hiện các kế hoạch bảo dưỡng định kỳ cho các thiết bị vận hành để giảm tối đa tiếng ồn và độ rung phát sinh, đồng



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

thời trang bị các thiết bị bảo hộ cá nhân chống ồn cho công nhân làm việc trong nhà máy đặc biệt tại các khu vực có độ ồn cao. Ngoài ra, Công ty còn giảm thiểu tiếng ồn bằng hình thức xây tường bao quanh, trồng cây xanh.

Chính vì vậy, các chỉ tiêu do các hoạt động xả nước thải, khí thải, bụi, tiếng ồn, độ rung của nhà máy luôn đạt các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

Hiện nay, Công ty thiết lập và duy trì hệ thống quản lý An toàn – Sức khỏe – Môi trường theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007 và ISO 14001:2004.

Việc áp dụng tiêu chuẩn OHSAS 18001 và ISO 14001 thể hiện sự quan tâm của NT2 đến sức khỏe và sự an toàn của người lao động cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng về công tác bảo vệ môi trường.

Công ty đã sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Trong năm 2017, mục tiêu tiết giảm năm 2017 các chi phí nhiên liệu, nguyên liệu, vật tư thiết bị, năng lượng, chi phí quản lý, tiết giảm từ quản lý đầu tư xây dựng 55,45 tỷ đồng, trong đó tiết kiệm từ nhiên liệu, năng lượng 38,06 tỷ đồng, tiết kiệm chi phí quản lý 4,1 tỷ đồng, tiết kiệm từ quản lý đầu tư xây dựng 13,29 tỷ đồng.

- + NT2 đã chủ động nghiên cứu và thực hiện triệt để thực hành chống lãng phí trong lĩnh vực sử dụng năng lượng.
- + NT2 ban hành quy chế quản lý năng lượng và chính sách năng lượng ngày 12/01/2016
- + NT2 lập báo cáo sử dụng tiết kiệm năng lượng và lập kế hoạch năng lượng 05 năm (từ năm 2016 - 2020).
- Các vấn đề về môi trường:
 - + Công ty luôn tuân thủ theo pháp luật các quy định về môi trường như:
 - + Thực hiện đo đạc lấy mẫu quan trắc môi trường xung quanh định kỳ hàng năm theo quy định của pháp luật và ĐTM.
 - + Công ty đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn môi trường số 207/TCMT-TĐ, ngày 01/03/2012.
 - + Bộ tài nguyên Môi trường đã phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy điện chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Quyết định số 132/QĐ-BTNMT ngày 22/01/2008.
 - + Công ty đã được tổ chức BSI cấp giấy chứng nhận ISO 14001 và hệ thống an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001 ngày 20/10/2014 và năm 2017 sau khi đánh giá lại hệ thống sau 3 năm hoạt động, BSI đã tái cấp giấy chứng nhận ISO 14001 và OHSAS 18001 cho Công ty.

Ban Giám đốc NT2 đánh giá và xác định rủi ro môi trường, mối nguy, xử lý chất thải, khí thải... là công tác trọng tâm xuyên suốt trong quá trình vận hành an toàn nhà máy điện Nhơn Trạch 2 do đó Công ty đã chủ động thực hiện đúng cam kết các quy định. Thông qua các đợt kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, NT2 được đánh giá cao công tác môi trường và không bị xử lý bất cứ vi phạm nào.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Là Công ty sản xuất và kinh doanh hoạt động đặc thù, NT2 luôn xác định người lao động là tài sản



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

quý, là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong những năm qua NT2 luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động bằng hoặc cao hơn các quy định của Nhà nước, thông qua việc tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động.

Bên cạnh chế độ đãi ngộ với mức lương, thưởng hấp dẫn, Công ty còn xây dựng môi trường làm việc đoàn kết và cạnh tranh thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo, năng động trong công việc mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty tổ chức Bộ phận Y tế phục vụ khám bệnh, cấp phát thuốc và sơ cứu cấp cứu, đồng thời thực hiện đầy đủ các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm để đảm bảo sức khỏe của người lao động luôn được chăm sóc tốt nhất.

Công tác An toàn Sức khỏe Môi trường luôn được đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm ngặt thông qua việc cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, thực hiện các chương trình đào tạo huấn luyện và diễn tập các chương trình phòng cháy chữa cháy.

Ngoài ra, Công ty tổ chức các chương trình du lịch nghỉ mát hàng năm để CBCNV có kỳ nghỉ dưỡng đủ dài giúp tái tạo sức lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng các thực phẩm bổ dưỡng trong quá trình lao động.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Là đơn vị sản xuất điện mang tầm vóc Quốc gia, NT2 luôn lấy lợi ích cộng đồng là khởi sự cho mọi hoạt động. Hàng năm, Công ty luôn đồng hành cùng các chương trình an sinh xã hội, đóng góp 8,3 tỷ đồng năm 2015 và 10,37 tỷ đồng năm 2016, gần 01 tỷ năm 2017 cho các hoạt động: xây nhà tính thương, ủng hộ hộ nghèo, xây dựng trường học...

Các hoạt động thiện nguyện của NT2 thể hiện trách nhiệm của một doanh nghiệp dẫn đầu ngành điện. CBCNV NT2 tích cực tham gia phong trào “Hành trình đỏ” hiến máu cứu người, hoạt động cứu trợ giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, lũ lụt, hỗ trợ kinh tế địa phương, góp phần nâng cao đời sống cho người dân...

Luôn nỗ lực vì sự phát triển chung cùng cộng đồng và xã hội, NT2 trong nhiều năm qua đã có nhiều đóng góp tích cực thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng địa phương, đó là định hướng phát triển xuyên suốt của NT2 trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

V. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Về các mặt hoạt động của Công ty

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định chỉ đạo Ban Điều hành (BDH) triển khai thực hiện nhiệm vụ một cách khẩn trương, hiệu quả và đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao: (i) đạt mốc sản lượng điện 30 tỷ kWh vào ngày 26/10/2017 sau 06 năm vận hành thương mại, lũy kế sản lượng điện sản xuất từ khi vận hành đến ngày 31/12/2017 đạt 30,9 tỷ kWh; (ii) công tác bảo dưỡng sửa chữa đại tu Nhà máy đảm bảo chất lượng, an toàn tuyệt đối vượt tiến độ so với kế hoạch 06 ngày (sau 32 ngày thực hiện), không có tai nạn gây thiệt hại về người và thiết bị; (iii) nộp ngân sách nhà nước vượt 41% KH năm 2017; (iv) tổng doanh thu năm 2017 đạt 6.826 tỷ đồng vượt 5% KH, lợi nhuận sau thuế đạt 810 tỷ đồng vượt 18% KH.

NT2 tiếp tục khẳng định được thương hiệu là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện, đặc biệt trên thị trường phát điện cạnh tranh, thực hiện các mục tiêu chiến lược đã được hoạch định; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về công tác an toàn sức khỏe môi trường và chính sách pháp luật trong quá trình hoạt động.

Công tác quản lý, giám sát tài chính được minh bạch hóa và thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định hiện hành, tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, các chỉ số tài chính năm 2017 đều phản ánh sức mạnh tài chính và bền vững của Công ty.

2. Về hoạt động của Ban Điều hành

Ban Điều hành đã triển khai kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Điều hành đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban tuần, tháng nhằm giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD. Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đúng, đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định, cùng nỗ lực chỉ đạo các hoạt động SXKD của Công ty nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trong công tác chỉ đạo, điều hành, Hội đồng quản trị và Ban Điều hành luôn có sự nhất trí cao, thống nhất điều hành, đưa ra những giải pháp, quyết sách phù hợp trong từng trường hợp. Ban Điều hành năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chỉ đạo công việc một cách quyết liệt, đúng đắn, góp phần to lớn làm nên những thành công đáng tự hào của Công ty trong năm qua.

Sự ổn định và phát triển của Công ty trong năm 2017 có phần đóng góp rất quan trọng từ những nỗ lực và các giải pháp điều hành của Ban Điều hành. Hội đồng quản trị đánh giá cao và trân trọng những cố gắng của Ban Điều hành đã nỗ lực chỉ đạo trong hoạt động SXKD nhằm hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị năm 2018

Căn cứ hoạt động kinh doanh cốt lõi, những thành tích đã đạt được và tình hình thị trường điện cạnh tranh trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị đã đưa ra kế hoạch và định hướng hoạt động của Công ty như sau:



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thành công.
- Chỉ đạo điều hành hoạt động SXKD của Công ty an toàn, hiệu quả và phấn đấu hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.
- Chỉ đạo hoàn thành kế hoạch tiêu tu định kỳ 02 tổ máy; phê duyệt kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất, bảo dưỡng sửa chữa.
- Chỉ đạo củng cố, tăng cường đội ngũ cán bộ thực hiện công tác thị trường điện ngày càng chuyên nghiệp hơn. Đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu theo lộ trình phát triển của thị trường điện.
- Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt thu hồi và thanh toán công nợ kịp thời, đảm bảo cân đối dòng tiền đáp ứng nhu cầu thanh toán trả nợ vay.
- Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra các hoạt động của Ban Điều hành và Công ty đúng chức năng của Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

VI. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT (chuyên trách)	42.170	0,015%
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên HĐQT (chuyên trách)	66.447	0,023%
Ông Phan Đại Thành	Thành viên HĐQT (độc lập)	0	0%
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	12.810	0,004%
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên HĐQT (không chuyên trách)	29.510	0,010%

1.2 Sự thay đổi thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2017

Họ và Tên	Chức vụ	Thời gian làm việc	Lý do thay đổi
Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch HĐQT	01/01/2017-31/12/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên HĐQT	01/01/2017-31/12/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017
Ông Phan Đại Thành	Thành viên HĐQT	01/01/2017-31/12/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	01/01/2017-31/12/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên HĐQT	01/01/2017-31/12/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên HĐQT	01/01/2017-26/04/2017	Hết nhiệm kỳ HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng BKS	27/04/2017-31/12/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của BKS theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017
Bà Nguyễn Thị Hà	Trưởng BKS	01/01/2017-26/04/2017	Hết nhiệm kỳ (tham gia nhiệm kỳ mới của HĐQT)
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Thành viên BKS	01/01/2017-31/12/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của BKS theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

Họ và Tên	Chức vụ	Thời gian làm việc	Lý do thay đổi
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên BKS	01/01/2017-31/12/2017	Tham gia nhiệm kỳ mới của BKS theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27/04/2017

1.3 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà phân công nhiệm vụ cho từng thành viên theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đối với các công việc quan trọng, cần nguồn nhân lực nhiều hơn để tập trung chỉ đạo, thực hiện và giám sát thì Hội đồng quản trị sẽ ra quyết định thành lập Hội đồng chuyên môn.

1.4 Hoạt động của Hội đồng quản trị

Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT	Tỷ lệ tham dự	Số lần lấy ý kiến	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
Ông Ưông Ngọc Hải	Chủ tịch	04	100%	39	100%	
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên – Giám đốc	01	100%	12	100%	
Ông Phạm Cường	Thành viên	01	100%	12	100%	
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên	03	100%	27	100%	
Ông Phan Đại Thành	Thành viên	03	100%	27	100%	
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên	04	100%	39	100%	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	04	100%	39	100%	

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên. Ban hành 29 Nghị quyết và 73 Quyết định theo đề xuất của Công ty, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành công ty thực hiện tốt công việc, hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua, cụ thể một số Nghị quyết, Quyết định như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày ký	Nội dung
NGHỊ QUYẾT			
1	03/NQ- CPNT2	28/02/2017	Thông qua việc đăng ký và niêm yết bổ sung cổ phiếu NT2, thay đổi giấy chứng nhận doanh nghiệp với sở KHĐT Đồng Nai.
2	05/NQ- CPNT2	9/3/2017	Triệu tập ĐHCĐ thường niên năm 2017



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

STT	Số NQ/QĐ	Ngày ký	Nội dung
3	07/NQ- CPNT2	11/4/2017	Nghị quyết hợp HĐQT ngày 11.4.2017
4	10/NQ- CPNT2	27/4/2017	Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022
5	12/NQ- CPNT2	5/5/2017	Chi trả cổ tức năm 2016
6	15/NQ- CPNT2	30/5/2017	NQ hợp HĐQT ngày 30.5.2017
7	18/NQ-HĐQT	4/8/2017	Thông qua chủ trương ASXH tài trợ học bổng cho gia đình khó khăn tại Huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
8	19/NQ-HĐQT	17/8/2017	NQ hợp HĐQT ngày 17.08.2017
9	21/NQ-HĐQT	19/9/2017	Tạm ứng cổ tức năm 2017 của NT2
10	22/NQ-HĐQT	26/9/2017	Thông qua chủ trương thực hiện tài trợ học bổng cho sinh viên giỏi có hoàn cảnh khó khăn trong năm học 2017-2018 của Trường Đại học Dầu khí VN
11	24/NQ-CPNT2	22/11/2017	NQ hợp HĐQT ngày 22.11.2017
12	25/NQ-CPNT2	13/12/2017	Thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của NT2
QUYẾT ĐỊNH			
1	04/QĐ-CPNT2	23/1/2017	Phê duyệt phương án thực hiện và quy chế phát hành cổ phiếu ESOP cho người lao động NT2
2	06/QĐ-CPNT2	28/2/2017	Phê duyệt kết quả thực hiện phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho NLĐ năm 2016 của NT2
3	07/QĐ-CPNT2	28/2/2017	Phê duyệt điều chỉnh tăng vốn điều lệ của NT2
4	14/QĐ-CPNT2	31/3/2017	Phê duyệt định mức KTKT áp dụng trong năm 2017 cho NMD NT2
5	19/QĐ-CPNT2	26/4/2017	Thôi giữ chức Kế toán trưởng đối với Ông Nguyễn Hữu Minh
6	20/QĐ-CPNT2	26/4/2017	Giao nhiệm vụ phụ trách TCKT NT2
7	28/QĐ-CPNT2	12/5/2017	Phê duyệt kế hoạch tài chính quỹ phát triển khoa học và công nghệ năm 2017 của NT2
8	30/QĐ-CPNT2	12/5/2017	Phê duyệt kế hoạch SXKD năm 2017
9	35/QĐ-CPNT2	31/5/2017	Thành viên HĐQT hoạt động theo chế độ chuyên trách
10	40/QĐ-CPNT2	1/6/2017	Lựa chọn đơn vị kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng đầu năm và BCTC năm 2017 của NT2

STT	Số NQ/QĐ	Ngày ký	Nội dung
11	46/QĐ-CPNT2	12/7/2017	Phân công nhiệm vụ của HĐQT nhiệm kỳ 2017-2020
12	62/QĐ-CPNT2	31/10/2017	Kiện toàn nhân sự điều hành NT2
13	69/QĐ-CPNT2	27/12/2017	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Ông Lê Việt An
14	72/QĐ-CPNT2	27/12/2017	Cử người đại diện theo pháp luật của NT2

1.5 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Hội đồng quản trị phân công cho ông Phan Đại Thành, bà Nguyễn Thị Thanh Hương và ông Lương Ngọc Anh giữ vai trò thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành. Trong năm 2017, thành viên Hội đồng quản trị độc lập và không điều hành đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được phân công với trách nhiệm cao, đóng góp tích cực cùng với Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách một cách công tâm và kịp thời.

1.6 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành

Năm 2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt, ban hành 29 Nghị quyết và 73 Quyết định về mua sắm vật tư thiết bị, các quy chế, quy định nội bộ phù hợp với chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước, làm cơ sở pháp lý cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Điều hành Công ty thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các quyết định/nghị quyết của Hội đồng quản trị được ban hành rất khẩn trương, kịp thời để đảm bảo công tác mua sắm hàng hóa được thực hiện đúng quy định, đầy đủ, tiết kiệm và hiệu quả.

Các thành viên Hội đồng quản trị làm việc theo nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT phân công tại Bảng phân công nhiệm vụ ban hành tại Quyết định số 46/QĐ-CPNT2 ngày 12/07/2017 nên hoạt động của HĐQT mang lại hiệu quả rất tích cực. Việc giám sát, chỉ đạo Ban Điều hành thực hiện các công việc liên quan đến sản xuất, kinh doanh, tài chính, nhân sự...luôn được kịp thời.

Việc cho ý kiến góp ý về các nội dung theo Phiếu xin ý kiến bằng văn bản của Chủ tịch HĐQT trên cơ sở đề xuất của BDH được thực hiện đầy đủ, kịp thời nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho BDH thực hiện tốt kế hoạch hoạt động SXKD đã được ĐHĐCĐ thông qua.

HĐQT đã kết hợp chặt chẽ với BKS để kiểm tra, nắm bắt tình hình kinh doanh thực tế của Công ty, BKS đều được mời tham dự các cuộc họp của HĐQT, thông qua đó, HĐQT và BDH có cơ hội trao đổi, tiếp nhận những ý kiến đóng góp và đề xuất mang tính xây dựng của BKS. Các ý kiến đóng góp của BKS đều được ghi nhận và là cơ sở quan trọng trong việc thông qua các Quyết định của HĐQT và Giám đốc nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ cũng như các quy định pháp luật hiện hành.

2. Ban Kiểm soát

2.1 Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng ban Kiểm soát	82.844	0,029
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Kiểm soát viên không chuyên trách	9.560	0,003
Ông Trần Quốc Hùng	Kiểm soát viên không chuyên trách	4.980	0,002

2.2 Hoạt động của Ban Kiểm soát

2.2.1 Số lượng cuộc họp của Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS	Tỷ lệ tham dự	Số lần lấy ý kiến	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
Bà Nguyễn Thị Hà	Trưởng BKS	01	100%	-	-	-
Ông Nguyễn Hữu Minh	Trưởng BKS	03	100%	-	-	-
Ông Nguyễn Văn Kỳ	Kiểm soát viên	04	100%	-	-	-
Ông Trần Quốc Hùng	Kiểm soát viên	04	100%	-	-	-

2.2.2 Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã ban hành. Trong năm 2017, BKS đã đề ra các chương trình hành động cụ thể, trong đó chú trọng công tác giám sát và phối hợp với HĐQT và BĐH trên tinh thần tuân thủ Điều lệ Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, tuân thủ Quy chế, Quy trình hoạt động và các quy định của pháp luật.

Hàng quý, BKS đều họp và lấy ý kiến thông qua các vấn đề của Công ty như thông qua Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, việc thực hiện các quy chế, quy trình. Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp giao ban Công ty, các cuộc họp HĐQT. Phối hợp với HĐQT, BĐH trong việc góp ý, xây dựng các Quy chế của Công ty nhằm làm cơ sở pháp lý cho công tác quản lý điều hành SXKD.

2.3 Báo cáo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát

2.3.1 Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã thực thi đúng quyền hạn và nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng

ĐHĐCĐ, triển khai các nhiệm vụ cụ thể để đạt được kết quả tốt nhất.

Hàng quý, BKS đều thực hiện thẩm tra Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính 06 tháng và cả năm của Công ty, công tác thực hiện không chỉ bao gồm kiểm tra chứng từ, hợp đồng thực hiện và các hồ sơ liên quan mà còn đưa ra các kiến nghị bằng văn bản đối với HĐQT và BĐH nhằm tuân thủ, hoàn thiện các quy chế, quy định liên quan tình hình hoạt động và tài chính của Công ty. Các nội dung kiến nghị của BKS đã được HĐQT và BĐH ghi nhận và thống nhất chấn chỉnh để công tác quản lý tốt hơn nữa.

Trong năm, Công ty không có phát sinh các tranh chấp liên quan đến hoạt động SXKD, BKS cũng không nhận được đơn thư kiến nghị hoặc đề xuất của cổ đông đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

Công ty đã chấp hành tốt các quy định về công bố thông tin đối với Công ty niêm yết, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, chi trả và tạm ứng cổ tức...được công bố kịp thời, đầy đủ, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

2.3.2 Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác của Công ty

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ. Định kỳ HĐQT tiến hành họp đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đưa ra chiến lược, định hướng nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua. Đối với các vấn đề đột xuất HĐQT thực hiện gửi phiếu lấy ý kiến thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

HĐQT đã ban hành 29 Nghị quyết và 73 Quyết định trong năm 2017, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

❖ Hoạt động của Ban Điều hành

BĐH luôn chủ động đưa ra các giải pháp và đề xuất ý kiến với HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

BĐH đã hỗ trợ và tạo điều kiện để BKS thực hiện chức năng của mình, các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tuần của BĐH đều có sự tham gia của BKS, các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được BĐH phản hồi đầy đủ và kịp thời.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS

3.1 Thù lao, thưởng và các khoản lợi ích khác

Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

3.2 Các giao dịch cổ phiếu của các cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Uông Ngọc Hải	Cổ đông nội bộ	-	-	42.170	0,015	Mua cổ phiếu ESOP
2	Nguyễn Thị Hà	Cổ đông nội bộ	4.451	0,0016	66.447	0,023	Mua cổ phiếu ESOP
3	Nguyễn Thị Thanh Hương	Cổ đông nội bộ	-	-	12.810	0,004	Mua cổ phiếu ESOP
4	Lương Ngọc Anh	Cổ đông nội bộ	-	-	29.510	0,010	Mua cổ phiếu ESOP
5	Hoàng Xuân Quốc	Cổ đông nội bộ	84.640	0,030	186.948	0,065	Mua cổ phiếu ESOP
6	Trần Quang Thiên	Cổ đông nội bộ	11.128	0,004	71.404	0,025	Mua cổ phiếu ESOP
7	Ngô Đức Nhân	Cổ đông nội bộ	5.008	0,002	82.124	0,029	Mua cổ phiếu ESOP, Bán CP
8	Trần Quang Mẫn	Cổ đông nội bộ	13.353	0,005	79.609	0,028	Mua cổ phiếu ESOP, Bán CP
9	Nguyễn Ngọc Hải	Cổ đông nội bộ	11.128	0,004	75.374	0,026	Mua cổ phiếu ESOP, Bán CP
10	Trịnh Việt Thắng	Cổ đông nội bộ	-	-	16.996	0,006	Mua cổ phiếu ESOP
11	Nguyễn Hữu Minh	Cổ đông nội bộ	21.528	0,008	82.844	0,029	Mua cổ phiếu ESOP
12	Nguyễn Văn Kỳ	Cổ đông nội bộ	-	-	9.560	0,003	Mua cổ phiếu ESOP
13	Trần Quốc Hùng	Cổ đông nội bộ	-	-	4.980	0,002	Mua cổ phiếu ESOP
14	Lê Việt An	Cổ đông nội bộ	-	-	54.550	0,019	Mua cổ phiếu ESOP
15	Trịnh Quốc Thắng	Cổ đông nội bộ	-	-	56.220	0,020	Mua cổ phiếu ESOP

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch lớn với Công ty con

Không có.

3.4 Thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2007, trở thành công ty đại chúng từ năm 2009 và cổ phiếu được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh từ năm 2015. Cơ cấu điều hành và quản trị Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

quan.

Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT, BĐH luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra với kinh nghiệm lâu năm trong ngành sản xuất và kinh doanh điện, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động SXKD của Công ty.



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017
NT2: THÂN THIỆN – HIỆU QUẢ - AN TOÀN

VII. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

Ý kiến của Kiểm toán viên – Công ty TNHH Deloitte Việt Nam:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Phụ lục đính kèm Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH
Uông Ngọc Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ
NHƠN TRẠCH 2**

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2

Ấp 3, Xã Phước Khánh, Huyện Nhơn Trạch
Tỉnh Đồng Nai, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ông Ngọc Hải	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Hoàng Xuân Quốc	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Lương Ngọc Anh	Thành viên
Ông Phan Đại Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017)
Ông Phạm Cương	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Xuân Quốc	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2018)
Ông Ngô Đức Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Thiên	Phó Giám đốc
Ông Trần Quang Mẫn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Việt Thắng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Ngô Đức Nhân
Phó Giám đốc Phụ trách
Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Số: 273 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 31 tháng 01 năm 2018 từ trang 3 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 31 tháng 01 năm 2018

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1503-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Độc lập
Đạo đức
Lý trí
Nghiêm túc

2500-
NHÀ
ĐỒNG
NHIỆM
LỢI
ỆT N
TP.H

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.101.036.352.909	5.316.223.172.464
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	145.968.678.560	1.398.468.310.099
1.	Tiền	111		75.968.678.560	133.468.310.099
2.	Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	1.265.000.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	900.000.000.000	-
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		900.000.000.000	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.795.329.283.333	3.609.508.630.323
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.682.184.444.895	3.447.445.691.772
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		67.873.214.457	117.366.595.233
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	7	45.271.623.981	44.696.343.318
IV.	Hàng tồn kho	140		259.378.183.413	239.011.186.410
1.	Hàng tồn kho	141	8	259.378.183.413	239.011.186.410
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		360.207.603	69.235.045.632
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	360.207.603	14.504.546.432
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	54.730.499.200
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.863.073.281.689	7.663.690.891.214
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.652.707.000	202.139.261.947
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	-	164.486.554.947
2.	Phải thu dài hạn khác	216	7	37.652.707.000	37.652.707.000
II.	Tài sản cố định	220		6.246.942.913.088	6.934.521.012.006
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	9	6.220.939.145.368	6.906.903.378.576
	- Nguyên giá	222		11.311.963.520.847	11.307.417.864.097
	- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.091.024.375.479)	(4.400.514.485.521)
2.	Tài sản cố định vô hình	227	10	26.003.767.720	27.617.633.430
	- Nguyên giá	228		30.823.217.421	30.823.217.421
	- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.819.449.701)	(3.205.583.991)
III.	Tài sản dở dang dài hạn	240		3.660.751.905	1.404.275.541
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.660.751.905	1.404.275.541
IV.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	-	-
1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.140.000.000	11.140.000.000
2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.140.000.000)	(11.140.000.000)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		574.816.909.696	525.626.341.720
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	13	573.652.857.592	524.433.017.320
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	1.164.052.104	1.193.324.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		9.964.109.634.598	12.979.914.063.678

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.978.887.563.950	8.071.479.939.962
I. Nợ ngắn hạn	310		2.283.994.389.470	4.309.602.086.664
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	921.725.227.019	2.651.557.360.711
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	109.836.787.507	294.941.869.230
3. Phải trả người lao động	314		22.832.675.474	16.736.277.977
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	103.655.933.906	92.723.792.338
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	44.580.478.404	185.717.509.065
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	1.066.152.126.657	1.044.961.195.732
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.211.160.503	22.964.081.611
II. Nợ dài hạn	330		2.694.893.174.480	3.761.877.853.298
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	2.631.620.466.530	3.697.297.425.589
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	23.281.042.069	23.866.487.990
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		39.991.665.881	40.713.939.719
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.985.222.070.648	4.908.434.123.716
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.985.222.070.648	4.908.434.123.716
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.878.760.290.000	2.848.760.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.878.760.290.000	2.848.760.290.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(457.500.000)	(210.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		137.294.913.354	137.294.913.354
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.969.624.367.294	1.922.588.920.362
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		1.461.987.273.962	1.426.832.624.142
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		507.637.093.332	495.756.296.220
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)			9.964.109.634.598	12.979.914.063.678



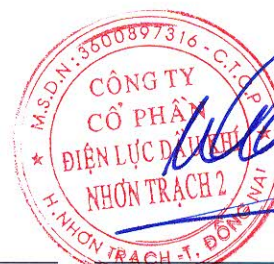
Lê Văn Tú
Người lập biểu



Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Phó Giám đốc Phụ trách
Ngày 31 tháng 01 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		6.761.129.918.866	7.983.298.417.066
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10	24	6.761.129.918.866	7.983.298.417.066
3. Giá vốn hàng bán	11		5.368.441.795.759	6.631.836.154.237
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		1.392.688.123.107	1.351.462.262.829
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	62.995.842.401	103.162.240.788
6. Chi phí tài chính	22	27	489.570.695.744	249.014.358.209
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		120.327.680.247	155.984.410.804
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	113.928.158.596	56.841.564.744
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		852.185.111.168	1.148.768.580.664
9. Thu nhập khác	31		1.454.348.129	760.075.813
10. Chi phí khác	32		200.592.792	1.347.543.540
11. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		1.253.755.337	(587.467.727)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		853.438.866.505	1.148.181.112.937
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	42.996.471.877	62.934.763.783
14. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		29.272.296	(262.005.066)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		810.413.122.332	1.085.508.354.220
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.768	3.740

Lê Văn Tú
 Người lập biểu

Lê Việt An
 Kế toán trưởng




 Ngô Đức Nhân
 Phó Giám đốc Phụ trách
 Ngày 31 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

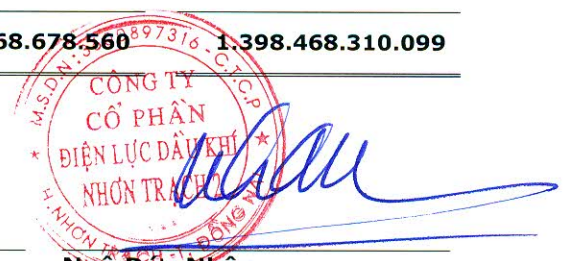
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay		Năm trước	
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	853.438.866.505		1.148.181.112.937	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	692.728.914.680		694.373.166.889	
Các khoản dự phòng	03	(585.445.921)		(30.098.378.062)	
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	234.688.984.672		(38.496.893.255)	
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(60.863.787.502)		(58.964.396.649)	
Chi phí lãi vay	06	120.327.680.247		155.984.410.804	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.839.735.212.681		1.870.979.022.664	
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.033.975.998.362		(1.885.427.380.067)	
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(20.366.997.003)		48.982.004.054	
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(1.837.184.635.295)		2.204.648.970.824	
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(35.075.501.443)		109.154.326.001	
Tiền lãi vay đã trả	14	(123.463.107.866)		(157.273.282.628)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(49.778.892.999)		(80.762.149.701)	
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(22.873.657.154)		(17.764.464.701)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.784.968.401.283		2.092.537.046.446	
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.038.275.513)		(10.638.341.920)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	602.113.636		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(900.000.000.000)		-	
4. Tiền thu lãi tiền gửi	27	59.682.076.641		57.241.382.759	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(847.754.085.236)		46.603.040.839	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	30.000.000.000		-	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.330.125.481.812)		(1.060.713.743.759)	
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(889.588.474.445)		(788.459.445.790)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.189.713.956.257)		(1.849.173.189.549)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(1.252.499.640.210)		289.966.897.736	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.398.468.310.099		1.108.501.344.977	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	8.671		67.386	
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	145.968.678.560		1.398.468.310.099	



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Phó Giám đốc Phụ trách
Ngày 31 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000396 ngày 20 tháng 6 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 3600897316 ngày 05 tháng 01 năm 2018.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 186 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 190 người).

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn thiết bị vật tư, phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là quản lý đầu tư xây dựng và vận hành các công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.



Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc, thiết bị	05 – 14
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị văn phòng	03 – 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm. Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn được trình bày theo nguyên giá và không tính khấu hao. Phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy và các chi phí trả trước khác, có thời hạn phân bổ trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi, phí cố định và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc thiết bị; chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Thông tin chi tiết về các khoản trả trước dài hạn liên quan đến các khoản phí bảo hiểm cho các khoản vay dài hạn; chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị; chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 và lãi vay thanh toán cho hợp đồng bảo trì máy móc, thiết bị được trình bày ở Thuyết minh số 13.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng theo sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có sự xác nhận hàng tháng của Công ty Mua Bán Điện (EPTC) theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 08 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ("Hợp đồng 07") được ký vào ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục/Hợp đồng sửa đổi bổ sung khác của Hợp đồng 07 nói trên. Số liệu doanh thu bán điện này được thông báo trước cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và các khoản chênh lệch phát sinh sẽ được ghi nhận vào kỳ kế toán hiện hành khi Công ty xác định doanh thu chính xác dựa trên tỷ giá giữa Đô la Mỹ và Đồng Việt Nam công bố tại ngày phát hành hóa đơn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

77316
TY
AN
AUK
ACH2
T. Đ.

00-
NHÁ
G T
LIỆM H
OIT
T N
P. H

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam áp dụng cho các Công ty trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã nhận được Công văn số 7526/BTC-TCĐN ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính chấp thuận việc sử dụng tỷ giá do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố để quy đổi các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phân phối quỹ và phân chia cổ tức

Phân chia cổ tức cho các cổ đông Công ty được ghi nhận như là khoản công nợ phải trả trên báo cáo tài chính của Công ty trong năm với số cổ tức được thông qua bởi các cổ đông Công ty. Tạm ứng cổ tức trong năm 2017 được Hội đồng quản trị quyết định chi trả cho cổ đông dựa trên (i) tình hình sản xuất - kinh doanh hiện tại và kết quả kinh doanh dự kiến trong năm tới, (ii) mức cổ tức dự kiến năm 2017 đã được Đại hội Cổ đông Thường niên thông qua và (iii) đảm bảo tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam cũng như cân đối được nguồn tiền chi trả và các nghĩa vụ tài chính khác sau khi tạm ứng cổ tức.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	120.412.220	22.500.916
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	75.848.266.340	133.445.809.183
Các khoản tương đương tiền	70.000.000.000	1.265.000.000.000
	<u>145.968.678.560</u>	<u>1.398.468.310.099</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại các ngân hàng thương mại với thời hạn dưới 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 5% đến 5,5%/năm (năm 2016: từ 4,6% đến 5,5%/năm). Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này sẽ được tự động gia hạn nếu Công ty không yêu cầu tất toán tại ngày đáo hạn.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 đồng), cụ thể là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 4 - 6 tháng và được hưởng mức lãi suất 6,0%/năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Mua bán Điện (EPTC)	1.682.136.342.319	3.447.370.559.194
- Các khoản phải thu khách hàng khác	48.102.576	75.132.578
	<u>1.682.184.444.895</u>	<u>3.447.445.691.772</u>
b. Phải thu dài hạn của khách hàng		
- Công ty Mua bán Điện (EPTC)	-	164.486.554.947
	<u>-</u>	<u>164.486.554.947</u>

Các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chủ yếu là khoản tiền điện tạm tính phải thu Công ty Mua Bán Điện (EPTC) tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2017 chưa xuất hóa đơn (1.518 tỷ đồng) được xác định theo giá bán điện chính thức được quy định tại Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 và các phụ lục sửa đổi bổ sung; và khoản tiền điện bổ sung theo giá bán điện chính thức của Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013, có kỳ hạn thu hồi dưới 12 tháng (164,5 tỷ đồng).

Ban Giám đốc Công ty đánh giá và tin tưởng rằng sẽ thu được toàn bộ số tiền nói trên.

7. PHẢI THU KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Lãi trả chậm dự thu Công ty Mua bán Điện (EPTC) (*)	42.153.554.457	42.153.554.457
- Lãi dự thu	2.923.083.335	2.343.486.110
- Tạm ứng cho nhân viên	124.000.000	149.000.000
- Ký cược, ký quỹ	10.000.000	10.000.000
- Phải thu khác	60.986.189	40.302.751
	<u>45.271.623.981</u>	<u>44.696.343.318</u>
b. Dài hạn		
- Tiền đền bù giải phóng mặt bằng	37.652.707.000	37.652.707.000
	<u>37.652.707.000</u>	<u>37.652.707.000</u>

(*) Phải thu ngắn hạn khác chủ yếu là lãi trả chậm dự thu từ Công ty Mua Bán Điện (EPTC).

Phải thu dài hạn khác thể hiện chi phí đền bù giải phóng mặt bằng sẽ được trừ vào tiền thuê đất phải trả Nhà nước trong tương lai theo quy định của Luật đất đai. Khoản phải thu dài hạn này được phân loại từ nguyên giá tài sản cố định hữu hình sang các khoản phải thu dài hạn khác theo Quyết định số 35/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2.

Ngày 20 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng thuê đất số 122/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Nai với tổng diện tích thuê đất là 423.912,8 m². Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo về việc bù trừ chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất phải trả Nhà nước.

8. HÀNG TỒN KHO

Giá trị hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 thể hiện giá trị đầu DO được nhập kho phục vụ cho hoạt động sản xuất điện và các vật tư tiêu hao, vật tư dự phòng phục vụ quá trình vận hành thương mại, bảo dưỡng Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2.

12/01/2018

10017
CH
CỔ
RÁCHM
DEI
VIỆ
V)-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	2.971.262.039.138	8.295.123.823.981	32.215.121.301	8.816.879.677	11.307.417.864.097
Tăng trong năm	-	423.947.990	4.429.454.091	1.048.524.614	5.901.926.695
Điều chỉnh	(2.073.141)	-	-	-	(2.073.141)
Giảm do thanh lý	-	-	(1.354.196.804)	-	(1.354.196.804)
Số dư cuối năm	<u>2.971.259.965.997</u>	<u>8.295.547.771.971</u>	<u>35.290.378.588</u>	<u>9.865.404.291</u>	<u>11.311.963.520.847</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	776.084.707.288	3.599.818.625.232	19.108.866.954	5.502.286.047	4.400.514.485.521
Khấu hao trong năm	148.698.075.405	538.673.667.063	3.082.840.506	1.409.503.788	691.864.086.762
Giảm do thanh lý	-	-	(1.354.196.804)	-	(1.354.196.804)
Số dư cuối năm	<u>924.782.782.693</u>	<u>4.138.492.292.295</u>	<u>20.837.510.656</u>	<u>6.911.789.835</u>	<u>5.091.024.375.479</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày cuối năm	<u>2.046.477.183.304</u>	<u>4.157.055.479.676</u>	<u>14.452.867.932</u>	<u>2.953.614.456</u>	<u>6.220.939.145.368</u>
Tại ngày đầu năm	<u>2.195.177.331.850</u>	<u>4.695.305.198.749</u>	<u>13.106.254.347</u>	<u>3.314.593.630</u>	<u>6.906.903.378.576</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 9.103.987.264 đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.680.037.264 đồng).

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	21.602.554.546	9.220.662.875	30.823.217.421
Số dư cuối năm	21.602.554.546	9.220.662.875	30.823.217.421
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	3.205.583.991	3.205.583.991
Khấu hao trong năm	-	1.613.865.710	1.613.865.710
Số dư cuối năm	-	4.819.449.701	4.819.449.701
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	21.602.554.546	4.401.213.174	26.003.767.720
Tại ngày đầu năm	21.602.554.546	6.015.078.884	27.617.633.430

Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài là quyền sử dụng đất tại khu đất thuộc Chung cư CC1.2 - Đơn vị ở số 1 - Khu dân cư Phước An - Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.

Giá trị phần mềm gồm giá trị của hệ thống quản lý bảo trì, quản lý vật tư thiết bị tài sản nhà máy, phần mềm kế toán SAP và website công ty.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nghiên cứu hệ thống giảm thiểu khí CO ₂	1.406.363.636	-
Đầu tư xây dựng cơ bản	2.254.388.269	1.404.275.541
	3.660.751.905	1.404.275.541

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí nghiên cứu, đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm các tài sản cố định phải trải qua quá trình lắp đặt, chạy thử trước khi đưa vào sử dụng trong năm.

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Công ty đã góp 11.140.000.000 đồng, tương đương với 1.114.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần), vào vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao ("Sopewaco") tính đến 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài Chính. Cơ sở trích lập dự phòng là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Sopewaco. Khoản lỗ lũy kế của Sopewaco tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã cao hơn vốn điều lệ của Sopewaco. Do đó, Ban Giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư tài chính dài hạn nêu trên tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm nhà máy	-	14.148.091.059
Chi phí khác	360.207.603	356.455.373
	360.207.603	14.504.546.432
b. Dài hạn		
Phí bảo hiểm khoản vay tín dụng	219.975.968.939	284.363.481.902
Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị	177.473.528.484	208.742.615.755
Chi phí trung tu nhà máy điện cần phân bổ	-	10.951.128.462
Chi phí đại tu nhà máy điện cần phân bổ	147.015.945.192	-
Phí bảo hiểm nhân thọ	6.291.666.667	13.841.666.667
Chi phí khác	22.895.748.310	6.534.124.534
	573.652.857.592	524.433.017.320

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện khoản phí bảo hiểm nhà máy, có thời hạn bảo hiểm trong vòng 1 năm.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí:

- Chi phí bảo hiểm khoản vay tín dụng: Theo hợp đồng vay tín dụng xuất khẩu ký ngày 22 tháng 7 năm 2010 và 23 tháng 7 năm 2010 giữa Công ty và các ngân hàng tài trợ do Citibank làm đại lý. Phí bảo hiểm khoản vay được phát hành bởi HERMES và NEXI bảo hiểm cho các bên cho vay trong toàn bộ thời hạn vay theo hợp đồng là 2,5 năm ân hạn và 9,5 năm trả nợ. Phí bảo hiểm của các khoản vay này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn vay của các khoản vay dài hạn.
- Chi phí huy động, phí biến đổi và phí cố định hợp đồng bảo trì thiết bị: Theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 – PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 200.000 giờ (EOH). Phí huy động, phí biến đổi và phí cố định được thanh toán trước khi Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 vận hành thương mại và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo số giờ EOH thực tế phát sinh.
- Chi phí đại tu Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 phát sinh khi nhà máy đạt đến 50.000 giờ vận hành EOH và Công ty phải thực hiện việc đại tu theo yêu cầu kỹ thuật. Theo đó, chi phí đại tu này được ghi nhận và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ phát sinh 25.000 giờ vận hành EOH tiếp theo.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	5%	5%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.164.052.104	1.193.324.400
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.164.052.104	1.193.324.400

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả bên liên quan				
- Tổng Công ty Khí Việt Nam	803.144.467.801	803.144.467.801	2.587.804.650.220	2.587.804.650.220
- Cổ phần dịch vụ kỹ thuật điện lực Dầu khí Việt Nam	70.832.511.352	70.832.511.352	51.658.974.760	51.658.974.760
- Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426	454.403.426	454.403.426
- Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000	1.140.250.000	1.140.250.000
- Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	-	787.743.000	787.743.000
- Công ty Cổ phần PVI	-	-	75.000.000	75.000.000
- Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	683.650.652	683.650.652	-	-
- Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	63.345.450	63.345.450	-	-
	876.318.628.681	876.318.628.681	2.641.921.021.406	2.641.921.021.406
b. Các khoản phải trả bên thứ ba				
Các đối tượng khác	45.406.598.338	45.406.598.338	9.636.339.305	9.636.339.305
	921.725.227.019	921.725.227.019	2.651.557.360.711	2.651.557.360.711

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	283.444.000.385	70.000.384.114	248.142.231.776	105.302.152.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.678.892.999	42.996.471.877	49.778.892.999	896.471.877
Thuế thu nhập cá nhân	562.140.090	11.288.767.876	11.289.859.327	561.048.639
Thuế tài nguyên	2.804.624.910	30.729.345.930	30.458.013.840	3.075.957.000
Thuế nhập khẩu	-	12.891.579.456	12.891.579.456	-
Các loại thuế khác	452.210.846	14.303.494.465	14.754.548.043	1.157.268
	294.941.869.230	182.210.043.718	367.315.125.441	109.836.787.507

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí bảo trì	81.238.231.701	70.809.211.912
Lãi vay tính trước	8.720.675.781	10.435.851.361
Khác	13.697.026.424	11.478.729.065
	103.655.933.906	92.723.792.338

Chi phí phải trả ngắn hạn chủ yếu là chi phí bảo trì, sửa chữa nhà máy được trích theo thoả thuận chuyển giao và hợp đồng sửa đổi của hợp đồng sửa chữa dài hạn Nhà máy điện Nhơn Trạch 2 giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam; liên danh Siemens AG/Siemens Ltd Viet Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ EOH cho mỗi tổ máy.

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Lãi chậm thanh toán phải trả	39.278.284.374	39.278.284.374
Tổng Công ty Khí Việt Nam		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.751.488.460	145.862.287.505
Phải trả khác	550.705.570	576.937.186
	44.580.478.404	185.717.509.065

19. VAY

	<u>Vay dài hạn</u>	<u>Các khoản vay</u>
	<u>đến hạn trả</u>	<u>dài hạn</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm		
- Giá trị	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589
- Số có khả năng trả nợ	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589
Trong năm		
- Tăng	1.117.183.001.985	221.556.981.109
+ Chuyển từ các khoản vay dài hạn	1.053.100.529.416	-
+ Chênh lệch tỷ giá hối đoái	64.082.472.569	221.556.981.109
- Giảm	1.095.992.071.060	1.287.233.940.168
+ Chuyển sang các khoản vay dài hạn đến hạn trả	-	1.053.100.529.416
+ Thanh toán trong năm	1.095.992.071.060	234.133.410.752
Số dư cuối năm		
- Giá trị	1.066.152.126.657	2.631.620.466.530
- Số có khả năng trả nợ	1.066.152.126.657	2.631.620.466.530

Chi tiết các khoản vay dài hạn theo đối tượng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
HERMES, CIRR, NEXI và Citibank	3.697.772.593.187	4.461.298.558.270
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh		
Vượng - Chi nhánh Thành phố Hồ		
Chí Minh	-	171.880.226.826
Ngân hàng TMCP Phát triển Việt		
Nam - Chi nhánh Cộng Hòa	-	109.079.836.225
	3.697.772.593.187	4.742.258.621.321

Ngày 22 tháng 7 năm 2010 và ngày 23 tháng 7 năm 2010, Công ty đã ký các hợp đồng vay với các ngân hàng tài trợ là HERMES, CIRR, NEXI và Citibank, với Citibank là ngân hàng đầu mối với tổng hạn mức vay là 215.380.981 đô la Mỹ và 202.585.883 euro. Các khoản vay này được chính phủ Việt Nam bảo lãnh và được cấp bảo hiểm bởi HERMES và NEXI. Lãi suất được tính theo Euribor 6 tháng và Libor 6 tháng cộng cho các khoản lãi suất điều chỉnh. Nợ gốc và lãi vay được trả 6 tháng một lần trong đó thời gian trả nợ gốc là 9,5 năm được chia thành 19 kỳ trả nợ đều nhau với thời điểm trả nợ gốc đầu tiên là ngày 01 tháng 6 năm 2012. Tổng số dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 lần lượt là 78.408.979 đô la Mỹ và 70.845.796 euro (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 100.885.760,9 đô la Mỹ và 91.381.201,78 euro).

Ngày 08 tháng 02 năm 2017, Công ty đã ký Biên bản đàm phán với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện trả nợ trước hạn với hợp đồng tín dụng ký ngày 24 tháng 4 năm 2013 về việc tài trợ đầu tư xây dựng Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Theo đó, số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được thanh toán hết.

Ngày 14 tháng 02 năm 2017, Công ty đã ký Biên bản đàm phán với Ngân hàng TMCP Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cộng Hòa về việc trả nợ trước hạn với hợp đồng tín dụng số 0210/2014/HĐTDTDH/DN ngày 15 tháng 5 năm 2014 về việc tài trợ khoản vay đầu tư dự án xây dựng Nhà máy điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2. Theo đó, số dư nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được thanh toán hết.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.066.152.126.657	1.044.961.195.732
Trong năm thứ hai	1.066.152.126.657	1.044.961.195.732
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.565.468.339.873	2.605.509.428.301
Sau năm năm	-	46.826.801.556
	3.697.772.593.187	4.742.258.621.321
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.066.152.126.657)	(1.044.961.195.732)
Số phải trả sau 12 tháng	2.631.620.466.530	3.697.297.425.589

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Khoản dự phòng phải trả dài hạn phản ánh các chi phí trích trước để thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ Nhà máy điện Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 theo Hợp đồng bảo trì thiết bị dài hạn số 68/2011/PVPOWER NT2 - PVPS giữa Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 và Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam cho công tác bảo trì máy móc, thiết bị chính cho Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 trong thời hạn 11,7 năm hoặc 100.000 giờ (EOH) cho mỗi tổ máy.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	287.876.029	284.876.029
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	<u>287.876.029</u>	<u>284.876.029</u>

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng lợi tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	1.709.260.800.000	59,37%	1.709.260.800.000	60,00%
Công ty TNHH Phát Triển Công Nghệ	237.961.150.000	8,27%	237.961.150.000	8,35%
Các cổ đông khác	931.538.340.000	32,36%	901.538.340.000	31,65%
	2.878.760.290.000	100%	2.848.760.290.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016					
Số đầu năm	2.739.198.430.000	(113.000.000)	79.801.049.931	1.949.571.666.106	4.768.458.146.037
Tăng vốn trong năm	109.561.860.000	-	-	(109.561.860.000)	-
Phân phối quỹ từ lợi nhuận	-	-	57.081.386.064	(77.081.386.064)	(20.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.085.508.354.220	1.085.508.354.220
Cổ tức được chia	-	-	-	(925.847.853.900)	(925.847.853.900)
Tăng/(Giảm) khác	-	(97.000.000)	412.477.359	-	315.477.359
Số dư cuối năm	2.848.760.290.000	(210.000.000)	137.294.913.354	1.922.588.920.362	4.908.434.123.716
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017					
Số dư đầu năm	2.848.760.290.000	(210.000.000)	137.294.913.354	1.922.588.920.362	4.908.434.123.716
Tăng vốn trong năm	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Phân phối quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	(14.900.000.000)	(14.900.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	810.413.122.332	810.413.122.332
Cổ tức được chia	-	-	-	(748.477.675.400)	(748.477.675.400)
Giảm khác	-	(247.500.000)	-	-	(247.500.000)
Số dư cuối năm	2.878.760.290.000	(457.500.000)	137.294.913.354	1.969.624.367.294	4.985.222.070.648

Theo Quyết định số 04/QĐ-CPNT2 ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã phê duyệt Phương án thực hiện và Quy chế phát hành 3 triệu cổ phiếu lựa chọn cho người lao động với giá mua tương ứng mệnh giá 10.000 đồng, với thời gian hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày hoàn tất đợt phát hành. Theo thông báo số 402/TB-SGDHCM ngày 27 tháng 3 năm 2017 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, số lượng cổ phiếu trên đã được chấp thuận niêm yết kể từ ngày 24 tháng 3 năm 2017 và số lượng cổ phiếu tăng thêm chính thức được giao dịch từ 26 tháng 02 năm 2018.

Theo Nghị quyết số 09/NQ-CPNT2 ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017, Công ty đã chia cổ tức bổ sung từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 với số tiền 460.601.646.400 đồng, tương ứng với 16% mệnh giá một cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Theo Nghị quyết số NQ 21/NQ-CPNT2 ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền theo tỷ lệ 10% mệnh giá một cổ phần tương ứng với số tiền 287.876.029.000 đồng từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 của Công ty.

Số liệu sau cùng liên quan đến việc phân phối các quỹ và chia cổ tức nêu trên từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 sẽ được các cổ đông phê duyệt trong Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.



22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ	USD	267,88	268,20
Euro	EUR	6,94	6,99

23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và bán điện trong nội địa. Hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty trong năm cũng như các niên độ kế toán trước. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các niên độ kế toán trước đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

Doanh thu thuần trong năm bao gồm doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo giá bán điện dựa vào cơ chế giá khí thị trường đã được quy định trong Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 08 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012 giữa Công ty Mua Bán Điện (EPTC) và Công ty cổ phần Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2.

Doanh thu bán điện trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2017 được ghi nhận theo tỷ giá tại ngày xuất hóa đơn. Doanh thu bán điện cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa xuất hóa đơn, được ghi nhận theo tỷ giá tạm tính tại thời điểm báo cáo. Do vậy, phần chênh lệch doanh thu bán điện giai đoạn từ ngày 01 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ được điều chỉnh chính xác và ghi nhận sau khi tỷ giá được xác định chắc chắn.

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.151.172.026.950	5.420.892.853.967
Chi phí nhân công	88.017.317.131	70.674.413.447
Chi phí khấu hao tài sản cố định	692.728.914.680	694.373.166.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	473.604.653.252	447.934.096.070
Chi phí khác bằng tiền	76.847.042.342	54.803.188.608
	5.482.369.954.355	6.688.677.718.981

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	60.261.673.866	58.964.396.649
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.734.168.535	44.197.844.139
	62.995.842.401	103.162.240.788

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	120.327.680.247	155.984.410.804
Phí bảo hiểm khoản vay	64.387.512.963	64.157.600.911
Lỗ chênh lệch tỷ giá	290.246.330.109	12.202.150.547
Phí bảo lãnh chính phủ cho khoản vay	11.444.426.845	13.269.968.354
Khác	3.164.745.580	3.400.227.593
	489.570.695.744	249.014.358.209

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	39.296.647.752	31.893.297.241
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.539.619.478	2.442.749.735
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.815.631.479	9.882.430.539
Thuế, phí và lệ phí	777.447.572	651.600.027
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.698.382.871	35.046.388.741
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.800.429.444	12.263.577.836
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(35.338.479.375)
	113.928.158.596	56.841.564.744

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	42.996.471.877	57.760.073.651
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	5.174.690.132
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	42.996.471.877	62.934.763.783

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay			Năm trước
	Hoạt động chính	Hoạt động khác	Tổng	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	852.185.111.168	1.253.755.337	853.438.866.505	1.148.181.112.937
Cộng: Các chi phí không được khấu trừ	2.721.281.490	2.008.054	2.723.289.544	5.392.633.938
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(8.671)	-	(8.671)	(67.386)
Thu nhập tính thuế	854.906.383.987	1.255.763.391	856.162.147.378	1.153.573.679.489
Thuế suất	5%	20%		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	42.745.319.199	251.152.678	42.996.471.877	57.760.073.651
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	-	-	-	5.174.690.132
Thuế thu nhập doanh nghiệp	42.745.319.199	251.152.678	42.996.471.877	62.934.763.783

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% tính trên thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng (hoạt động chính) trong 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu và 20% cho những năm tiếp theo.

Công ty được miễn thuế 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập tính thuế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Đây là năm thứ bảy Công ty có thu nhập tính thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng và là năm thứ ba được giảm 50% số thuế phải nộp.

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% (năm 2016: 20%) tính trên thu nhập từ các hoạt động khác theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu như bên dưới:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	810.413.122.332	1.085.508.354.220
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(14.900.000.000)	(20.000.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	795.513.122.332	1.065.508.354.220
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	287.391.097	284.876.029
để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.768	3.740

31. CAM KẾT BÁN HÀNG

Công ty đã ký kết với Công ty Mua Bán Điện (EPTC) bằng Hợp đồng mua bán điện số 07/2012/HĐ-NMĐ-NT2 ngày 06 tháng 7 năm 2012. Theo đó, toàn bộ sản lượng điện sản xuất theo lệnh điều động của Cục Điều tiết Điện lực sẽ được bao tiêu bởi Công ty Mua Bán Điện (EPTC) trong thời hạn là 10 năm kể từ ngày Nhà máy Điện Tuabin khí Chu trình hỗn hợp Nhơn Trạch 2 chính thức vận hành thương mại vào ngày 16 tháng 10 năm 2011.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	3.697.772.593.187	4.742.258.621.321
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(145.968.678.560)	(1.398.468.310.099)
Nợ thuần	3.551.803.914.627	3.343.790.311.222
Vốn chủ sở hữu	4.985.222.070.648	4.908.434.123.716
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,71	0,68

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.968.678.560	1.398.468.310.099
Các khoản đầu tư ngắn hạn	900.000.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.764.984.775.876	3.694.132.297.037
	2.810.953.454.436	5.092.600.607.136
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.697.772.593.187	4.742.258.621.321
Phải trả người bán và phải trả khác	966.107.814.127	2.837.058.842.603
Chi phí phải trả	103.655.933.906	92.723.792.338
	4.767.536.341.220	7.672.041.256.262

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
<i>Đôla Mỹ</i> <i>(USD)</i>	6.071.499	6.093.504	1.777.139.576.768	2.292.124.551.754
<i>Euro</i> <i>(EUR)</i>	188.143	165.926	1.920.633.016.419	2.169.174.120.495

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá theo biến động tỉ giá của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
USD	53.314.005.158	68.763.553.748
EUR	57.618.984.848	65.075.218.637

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện dưới đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm/tăng 73.955.451.864 đồng (năm 2016: 89.225.973.445 đồng).

Quản lý rủi ro về giá khí gas nguyên liệu

Công ty mua khí gas nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để sản xuất điện. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của khí gas nguyên liệu.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu do bán điện cho Công ty Mua Bán Điện (EPTC) phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 01 năm. Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33 và một khách hàng lớn như trình bày tại Thuyết minh số 6.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ NHƠN TRẠCH 2
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2017			
Tiền và các khoản tương đương tiền	145.968.678.560	-	145.968.678.560
Các khoản đầu tư ngắn hạn	900.000.000.000	-	900.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.727.332.068.876	37.652.707.000	1.764.984.775.876
	2.773.300.747.436	37.652.707.000	2.810.953.454.436
Các khoản vay	1.066.152.126.657	2.631.620.466.530	3.697.772.593.187
Phải trả người bán và phải trả khác	966.107.814.127	-	966.107.814.127
Chi phí phải trả	103.655.933.906	-	103.655.933.906
	2.135.915.874.690	2.631.620.466.530	4.767.536.341.220
Chênh lệch thanh khoản thuần	637.384.872.746	(2.593.967.759.530)	(1.956.582.886.784)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng cộng VND
31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.398.468.310.099	-	1.398.468.310.099
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.491.993.035.090	202.139.261.947	3.694.132.297.037
	4.890.461.345.189	202.139.261.947	5.092.600.607.136
Các khoản vay	1.044.961.195.732	3.697.297.425.589	4.742.258.621.321
Phải trả người bán và phải trả khác	2.837.058.842.603	-	2.837.058.842.603
Chi phí phải trả	92.723.792.338	-	92.723.792.338
	3.974.743.830.673	3.697.297.425.589	7.672.041.256.262
Chênh lệch thanh khoản thuần	915.717.514.516	(3.495.158.163.642)	(2.579.440.649.126)

Ban Giám đốc đánh giá mức rủi ro thanh khoản ở mức cao. Tuy nhiên, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Mối quan hệ

Tổng Công ty Điện lực Dầu Khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")	Công ty mẹ của Chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần PVI	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 1	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dầu nhờn PV Oil	Công ty cùng Tập đoàn
Chi nhánh Viện Dầu Khí Việt Nam – Trung tâm	Công ty cùng Tập đoàn
Nghiên cứu & Phát triển an toàn & Môi trường Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	3.924.918.819.671	3.957.414.414.638
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật	48.594.666.386	282.317.453.755
Điện lực Dầu khí Việt Nam		
Công ty Cổ phần PVI	32.286.476.653	72.663.643.810
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	3.542.419.480	2.178.824.300
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	621.500.593	-
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	-	91.368.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	21.030.199.487	837.361.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	1.328.589.676	121.673.105
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.481.811.129	12.018.097.405
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	370.103.976	245.130.127
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	290.000.000	20.000.000
Thu nhập tài chính		
Lãi tiền gửi từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	2.499.902.931	8.635.391.039
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	529.870.848.000	535.787.520.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	8.543.067.043	8.011.028.468

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu thương mại		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	5.776.664	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	31.828.712	67.088.178
Trả trước nhà cung cấp		
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	360.360.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	64.370.973.636	112.673.620.800
Phải thu khác		
Lãi dự thu từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	32.222.222
Phải trả thương mại		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	803.144.467.801	2.587.804.650.220
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	70.832.511.352	51.658.974.760
Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam	454.403.426	454.403.426
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí	1.140.250.000	1.140.250.000
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	63.345.450	-
Tổng Công ty Bảo dưỡng – Sửa chữa Công trình Dầu khí	-	787.743.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí	683.650.652	-
Công ty Cổ phần PVI	-	75.000.000
Phải trả khác		
Tổng Công ty Khí Việt Nam	39.278.284.374	39.278.284.374
Đầu tư tài chính		
Tiền gửi có kỳ hạn tại NH TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	80.000.000.000


34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 2.923.083.335 đồng (năm 2016: 2.343.486.110 đồng) là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa được nhận. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm số tiền 8.720.675.781 đồng (năm 2016: 10.435.851.361 đồng) là số tiền lãi phải trả mà chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi của các khoản phải trả.

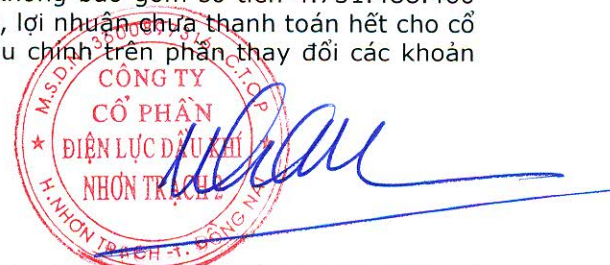
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm số tiền 4.751.488.460 đồng (năm 2016: 145.862.287.505 đồng) là số cổ tức, lợi nhuận chưa thanh toán hết cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Lê Văn Tú
Người lập biểu



Lê Việt An
Kế toán trưởng



Ngô Đức Nhân
Phó Giám đốc Phụ trách
 Ngày 31 tháng 01 năm 2018